d --- QN=207 Chọn các ý đúng về tăng NSLĐ và tăng cường độ lao động:

a. Tăng NSLĐ làm cho số sản phẩm làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên, còn giá trị 1 đơn vị hàng hoá thay đổi.

b. Tăng cường độ lao động làm cho số sản phẩm làm ra trong 1 đơn vị thời gian tăng lên, còn giá trị 1 đơn vị hàng hoá không thay đổi.

c. Tăng NSLĐ dựa trên cơ sở cải tiến kỹ thuật, nâng cao trình độ tay nghề người lao động, còn tăng cường độ lao động thuần tuý là tăng lượng lao động hao phí trong 1 đơn vị thời gian.

d. Các phương án trả lời đều đúng.

a --- QN=208 Nguyên nhân của cách mạng xã hội

a. Là do mâu thuẫn giai cấp

b. Là do mẫu thuẫn xã hội

c. Là do mâu thuẫn dân tộc

a --- QN=209 Để xem xét, giải thích nguồn gốc sâu xa của các hiện tượng kinh tế- xã hội phải xuất phát từ:

a. Ý thức xã hội

b. Kinh tế xã hội

c. Tư tưởng xã hội

c --- QN=210 Để tăng trưởng kinh tế cao, kinh tế học hiện đại nêu ra các nhân tố nào?

a. Vốn, khoa học công nghệ và con người

b. Đất đai, tư bản và cơ cấu kinh tế.

c. Các phương án trả lời đều đúng

c --- QN=211 Phương thức sản xuất là sự thống nhất của:

a. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội

b. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

c. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

d. Cơ cấu kinh tế và kết cấu giai cấp xã hội

c --- QN=212 Cạnh tranh trong chủ nghĩa tư bản dẫn đến

a. Tích lũy tư bản

b. Tích tụ tư bản

c. Độc quyền

b --- QN=213 Trong kinh tế hàng hóa, cạnh tranh có tác dụng

a. Nó làm cho sản xuất thiếu tính nhân văn

b. Nó buộc người sản xuất phải thường xuyên năng động, nhạy bén.

c. Nó làm cho sản xuất mang tính nhân văn hơn

a --- QN=214 Theo quan điểm của KTCT, trong tư liệu lao động bộ phận nào quyết định đến năng suất lao động?

a. Công cụ lao động

b. Nguyên vật liệu cho sản xuất

c. Các vật chứa đựng, bảo quản

d. Kết cấu hạ tầng sản xuất

a --- QN=215 Sản xuất hàng hoá xuất hiện dựa trên:

a. Phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu hoặc những hình thức sở hữu khác nhau về TLSX.

b. Phân công lao động cá biệt và chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

c. Phân công lao động chung và chế độ sở hữu khác nhau về TLSX

b --- QN=216 Ai là người được coi là nhà kinh tế thời kỳ công trường thủ công?

a. W.Petty

b. A. Smith

c. D. Ricardo

a --- QN=217 Yếu tố quyết định đến giá cả hàng hoá là

a. Giá trị của hàng hoá

b. Quan hệ cung cầu về hàng hoá

c. Giá trị sử dụng của hàng hoá

a --- QN=218 Quan hệ sản xuất được hình thành do yếu tố nào sau đây quyết định:

a. Do tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

b. Ý muốn chủ quan của con người

c. Do giai cấp thống trị quy định thành pháp luật

a --- QN=219 Kinh tế- chính trị Mác - Lênin đã kế thừa và phát triển trực tiếp những thành tựu của

a. Kinh tế chính trị cổ điển Anh

b. Chủ nghĩa trọng thương

c. Chủ nghĩa trọng nông

b --- QN=220 Nguyên nhân của cách mạng xã hội là

a. Mâu thuận xã hội

b. Mâu thuẫn giai cấp

c. Mâu thuận chính trị

a --- QN=221 Lực lượng sản xuất biểu hiện:

a. Quan hệ con người với tự nhiên

b. Quan hệ con người với con người

c. Quan hệ con người với tự nhiên và quan hệ người với người

d. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=222 "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào". Câu nói trên là của ai?

a. Mác

b. D.Ricardo

c. Ph.Ăng ghen

a --- QN=223 Căn cứ vào đâu để phân chia thành tái sản xuất cá biệt và tái sản xuất xã hội?

a. Căn cứ vào phạm vi sản xuất

b. Căn cứ vào tốc độ sản xuất

c. Căn cứ vào tính chất sản xuất

a --- QN=224 Hai hàng hoá trao đổi được với nhau vì:

a. Chúng cùng là sản phẩm của lao động.

b. có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng nhau.

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=225 Chủ nghĩa Mác\_lênin quan điểm tôn giáo là

a. Nhu cầu của một bộ phận nhân dân

b. Nhu cầu của toàn nhân

c. Cái làm cho nhân dân bị mê muội

a --- QN=226 Sản xuất hàng hoá tồn tại:

a. Trong các xã hội, có phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa những người sản xuất

b. Trong mọi xã hội

c. Trong xã hội tư bản

b --- QN=227 Ai là người được Mác coi là sáng lập ra kinh tế chính trị tư sản cổ điển?

a. W.Petty

b. A. Smith

c. D. Ricardo

c --- QN=228 Muốn tăng giá trị của một đơn vị hàng hóa cần phải

a. Tăng năng suất lao động

b. Tăng cường độ lao động

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=229 Quan hệ sản xuất bao gồm:

a. Quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất xã hội và quan hệ về phân phối sản phẩm xã hội.

b. Quan hệ kinh tế và quan hệ chính trị.

c. Quan hệ tiêu dùng và quan hệ cung cầu

a --- QN=230 Hai hàng hoá trao đổi được với nhau vì:

a. Chúng cùng là sản phẩm của lao động.

b. có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng nhau.

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=231 Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, C.Mác bắt đầu từ

a. Sản xuất hàng hoá giản đơn và hàng hoá

b. Lưu thông hàng hoá

c. Sản xuất giá trị thặng dư

a --- QN=232 Quan hệ sản xuất biểu hiện:

a. Quan hệ kinh tế giữa người với người trong quá trình sản xuất

b. Quan hệ giữa người với tự nhiên

c. Quan hệ giữa người với người trong xã hội

d. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=233 Các phương thức sản xuất nối tiếp nhau trong lịch sử theo trình tự nào?

a. Cộng sản nguyên thuỷ- chiếm hữu nô lệ- phong kiến- tư bản- chủ nghĩa cộng sản.

b. Cộng sản nguyên thuỷ- phong kiến- chiếm hữu nô lệ- tư bản - chủ nghĩa cộng

sản

c. Chiếm hữu nô lệ - cộng sản nguyên thuỷ - phong kiến - tư bản - chủ nghĩa cộng sản

c --- QN=234 Trong nền sản xuất lớn hiện đại, yếu tố nào giữ vai trò quyết định của quá trình lao động sản xuất?

a. Sức lao động

b. Tư liệu sản xuất hiện đại

c. Công cụ sản xuất tiên tiến

d. Đối tượng lao động

a --- QN=235 Tăng trưởng kinh tế là:

a. Tăng năng suất lao động

b. Tăng GDP và GNP trong một thời kỳ nhất định

c. Tăng hiệu quả của sản xuất

b --- QN=236 Kinh tế hàng hóa ra đời dựa trên mấy nguyên nhân cơ bản

a. Môt

b. Hai

c. Ba

a --- QN=237 Trong nền sản xuất hàng hóa, lạm phát là hiện tượng kinh tế tác động trực tiếp

đến

a. Sản xuất và tiêu dùng

b. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản

c. Tích tụ và tập trung tư bản

a --- QN=238 Trong quan hệ với cường độ lao động, lượng giá trị của đơn vị hàng hoá

a. Không phụ thuộc vào cường độ lao động

b. Tỷ lệ thuận với cường độ lao động

c. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động

a --- QN=239 Chọn ý đúng về tăng cường độ lao động: khi cường độ lao động tăng lên thì:

a. Số lượng hàng hoá làm ra trong một đơn vị thời gian tăng lên

b. Số lượng lao động hao phí trong thời gian đó không thay đổi

c. Giá trị 1 đơn vị hàng hoá giảm đi

b --- QN=240 Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cách mạng triệt để nhất bởi vì

a. Đưa giai cấp tiến bộ lên cầm quyền

b. Giải phóng người lao động ra khỏi áp bức, bóc lột và bất công

c. Giải phóng lực lượng sản xuất chủ yếu

a --- QN=241 Yếu tố chủ thể của lực lượng sản xuất là:

a. Con người với kỹ năng, kỹ xảo và tri thức được tích luỹ lại

b. Tư liệu sản xuất hiện đại

c. Khoa học công nghệ tiên tiến

d. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=242 Trong kinh tế chính trị Mác-Lênin, cung là phạm trù kinh tế dùng để chỉ

a. Mọi hàng hoá có khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường

b. Mọi sản phẩm của lao động

c. Một số sản phẩm nhất định của thị trường

a --- QN=243 Bộ phận nào của tư liệu lao động được coi là tiêu chí phản ánh đặc trưng phát triển của một thời đại kinh tế

a. Công cụ lao động

b. Kết cấu hạ tầng sản xuất

c. Nhà cửa, kho bãi ... để chứa đựng, bảo quản

d. Các phương án trả lời đều đúng

d --- QN=244 Tư liệu lao động gồm có:

a. Công cụ lao động

b. Các vật để chứa đựng, bảo quản

c. Kết cấu hạ tầng sản xuất

d. Các phương án trả lới đều đúng

b --- QN=245 Hãy chọn phương án đúng về đặc điểm của quy luật kinh tế:

a. Phát huy tác dụng thông qua hoạt động kinh tế của con người

b. Các phương án trả lời đều đúng

c. Mang tính khách quan

d --- QN=246 Chọn ý đúng trong các ý dưới đây:

a. Mọi nguyên liệu đều là đối tượng lao động

b. Mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu

c. Nguyên liệu là đối tượng lao động của các ngành công nghiệp chế biến

d. Các phương án trả lời đều đúng

d --- QN=247 Trong thời đại ngày nay, lực lượng sản xuất bao gồm các yếu tố nào?

a. Người lao động

b. Tư liệu sản xuất

c. Khoa học công nghệ

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=248 Trên giác độ KTCT, lao động trừu tượng là

a. Là phạm trù của mọi nền kinh tế hàng hoá

b. Là phạm trù riêng của kinh tế thị trường

c. Là phạm trù chung của mọi nền kinh tế

a --- QN=249 Mọi hình thức lạm phát đều làm tăng

a. Giá cả của hàng hóa

b. Giá trị của hàng hóa

c. Giá trị sử dụng của hàng hóa

a --- QN=250 Mệnh đề nào sau đây là ý không đúng về lao động phức tạp:

a. Lao động phức tạp là lao động trí tuệ của người lao động có trình độ cao

b. Lao động phức tạp là lao động trải qua đào tạo, huấn luyện

c. Trong cùng một thời gian lao động, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn lao động giản đơn.

b --- QN=251 Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước hình thành dựa trên mấy nguyên nhân

a. Ba nguyên nhân

b. Bốn nguyên nhân

c. Hai nguyên nhân

a --- QN=252 Hoạt động nào của con người được coi là cơ bản nhất và là cơ sở của đời sống xã hội?

a. Hoạt động sản xuất của cải vật chất

b. Hoạt động nghệ thuật, thể thao

c. Hoạt động chính trị

a --- QN=253 Thế nào là lao động phức tạp?

a. Là lao động phải trải qua đào tạo, huấn luyện mới làm được

b. Là lao động tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, tinh vi

c. Là lao động có nhiều thao tác phức tạp

a --- QN=254 Tăng NSLĐ và tăng cường độ lao động giống nhau ở:

a. Đều làm tăng số sản phẩm sản xuất ra trong một thời gian

b. Đều làm tăng lượng lao động hao phí trong 1 đơn vị thời gian

c. Đều làm giá trị đơn vị hàng hoá giảm

b --- QN=255 Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là

a. Quy luật đấu tranh giai cấp

b. Quy luật giá trị

c. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất

c --- QN=256 Ai là người phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá?

a. Ph. Ăng ghen

b. D.Ricardo

c. Mác

a --- QN=257 Thuật ngữ "kinh tế- chính trị" được sử dụng lần đầu tiên vào năm nào?

a. 1615

b. 1616

c. 1617

b --- QN=258 Chủ nghĩa tư bản được xem là

a. Là tương lai của xã hội loài người

b. Không phải là tương lai của xã hội loài người

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=259 Thế nào là lao động giản đơn?

a. Là lao động không cần trải qua đào tạo cũng có thể làm được

b. Là lao động làm công việc đơn giản

c. Là lao động chỉ làm một công đoạn của quá trình tạo ra hàng hoá

c --- QN=260 Căn cứ vào đâu để chia ra thành tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng?

a. Căn cứ vào phạm vi

b. Căn cứ vào nội dung

c. Căn cứ vào quy mô

a --- QN=261 Giá trị của hàng hoá được quyết định bởi:

a. Lao động trừu tượng của người sản xuất kết tinh trong hàng hoá

b. Sự khan hiếm của hàng hoá

c. Sự hao phí sức lao động của con người

a --- QN=262 Đối tượng nghiên cứu của kinh tế- chính trị Mác-Lênin là

a. Quan hệ sản xuất trong mối quan hệ tác động qua lại với lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng.

b. Quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

c. Quan hệ xã hội giữa người với người

c --- QN=263 Quy luật giá trị có tác dụng:

a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hoá.

b. Cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động và phân hoá những người sản xuất

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=264 Trên phương diện KTCT, tái sản xuất là:

a. Là quá trình sản xuất được lặp đi lặp lại và phục hồi không ngừng.

b. Là quá trình sản xuất liên tục.

c. Là sự khôi phục lại sản xuất

c --- QN=265 Trên giác độ KTCT, cầu được hiểu là

a. Nhu cầu của xã hội về dịch vụ

b. Nhu cầu xã hội về hàng hóa

c. Nhu cầu có khả năng thanh toán của xã hội

c --- QN=266 Loại tái sản xuất nào làm tăng sản phẩm chủ yếu do tăng năng suất lao động và hiệu quả sử dụng các nguồn lực?

a. Tái sản xuất mở rộng theo chiều rộng

b. Tái sản xuất mở rộng

c. Tái sản xuất mở rộng theo chiều sâu

a --- QN=267 Trong 3 khâu sau đây của quá trình tái sản xuất, khâu nào giữ vai trò quyết định?

a. Sản xuất

b. Phân phối

c. Trao đổi

b --- QN=268 Hàng hóa sức lao động khác hàng hóa thông thường ở chỗ

a. Khi sử dụng nó sẽ tạo ra một lượng giá trị nhỏ hơn giá trị của bản thân nó

b. Khi sử dụng nó sẽ có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=269 Ai là người đầu tiên đưa ra khái niệm "kinh tế- chính trị"?

a. Antoine Montchretiên

b. Francois Quesney

c. William Petty

b --- QN=270 Bóc lột giá trị thặng dư tương đối là hình thức

a. Tăng thời gian lao động

b. Rút ngắn thời gian lao động cần thiết và thời gian lao động thặng dư

c. Rút ngắn thời gian lao động thặng dư

a --- QN=271 Các tổ chức độc quyền hình thành trên cơ sở

a. Liên kết dọc và liên kết ngang

b. Liên kết tự giác và liên kết tự phát

c. Liên kết bên ngoài và liên kết bên trong

a --- QN=272 Quá trình sản xuất là sự kết hợp của các yếu tố:

a. Sức lao động với đối tượng lao động và tư liệu lao động

b. Lao động với đối tượng lao động và tư liệu lao động

c. Sức lao động với công cụ lao động

d --- QN=273 Lao động sản xuất có đặc trưng cơ bản là:

a. Hoạt động cơ bản nhất, là phẩm chất đặc biệt của con người

b. Là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người

c. Là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực

d. Các phương án trả lời đều đúng

b --- QN=274 Tiêu chí nào là quan trọng nhất để phân biệt các hình thái kinh tế - xã hội?

a. Lực lượng sản xuất

b. Quan hệ sản xuất

c. Kiến trúc thượng tầng

b --- QN=275 Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự liên minh giữa nhà nước tư bản với

a. Các tổ chức nhà nước

b. Các tổ chức độc quyền

c. Các tổ chức kinh tế tư nhân

c --- QN=276 Sức lao động là

a. Toàn bộ thể lực và trí lực trong một con người đang sống và được vận dụng để sản xuất ra giá trị sử dụng nào đó.

b. Khả năng lao động, được tiêu dùng trong quá trình sản xuất.

c. Các phương án trả lời đều đúng

b --- QN=277 Xét về giá trị của hàng hóa, hàng hóa càng khan hiếm thì

a. Giá trị của nó càng cao

b. Giá cả của nó càng cao

c. Cả giá trị và giá cả của hàng hóa càng cao

b --- QN=278 Cách mạng xã hội kết thúc dẫn đến

a. Thay đổi chế độ chính trị

b. Thay thế xã hội cũ bằng xã hội mới tiến bộ hơn

c. Thay đổi thể chế chính trị

a --- QN=279 Trong tư liệu lao động, bộ phận nào cần được phát triển đi trước một bước so với đầu tư sản xuất trực tiếp?

a. Kết cấu hạ tầng sản xuất

b. Công cụ sản xuất

c. Các bộ phận chứa đựng, bảo quản

d. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=280 Thuật ngữ giai cấp công nhân và giai cấp vô sản

a. Đồng nghĩa

b. Khác nghĩa

c. Không liên quan về nghĩa

a --- QN=281 Tích lũy tư bản dẫn đến

a. Hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền

b. Hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước

c. Hình thành chủ nghĩa tư bản

b --- QN=282 Động lực của cách mạng xã hội là

a. Giai cấp chân chính

b. Giai cấp tiến tiến

c. Giai cấp chiếm số đông

a --- QN=283 Học thuyết kinh tế nào của C.Mác được coi là hòn đá tảng

a. Học thuyết giá trị thặng dư

b. Học thuyết tiền tệ

c. Học thuyết cung cầu

b --- QN=284 Định nghĩa giai cấp của Lênin dựa vào cơ sở nào sau đây

a. Xã hội

b. Kinh tế

c. Chính trị

a --- QN=285 Giá trị cá biệt của hàng hoá do:

a. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định

b. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất nhiều hàng hoá quyết định

c. Hao phí lao động của ngành quyết định

a --- QN=286 Quan hệ nào giữ vai trò quyết định trong quan hệ sản xuất:

a. Quan hệ sở hữu

b. Quan hệ phân phối

c. Quan hệ tổ chức quản lý

c --- QN=287 Khẳng định nào đúng trong những khẳng định sau:

a. Sản xuất hàng hóa chỉ là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản

b. Sản xuất hàng hóa không có trong chủ nghĩa xã hội

c. Sản xuất hàng hóa có ở mọi phương thức sản xuất trong lịch sử

a --- QN=288 Lượng giá trị của đơn vị hàng hoá thay đổi

a. Tỷ lệ nghịch với năng suất lao động, không phụ thuộc vào cường độ lao động.

b. Tỷ lệ thuận với năng suất lao động

c. Tỷ lệ nghịch với cường độ lao động

a --- QN=289 Khi đồng thời tăng năng suất lao động và cường độ lao động lên 2 lần thì ý nào dưới đây là đúng?

a. Giá trị 1 hàng hoá giảm 2 lần, tổng số giá trị hàng hoá tăng 2 lần

b. Tổng số hàng hoá tăng lên 2 lần, giá trị 1 hàng hoá giảm 2 lần.

c. Tổng số hàng hoá tăng lên 4 lần, tổng số giá trị hàng hoá tăng lên 4 lần

d --- QN=290 Đối tượng lao động trong KTCT được quan điểm là

a. Các vật có trong tự nhiên

b. Những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm thay đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người

c. Những vật dùng để truyền dẫn sức lao động của con người

d. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=291 Khi nào QHSX được xem là phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất?

a. Thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển

b. Cải thiện đời sống nhân dân

c. Tạo điều kiện thực hiện công bằng xã hội

a --- QN=292 Trong thời đại ngày nay sở hữu nhà nước có vai trò như thế nào trong nền kinh tế tư bản

a. Quan trọng đối với sự vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản

b. Không quan trọng đối với sự vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản

c. Không ảnh hưởng gì đến sự vận động và phát triển của chủ nghĩa tư bản

c --- QN=293 Xác định đúng trình tự các khâu của quá trình tái sản xuất

a. Sản xuất - trao đổi - phân phối - tiêu dùng

b. Trao đổi - tiêu dùng - phân phối - sản xuất

c. Sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng

d --- QN=294 Lao động sản xuất có vai trò gì đối với con người?

a. Tạo ra của cải vật chất để nuôi sống con người

b. Phát triển, hoàn thiện con người cả về thể lực và trí lực

c. Giúp con người tích luỹ kinh nghiệm, chế tạo ra công cụ sản xuất ngày càng tinh vi

d. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=147 Ý thức xã hội là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội

b. Toàn bộ điều kiện vật chất của xã hội

c. Toàn bộ điều kiện tinh thần của xã hội

a --- QN=148 Toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội gọi là

a. Ý thức xã hội

b. Tâm lý con người và hệ tư tưởng

c. Tinh thần xã hội và hệ tư tưởng

a --- QN=149 Trong quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định

a. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất

b. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất

c. Cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có vai trò như nhau

a --- QN=150 Theo qua điểm của triết học Mác- Lênin, yếu tố nào quyết định trong lực lượng sản xuất

a. Người lao động

b. Máy móc

c. Cả hai phương án đều đúng

a --- QN=151 Kiến trúc thượng tầng là phạm trù dùng để chỉ

a. Toàn bộ quan điểm, tư tưởng hình thành trên cơ sở phản ánh cơ sở hạ tầng

b. Toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất hình thành trên cơ sở phản ánh cơ sở hạ tầng

c. Toàn bộ các quan hệ kinh tế hình thành trên cơ sở phản ánh cơ sở hạ tầng

a --- QN=152 Quan điểm nào dưới đây phù hợp nhất trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong nghiên cứu phương thức sản xuất

a. Lực lượng sản xuất là năng lực sản xuất của con người

b. Lực lượng sản xuất là năng lực thực tiễn của con người

c. Lực lượng sản xuất là năng lực cải tạo xã hội của con người

a --- QN=153 Sản xuất vật chất có vai trò gì đối với xã hội

a. Quyết định sự tồn tại và phát triển xã hội

b. Quyết định sự vận động của xã hội

c. Quyết định tính chất và nội dung của xã hội

a --- QN=154 Quan điểm nào sau đây phản ánh đầy đủ nội dung khái niệm tồn tại xã hội

a. Tồn tại xã hội là phạm trù dùng chỉ toàn bộ điều kiện vật chất của xã hội

b. Tồn tại xã hội là phạm trù dùng chỉ toàn bộ các giá trị tinh thần của xã hội

c. Tồn tại xã hội là phạm trù dùng chỉ toàn bộ các điều kiện sinh hoạt của xã hội

a --- QN=155 Lực lượng sản xuất là khái niệm dùng để chỉ

a. Quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất

b. Quan hệ giữa người với xã hội trong quá trình sản xuất

c. Quan hệ giữa người sản xuất trong quá trình sản xuất

a --- QN=156 Theo quan điểm của Lênin, giai cấp là những tập đoàn người có

a. Lợi ích căn bản đối lập nhau

b. Mục tiêu chính trị đối lập nhau

c. Mọi phương án trả lời đều đúng

a --- QN=157 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng lịch sử xã hội loài người đã trải qua bao nhiêu hình thái kinh tế xã hội

a. Bốn hình thái kinh tế xã hội

b. Ba hình thái kinh tế xã hội

c. Năm hình thái kinh tế xã hội

a --- QN=158 Tồn tại xã hội gồm ba yếu tố cấu thành đó là

a. Phương thức sản xuất, điều kiện dân số, điều kiện tự nhiên địa lý

b. Phương thức sản xuất, phương thức tiêu dùng, phương thức trao đổi hàng hóa

c. Phương thức sản xuất, điều kiện dân số, cơ sở hạ tầng xã hội

a --- QN=159 Lực lượng sản xuất là phạm trù dùng để chỉ

a. Năng lực sản xuất của con người

b. Năng lực thực tiễn của con người

c. Năng lực cải tạo xã hội của con người

a --- QN=160 Quan điểm nào dưới đây phản ánh đầy đủ vai trò của đấu tranh giai cấp trong xã hội phân chia giai cấp

a. Đấu tranh giai cấp là nguồn gốc và động lực vận động và phát triển xã hội

b. Đấu tranh giai cấp làm cho mọi xã hội thay đổi

c. Đấu tranh giai cấp làm cho mọi giai cấp phải tự thay đổi

b --- QN=161 Mức độ bóc lột của nhà tư bản được tính bằng

a. Tỷ suất lợi nhuận

b. Tỷ suất giá trị thặng dư

c. Tỷ suất lợi nhuận bình quân

a --- QN=162 Giá trị sử dụng của hàng hóa là khái niệm dùng để chỉ

a. Công dụng của hàng hóa

b. Mức độ khan hiếm của hàng hóa

c. Giá trị trao đổi của hàng hóa

b --- QN=163 Tái sản xuất tư bản gồm có hai hình thức cơ bản đó là

a. Tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng

b. Tái sản xuất theo chiều rộng và tái sản xuất theo chiều sâu

c. Tái sản xuất tư bản xã hội và tái sản xuất tư bản tư nhân

b --- QN=164 Sản xuất hàng hóa ra đời dựa trên mấy điều kiện sau đây

a. Ba điều kiện

b. Hai điều kiện

c. Một điều kiện

a --- QN=165 Giá trị sử dụng của hàng hóa phản ánh tính chất nào sau đây

a. Tính chất tư nhân của hàng hóa

b. Tính chất xã hội của hàng hóa

c. Cả tính chất tư nhân và tính chất xã hội của hàng hóa

b --- QN=166 Quá trình sản xuất tư bản là quá trình sản xuất

a. Giá trị sử dụng

b. Giá trị thặng dư

c. Giá trị trao đổi

b --- QN=167 Nguồn gốc của tích lũy tư bản là

a. Giá trị của hàng hóa

b. Giá trị thặng dư

c. Giá trị sức lao động

c --- QN=168 Trong kinh tế hàng hóa, lạm phát là hiện tượng kinh tế

a. Bất bình thường

b. Bất ổn định

c. Bình thường

b --- QN=169 Chi phí sản xuất tư bản tính bằng công thức nào sau đây

a. K = c + p + m

b. K = c + v + m

c. K = c + t + m

b --- QN=170 Tích lũy tư bản là xét về bản chất là

a. Tư bản hóa tư liệu tiêu dùng

b. Tư bản hóa giá trị thặng dư

c. Tư bản hóa sức lao động

b --- QN=171 Lợi nhuận được KTCT quan điểm là

a. Hình thức biến tướng của kết quả sản xuất

b. Hình thức biến tướng của giá trị thặng dư

c. Hình thức biến tướng của chi phí sản xuất

c --- QN=172 Trong sản xuất hàng hóa tồn tại song song bao nhiêu mặt

a. Một mặt

b. Ba mặt

c. Hai mặt

b --- QN=173 Mục đích của sản xuất hàng hóa là thỏa mãn nhu cầu của

a. Người sản xuất

b. Thị trường

c. Của người sản xuất và tiêu dùng

a --- QN=174 Lượng giá trị của hàng hóa là yếu tố

a. Cố định

b. Luôn luôn thay đổi

c. Tùy thuộc vào nền sản xuất hàng hóa

c --- QN=175 Chủ nghĩa tư bản ra đời phải có mấy nguyên nhân

a. Bốn nguyên nhân cơ bản

b. Ba nguyên nhân cơ bản

c. Hai nguyên nhân cơ bản

b --- QN=176 Vai trò của các bộ phận tư bản trong chu chuyển tư bản được xác định trong phạm trù nào sau đây

a. Tư bản cố định và lưu thông tư bản

b. Tư bản cố định và tư bản lưu động

c. Tư bản tài chính và tư bản công nghiệp

a --- QN=177 Sản xuất hàng hóa là khái niệm dùng để chỉ

a. Kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm làm ra được mang ra trao đổi, mua bán trên thị trường để thỏa mãn nhu cầu của xã hội.

b. Là kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm làm ra phải tuân thủ các quy luật của thị trường nhằm thỏa mãn nhu cầu của xã hội

c. Là kiểu tổ chức kinh tế do các quy luật sản xuất và lưu thông quyết định nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường.

b --- QN=178 Theo quan điểm của KTCT Mác- Lênin, khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản mang tính

a. Chủ quan

b. Khách quan

c. Tạm thời

c --- QN=179 Sản xuất hàng hóa có vai trò gì trong phân công lao động xã hội

a. Là điều kiện của phân công lao động xã hội

b. Là nguồn gốc của phân công lao động xã hội

c. Các phương án trả lời đều sai

c --- QN=180 Xét về thời gian, kinh tế hàng hóa ra đời sau

a. Nền kinh tế xã hội

b. Nền kinh tế tự do

c. Nền kinh tế tự nhiên

c --- QN=181 Công thức chung của tư bản là

a. H-T-H

b. T-H-T

c. T-H-T'

a --- QN=182 Trên quan điểm kinh tế chính trị Mác- Lênin, nguyên nhân làm cho khoa học kỹ thuật càng phát triển là do

a. Nhu cầu vật chất của con người ngàu càng phong phú và đa dạng

b. Giá trị sử dụng của hàng hóa luôn thay đổi

c. Thị trường hàng hóa

b --- QN=183 Trong sản xuất hàng hóa tư bản, cạnh tranh trong nội bộ nghành dẫn đến sự hình thành

a. Giá cả sản xuất

b. Giá cả sản phẩm thị trường

c. Giá cả hàng hóa

a --- QN=184 Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như

a. Những hàng hóa

b. Những sản vật trao đổi

c. Những sản phẩm trao đổi

b --- QN=185 Khối lượng giá trị thặng dư được tính bằng công thức nào sau đây

a. M = m' x p'

b. M = m' x v

c. M = m' x t'

b --- QN=186 Sản xuất giá trị thặng dư là quy luật kinh tế

a. Tuyệt đối của chủ nghĩa xã hội

b. Tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản

c. Tuyệt đối của doanh nghiệp tư bản

c --- QN=187 Hàng hóa sức lao động ra đời phải dựa trên mấy điều kiện

a. Ba điều kiện

b. Một điều kiện

c. Hai điều kiện

b --- QN=188 Quá trình lưu thông tư bản bao gồm

a. Tuần hoàn và chu chuyển giá trị hàng hóa

b. Tuần hoàn và chu chuyển tư bản

c. Tuần hoàn và chu chuyển hàng hóa

b --- QN=189 Trong sản xuất hành hóa tư bản, cạnh tranh giữa các nghành dẫn đến hình

thành

a. Giá cả thị trường

b. Giá cả sản xuất

c. Giá cả hàng hóa

b --- QN=190 Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức

a. Biến tướng của giá trị thặng dư tuyệt đối

b. Biến tướng của giá trị thặng dư tương đối

c. Biến tướng của giá trị thặng dư cố định

b --- QN=191 Mục đích của nền sản xuất hàng hóa là

a. Tiêu dùng

b. Trao đổi

c. Cả trao đổi và tiêu dùng

c --- QN=192 Lượng giá trị của hàng hóa được đo bằng đơn vị nào sau đây

a. Khối lượng sản phẩm

b. Năng suất lao động

c. Thời gian lao động

c --- QN=193 Hàng hóa sức lao động có mấy thuộc tính

a. Ba thuộc tính

b. Một thuộc tính

c. Hai thuộc tính

a --- QN=194 Lao động cụ thể là khái niệm dùng để chỉ

a. Tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa

b. Tạo ra giá trị trao đổi của hàng hóa

c. Tạo ra giá trị của hàng hóa

c --- QN=195 Theo quan điểm của KTCT Mác-Lênin, Loại tiền nào sau đây có chức năng cất trữ

a. Tiền giấy

b. Tiền điện tử

c. Tiền vàng

b --- QN=196 Trong sản xuất giá trị thặng dư, có hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư chủ

yếu đó là

a. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu ngạch

b. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối

c. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư siêu nghạch

b --- QN=197 Tính chu kỳ của tuần hoàn tư bản gọi là

a. Chu chuyển hàng hóa

b. Chu chuyển tư bản

c. Chu chuyển sản xuất

b --- QN=198 Có hai hình thức trả tiền công của nhà tư bản đó là

a. Trả bằng tiền hay tư liệu sản xuất

b. Trả bằng tiền hay sản phẩm

c. Trả bằng tiền hay vàng

a --- QN=199 Phân công lao động xã hội được xác định là

a. Một trong những nguyên nhân hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền

b. Không dẫn đến sự hình thành tư bản độc quyền

c. Nguyên nhân hình thành chủ nghĩa tư bản

c --- QN=200 Phát hành tiền tệ phải tuân theo quy luật nào sau đây

a. Quy luật lạm phát

b. Quy luật chi tiêu chính phủ

c. Quy luật lưu thông tiền tệ

c --- QN=201 Tiền tệ có mấy chức năng cơ bản

a. Ba chức năng

b. Bốn chức năng

c. Năm chức năng

b --- QN=202 Tiền công tư bản có hai hình thức đó là

a. Tiền công cơ bản và tiền công phụ thêm

b. Tiền công thực tế và tiền công danh nghĩa

c. Tiền mặt và hàng hóa

c --- QN=203 Tiền tệ ra đời là do nhu cầu nào sau đây

a. Phát triển sản xuất hàng hóa

b. Phát triển việc trao đổi và mua bán hàng hóa

c. Lưu thông hàng hóa

b --- QN=204 Để làm rõ vai trò của các bộ phận tư bản trong việc tạo ra giá trị thặng dư, tư bản được chia thành

a. Tư bản độc quyền và tư bản nhà nước

b. Tư bản bất biến và tư bản khả biến

c. Tư bản cố định và tư bản lưu động

a --- QN=205 Lao động trừu tượng tạo ra yếu tố nào sau đây

a. Giá trị của hàng hóa

b. Giá trị sử dụng của hàng hóa

c. Giá trị trao đổi của hàng hóa

b --- QN=206 Chi phí sản xuất tư bản xét về lượng luôn luôn

a. Lớn hơn chi phí sản xuất thực tế

b. Nhỏ hơn chi phí sản xuất thực tế

c. Bằng chi phí sản xuất thực tế

a --- QN=1 Thực tiễn là

a. Hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử-xã hội của con người

b. Hoạt động tinh thần nhằm tạo ra các giá trị thẩm mỹ

c. Một số hoạt động vật chất và một số hoạt động tinh thần

c --- QN=2 Các mối liên hệ mang tính khách quan, bản chất, tất nhiên và được lặp đi lặp lại được khái quát bằng phạm trù gì

a. Thuộc tính

b. Yếu tố

c. Quy luật

a --- QN=3 Xét đến cùng, nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thắng lợi của một trật tự xã hội mới là

a. Năng suất lao động

b. Luật pháp

c. Chính trị

a --- QN=4 Phạm trù triết học nào sau đây dùng để chỉ tổng hợp tất cả những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật

a. Nội dung

b. Bản chất

c. Hiện thực

a --- QN=5 Yếu tố cơ bản nhất, quan trọng nhất của ý thức là

a. Tri thức

b. Tình cảm

c. Ý chí

a --- QN=6 Có phải vật chất quyết định ý thức một cách tuyệt đối hay không

a. Không

b. Tùy hoàn cảnh cụ thể

c. Đúng như vậy

b --- QN=7 Triết học Mác là thế giới quan khoa học của

a. Giai cấp tư sản tiến bộ

b. Giai cấp công nhân

c. Tầng lớp trí thức

a --- QN=8 Trong chỉ đạo thực tiễn cần căn cứ vào đâu để đề ra chủ trương, phương hướng hành động

a. Cái tất nhiên, bản chất, nội dung.

b. Cái ngẫu nhiên, hình thức, hiện tượng

c. Các phương án trả lời đều sai

c --- QN=9 Quan điểm nào cho rằng sự phát triển chỉ là sự tăng, giảm đơn thuần về mặt lượng, không có sự thay đổi về chất

a. Quan điểm duy vật

b. Quan điểm duy tâm

c. Quan điểm siêu hình

a --- QN=10 Kết cấu của ý thức theo chiều dọc thì bao gồm

a. Tự ý thức, tiềm thức, vô thức

b. Tự ý thức, tri thức, tiềm thức, vô thức

c. Các phương án trả lời đều sai

c --- QN=11 Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất, nó là quan hệ

a. Tồn tại chủ quan bởi những người lãnh đạo các cơ sở sản xuất.

b. Tồn tại chủ quan, bị qui định bởi chế độ chính trị xã hội.

c. Tồn tại khách quan, độc lập với ý thức và không phụ thuộc vào ý thức của con người.

c --- QN=12 Phạm trù triết học nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật và hiện tượng, sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính làm cho nó là nó mà không phải là cái khác

a. Bước nhảy

b. Lượng

c. Chất

c --- QN=13 Quan điểm nào sau đây đúng nhất

a. Phạm trù là những thực thể ý niệm, tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức.

b. Phạm trù là những từ trống rỗng, do con người tưởng tượng ra, không biểu hiện một cái gì của hiện thực.

c. Phạm trù là kết quả của quá trình nhận thức, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

c --- QN=14 Tư tưởng nôn nóng, đốt cháy giai đoạn phản ánh trực tiếp việc

a. Không vận dụng quy luật phủ định của phủ định

b. Không vận dụng đúng quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

c. Không vận dụng đúng quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại

b --- QN=15 Chân lý có những tính chất gì

a. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính hoàn chỉnh

b. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính cụ thể

c. Tính khách quan, tính tuyệt đối, tính tương đối, tính phổ biến

a --- QN=16 Quy luật bao giờ cũng mang tính

a. Khách quan

b. Chủ quan

c. Cả khách quan và chủ quan

d. Các phương án trả lời đều sai

c --- QN=17 Ý nghĩa định nghĩa vật chất của Lênin được thể hiện:

a. Khẳng định tính thứ nhất của vật chất

b. Cho phép xác định cái gì là vật chất trong lĩnh vực xã hội

c. Các phương án trả lời đều đúng

b --- QN=18 Cách thức của sự phát triển là

a. Đấu tranh của các mặt đối lập để giải quyết mâu thuẫn

b. Sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại

c. Hai lần phủ định

a --- QN=19 Đấu tranh của hai mặt đối lập là

a. Sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và phủ định lẫn nhau.

b. Sự tác động lẫn nhau giữa hai mặt đối lập theo khung hướng biện chứng

c. Các phương án trả lời đều sai

c --- QN=20 Tác phẩm nào được xem là đánh dấu cho sự chín muồi về tư tưởng xã hội chủ nghĩa của C.Mác và Ăng-ghen

a. Gia đình thần thánh (1842)

b. Hệ tư tưởng Đức (1842)

c. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản (1848)

a --- QN=21 Phương thức sản xuất bao gồm

a. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

b. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng.

c. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng.

b --- QN=22 Theo Ăng-ghen, có thể chia vận động thành:

a. Bốn hình thức vận động cơ bản

b. Năm hình thức vận động cơ bản

c. Sáu hình thức vận động cơ bản

b --- QN=23 Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động và phát triển của sự vật được gọi là

a. Nội dung

b. Bản chất

c. Hiện tượng

b --- QN=24 Quan điểm nào góp phần khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, định kiến trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn

a. Quan điểm lịch sử cụ thể

b. Quan điểm toàn diện

c. Quan điểm phát triển

c --- QN=25 Quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể và quan điểm phát triển được ra ra từ

a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

b. Nguyên lý về sự phát triển

c. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

a --- QN=26 Mối liên hệ có những tính chất gì cơ bản

a. Khách quan, phổ biến, đa dạng

b. Khách quan, phổ biến, biện chứng

c. Khách quan, phổ biến, liên tục

c --- QN=27 Vật chất là tất cả những gì

a. Tồn tại một cách cụ thể, có thể nhìn thấy

b. Tồn tại vô hình, thần bí ở bên ngoài thế giới khách quan

c. Tồn tại ở bên ngoài ý thức, được ý thức con người phản ánh

b --- QN=28 Nguồn gốc lý luận trực tiếp của triết học Mác là

a. Triết học Hy Lạp cổ đại

b. Triết học cổ điển Đức

c. Triết học tây Âu trung cổ

c --- QN=29 Triết học do C.Mác và Ph.Ăng-ghen thực hiện là bước ngoặt cách mạng trong sự phát triển của triết học. Biểu hiện vĩ đại nhất của bước ngoặt cách mạng đó là

a. Việc thay đổi căn bản tính chất của triết học, thay đổi căn bản đối tượng của nó và mối quan hệ đối với các khoa học khác.

b. Việc gắn bó chặt chẽ giữa triết học với phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng lao động.

c. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử làm thay đổi hẳn quan niệm của con người về xã hội.

b --- QN=30 Phát triển là quá trình

a. Tiến lên theo đường vòng khép kín

b. Tiến lên theo đường quanh co khúc khuỷu, thăng trầm, phức tạp

c. Quá trình tiến lên theo đường thẳng tắp

a --- QN=31 Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời dựa trên bao nhiêu tiền đề

a. Ba tiền đề

b. Bốn tiền đề

c. Năm tiền đề

d. Sáu tiền đề

c --- QN=32 Không có hình thức nào tồn tại thuần túy không chứa nội dung, và cũng không có nội dung nào lại không tồn tại trong những hình thức xác định. Quan điểm này thể hiện

a. Vai trò quyết định của nội dung đối với hình thức

b. Sự tác động trở lại của hình thức đối với nội dung

c. Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức

b --- QN=33 Giữa phạm trù triết học và phạm trù của các khoa học khác có mối quan hệ biện chứng với nhau. Mối quan hệ đó là

a. Quan hệ giữa bản chất và hiện tượng

b. Quan hệ giữa cái chung và cái riêng

c. Quan hệ giữa nội dung và hình thức

c --- QN=34 Mối liên hệ nhân quả có các tính chất cơ bản nào sau đây

a. Tính khách quan, tính phổ biến, tính đa dạng.

b. Tính khách quan, tính phổ biến, kế thừa.

c. Tính khách quan, tính phổ biến, tính tất yếu.

c --- QN=35 Theo quan điểm của Triết học Mác-Lênin, có thể định nghĩa về vật chất như sau:

a. Vật chất là những chất tạo nên vũ trụ

b. Vật chất là tồn tại khách quan

c. Vật chất là thực tại khách quan

a --- QN=36 Chọn quan điểm đúng nhất trong các quan điểm sau đây:

a. Vận động là phương thức tồn tại của vật chất

b. Không gian, thời gian là những phương thức tồn tại của vật chất

c. Vận động, không gian, thời gian là những phương thức tồn tại của vật chất

b --- QN=37 Định nghĩa vật chất của Lênin được viết trong tác phẩm:

a. Bút ký triết học

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

c. Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản

a --- QN=38 Quan điểm nào cho rằng các sự vật, hiện tượng tồn tại biệt lập, tách rời nhau

a. Quan điểm siêu hình

b. Quan điểm biện chứng

c. Các phương án trả lời đều sai

b --- QN=39 Quan hệ giữ vai trò quyết định đối với những quan hệ khác trong quan hệ giữa nguời với người của quá trình sản xuất là

a. Quan hệ phân phối sản phẩm lao động.

b. Quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất.

c. Quan hệ tổ chức, quản lý và phân công lao động.

b --- QN=40 Triết học Mác-Lênin ra đời một phần là kết quả kế thừa trực tiếp từ

a. Thế giới quan duy vật của Hêghen và phép biện chứng của Phơ bách

b. Thế giới quan duy vật của Phơ bách và phép biện chứng của Hêghen

c. Thế giới quan duy vật và phép biện chứng của cả Hêghen và Phơ bách

d. Chủ nghĩa duy tâm của Hôn bách và biện chứng pháp của Aristốt

a --- QN=41 Sự vật mới ra đời bao giờ cũng trên cơ sở những cái đã có của sự vật cũ, qua đó

tiến hành chọn lọc những cái tích cực, tiến bộ, phù hợp để tiếp tục phát triển. Điều này thể hiện tính chất gì của sự phát triển

a. Tính kế thừa

b. Tính lặp đi lặp lại

c. Tính tiến lên

c --- QN=42 Quan điểm ủng hộ cái mới tiến bộ, chống lại cái cũ, cái lỗi thời kìm hãm sự phát triển là quan điểm được rút ra trực tiếp từ

a. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại

b. Quy luật thống nhất và quy luật đấu tranh của các mặt đối lập

c. Quy luật phủ định của phủ định

b --- QN=43 Quy luật được coi là hạt nhân của phép biện chứng duy vật là

a. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

b. Quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại

c. Quy luật phủ định của phủ định

c --- QN=44 Ngày nay, yếu tố giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là

a. Công cụ lao động

b. Người lao động

c. Khoa học - công nghệ.

a --- QN=45 Phủ định biện chứng là

a. Sự phủ định tự thân, gắn liền với quá trình vận động đi lên, tạo tiền đề, điều kiện cho sự ra đời của cái mới tiến bộ thay thế cái cũ

b. Sự phủ định có sự tác động của sự vật khác nhau

c. Các phương án trả lời đều sai

b --- QN=46 Khả năng được hình thành do quy luật vận động nội tại của sự vật quy định được gọi là

a. Khả năng thực tế

b. Khả năng tất nhiên

c. Khả năng ngẫu nhiên

b --- QN=47 Cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức là

a. Lý luận

b. Thực tiễn

c. Triết học

c --- QN=48 Mác đã kế thừa "hạt nhân hợp lý" trong triết học của ông để xây dựng phép biện chứng duy vật. Ông là ai

a. Phơ bách

b. Platon

c. Hê ghen

b --- QN=49 Thống nhất của hai mặt đối lập là

a. Sự bài trừ, gạt bỏ lẫn nhau giữa hai mặt đối lập

b. Sự nương tựa lẫn nhau, tồn tại không tách rời nhau, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề cho sự tồn tại của mình và ngược lại.

c. Hai mặt đối lập có tính chất, đặc điểm, khuynh hướng phát triển trái ngược nhau

a --- QN=50 Cái tất nhiên là cái do

a. Những nguyên nhân bên trong sự vật quy định.

b. Những nguyên nhân bên ngoài sự vật quy định.

c. Cả nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài sự vật quy định.

a --- QN=51 Chủ nghĩa Mác-Lênin ra đời vào khoảng thời gian nào

a. Giữa thế kỷ XIX

b. Đầu thế kỷ XIX

c. Đầu thế kỷ XX

d. Cuối thế kỷ XIX

c --- QN=52 Vận động là

a. Sự chuyển động của các vật thể trong không gian

b. Sự chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác của sự vật hiện tượng

c. Mọi sự thay đổi nói chung của các sự vật hiện tượng trong không gian và thời gian

b --- QN=53 Quan điểm nào cho rằng các sự vật, hiện tượng, các quá trình khác nhau vừa tồn tại độc lập, vừa quy định, tác động qua lại, chuyển hóa lẫn nhau

a. Quan điểm siêu hình

b. Quan điểm biện chứng

c. Quan điểm duy tâm

c --- QN=54 Khẳng định mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng do sự quy định của các lực lượng siêu nhiên là quan điểm của

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

b --- QN=55 Hình thức cao nhất của nhận thức lý tính là

a. Khái niệm

b. Suy luận

c. Phán đoán

b --- QN=56 Hình thức cơ bản nhất của thực tiễn là

a. Hoạt động chính trị-xã hội

b. Hoạt động sản xuất ra của cải vật chất

c. Thực nghiệm khoa học

a --- QN=57 Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận với thực tiễn là nguyên tắc được rút ra trực tiếp từ

a. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

b. Lý luận và nhận thức

c. Quan hệ giữa khả năng và hiện thực

a --- QN=58 Động lực chủ yếu của sự tiến bộ xã hội là

a. Sự phát triển của lực lượng sản xuất.

b. Sự phát triển của hoạt động nghiên cứu khoa học, cãi tiến kỹ thuật.

c. Sự phát triển của các quan hệ quốc tế, hợp tác quốc tế.

c --- QN=59 Nội dung của mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức là

a. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức

b. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức trong mọi trường hợp.

c. Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động của con người

a --- QN=60 Mặt đối lập là

a. Những mặt, yếu tố, thuộc tính, khuynh hướng phát triển trái ngược nhau, cấu tạo nên sự vật

b. Những mặt khác nhau

c. Những mặt đối chọi nhau bất kỳ

c --- QN=61 Tính thống nhất vật chất của thế giới là cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng. Đây là quan điểm của

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c --- QN=62 Hình thức cao nhất của nhận thức cảm tính là

a. Cảm giác

b. Tri giác

c. Biểu tượng

b --- QN=63 Chân lý là

a. Ý kiến của những người có kinh nghiệm

b. Sự phù hợp giữa tri thức với hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm

c. Những quan điểm thuộc về đa số

a --- QN=64 Chủ thể của lịch sử, lực lượng sáng tạo ra lịch sử là

a. Quần chúng nhân dân.

b. Vĩ nhân, lãnh tụ.

c. Tầng lớp trí thức.

b --- QN=65 Hiện thực là phạm trù triết học dùng để chỉ những gì

a. Các phương án trả lời đều sai

b. Đang tồn tại trong thực tế

c. Sẽ xuất hiện khi hội đủ mọi điều kiện

b --- QN=66 Tính chất phong phú, đa dạng trong quan hệ nhân quả thể hiện ở chỗ một kết quả có thể do

a. Một nguyên nhân sinh ra

b. Nhiều nguyên nhân khác nhau sinh ra

c. Các phương án trả lời đều sai

c --- QN=67 Triết học duy vật biện chứng cho rằng thế giới thống nhất ở

a. Không gian và thời gian

b. Tính tinh thần

c. Tính vật chất

a --- QN=68 Triết học duy vật biện chứng cho rằng

a. Vật chất quyết định ý thức, ý thức tác động trở lại vật chất

b. Ý thức quyết định vật chất, vật chất tác động trở lại ý thức

c. Con người quyết đinh cả vật chất và ý thức

a --- QN=69 Đặc điểm của quy luật triết học mang tính

a. Chung nhất, khái quát nhất về thế giới

b. Cụ thể nhất, chi tiết nhất về thế giới

c. Toàn diện nhất, sâu sắc nhất về thế giới

a --- QN=70 Nền tảng quan hệ giữa các nhân và xã hội là

a. Lợi ích

b. Pháp luật

c. Đạo đức

a --- QN=71 Thuộc tính cơ bản được Lênin rút ra trong định nghĩa phạm trù vật chất là

a. Thực tại khách quan

b. Thực tế khách quan

c. Tồn tại khách quan

a --- QN=72 Các nhà triết học duy vật cổ đại đã đồng nhất vật chất với

a. Các sự vật cụ thể

b. Các khái niệm cụ thể

c. Các sự kiện cụ thể

c --- QN=73 Những ý thức lạc hậu tiêu cực không mất đi một cách dễ dàng, là do

a. Thói quen tập quán lâu đời.

b. Ý thức xã hội không phản ánh kịp tồi tại xã hội.

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=74 Nguyên lý triết học là

a. Hệ thống quan điểm chung nhất, khái quát nhất của một học thuyết

b. Cơ sở lý luận của một khoa học

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=75 Sự phản ánh của ý thức mang tính

a. Chủ động, tích cực và sáng tạo

b. Khách quan kế hợp với chủ quan

c. Đơn giản gắn với trừu tượng

a --- QN=76 Sự ra đời và tồn tại của nhà nước

a. Là hiện tượng mang tính khách quan, bị quyết định bởi quá trình phát triển của xã hội.

b. Là hiện tượng mang tính chủ quan, phụ thuộc vào nguyện vọng của giai cấp cầm quyền.

c. Là hiện tượng mang tính chủ quan phụ thuộc vào nguyện vọng của mỗi quốc gia, mõi dân tộc.

b --- QN=77 Tất nhiên là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những gì đang tồn tại và phát triển

b. Những gì sẽ xuất hiện do nguyên nhân bên trong quyết định

c. Những gì sẽ xuất hiện trong thực tế

a --- QN=78 Cặp phạm trù nguyên nhân, kết quả chỉ ra

a. Một kết quả có thể được tạo ra bởi nhiều nguyên nhân khác nhau

b. Một kết quả chỉ được tạo ra bởi một nguyên nhân cơ bản

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=79 Triết học duy tâm khách quan và triết học duy tâm chủ quan đều có điểm chung là

a. Đề cao lĩnh vực tinh thần của con người

b. Đề cao lĩnh vực vật chất và tinh thần của con người

c. Đề cao đời sống tâm linh của con người

c --- QN=80 Bản chất của con người được quyết định bởi

a. Giáo dục gia đình

b. Sự nỗ lực của cá nhân

c. Các quan hệ xã hội

a --- QN=81 Theo sự phát triển của xã hội, thứ tự phát triển của các hình thức cộng đồng trong lịch sử là

a. Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc - Dân tộc

b. Thị tộc - Bộ tộc - Bộ lạc - Dân tộc

c. Dân tộc - Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc

a --- QN=82 Cái chung chỉ tồn tại trong

a. Cái riêng

b. Cái đơn nhất

c. Cái cụ thể

a --- QN=83 Nếu quá đề cao triết học duy tâm sẽ dẫn đến

a. Xa rời thực tế

b. Cực đoan

c. Thực dụng

a --- QN=84 Nguồn gốc tự nhiên của ý thức là

a. Thế giới vật chất và bộ não con người

b. Toàn bộ thế giới nói chung

c. Toàn bộ thế giới vật chất

a --- QN=85 Cách mạng xã hội được khái quát bởi

a. Thay đổi thể chế chính trị xã hội này bằng thể chế chính trị khác

b. Thay đổi thể chế kinh tế này bằng một thể chế kinh tế khác cao hơn

c. Thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội này bằng một hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn

a --- QN=86 Quan hệ sản xuất là phạm trù dùng để chỉ

a. Quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất

b. Quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất

c. Quan hệ giữa con người sản xuất với người tiêu dùng trong quá trình sản xuất

a --- QN=87 Khả năng là phạm trù triết học dung để chỉ những gì

a. Sẽ tồn tại khi có đủ điều kiện

b. Chưa xuất hiện trong thực tế

c. Các phương án trả lời đều sai

b --- QN=88 Trong thực tế chúng ta phải dựa vào khả năng hay hiện thực

a. Khả năng

b. Hiện thực

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=89 Cơ sở hạ tầng của một hình thái kinh tế - xã hội là

a. Toàn bộ những quan hệ sản xuất tạo thành cơ sở kinh tế của xã hội.

b. Toàn bộ những điều kiện vật chất, những phương tiện vật chất tạo thành cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội.

c. Toàn bộ những điều kiện vật chất, những phương tiện vật chất và những con người sử dụng nó để tiến hành các hoạt động xã hội.

a --- QN=90 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, cái riêng chỉ tồn tại

trong

a. Mối quan hệ đi đến cái chung

b. Cái chung

c. Cái cụ thể

a --- QN=91 Bản chất của nhà nước là

a. Cơ quan phúc lợi chung của toàn xã hội

b. Cơ quan trọng tài thực hiện chức năng phân xử và hòa giải các xung đột xã hội

c. Công cụ thống trị xã hội

a --- QN=92 Chủ nghĩa duy vật biện chứng xác định tính chất quan hệ giữa hai phạm trù nguyên và kết quả là tính

a. Sản sinh

b. Tương tác

c. Điều kiện

a --- QN=93 Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Mác và Ănghen chưa đưa ra định nghĩa hoàn chỉnh về phạm trù vật chất là do

a. Trình độ phát triển của khoa học chưa ngang tầm

b. Các phương pháp định nghĩa chưa hoàn thiện

c. Các hiện tượng xã hội chưa bộc lộ đầy đủ những tiền đề cần thiết

a --- QN=94 Trong lịch sử triết học, phép biện chứng có hai hình thức cơ bản đó là

a. Phép biện chứng duy tâm và phép biện chứng duy vật

b. Phép biện chứng chủ quan và phép biện chứng khách quan

c. Phép biện chứng cụ thể và phép biện chứng trừu tượng

a --- QN=95 Sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là

a. Quá trình phát triển của lịch sự tự nhiên.

b. Quá trình lịch sử hướng theo ý chí của giai cấp cầm quyền.

c. Quá trình lịch sử hướng theo ý chí của Đảng cầm quyền.

a --- QN=96 Ý thức xã hội có tính chất nào sau đây

a. Tính độc lập tương đối

b. Tính độc lập tuyệt đối

c. Tính sáng tạo

a --- QN=97 Vấn đề cơ bản của triết học gồm hai mặt đó là

a. Bản thể luận và nhận thức luận

b. Lý luận và thực tiễn

c. Tri thức và chân lý

a --- QN=98 Quan điểm nào dưới đây phù hợp lý nhất

a. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội của giai cấp

b. Đấu tranh giai cấp là một trong những động lực phát triển của xã hội

c. Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội

a --- QN=99 Trong xã hội có giai cấp , ý thức xã hội của các giai cấp có nội dung và hình thức phát triển khác nhau là do

a. Những điều kiện sinh hoạt vật chất, lợi ích và địa vị của các giai cấp khác nhau

b. Thói quen khác nhau

c. Sở thích khác nhau

a --- QN=100 Đặc trưng chủ yếu của cách mạng xã hội

a. Sự thay đổi chính quyền nhà nước từ tay giai cấp thống trị đã lỗi thời sang tay giai cấp cách mạng.

b. Sự thay đổi về cơ cấu, tổ chức hoạt động sản xuất ra của cải vật chất trong xã hội

c. Sự thay đổi về hệ tư tưởng nói riêng và toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội nói chung

a --- QN=101 Quan điểm toàn diện được rút ra từ việc nghiên cứu nguyên lý triết học nào sau

đây

a. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

b. Nguyễn lý phát triển

c. Nguyên lý duy vật biện chứng

b --- QN=102 Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới

a. Hiện thực

b. Khách quan

c. Chủ quan

c --- QN=103 Thực tại khách quan là

a. Những gì tồn tại xung quanh con người

b. Những gì tồn tại lệ thuộc vào ý thức của con người

c. Những gì tồn tại không lệ phụ thuộc vào ý thức của con người

a --- QN=104 Hạt nhân cơ bản trong quần chúng nhân dân

a. Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất.

b. Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức bóc lột, đối kháng với nhân dân.

c. Những tầng lớp xã hội khác nhau thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

a --- QN=105 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, quan điểm phát triển trong xem xét và đánh giá sự vật đòi hỏi

a. Bảo vệ cái mới, ủng hộ cái mới, đấu tranh cho cái mới nhưng không phủ định sạch trơn cái cũ

b. Bảo vệ cái cũ, đấu tranh cho cái cũ đồng thời tạo điều kiện để cái mới ra đời và thay thế cái cũ

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=106 Quan điểm toàn diện đồi hỏi phải xem xét và đánh giá sự vật

a. Trong nhiều mối liên hệ khác nhau

b. Trong những mối liên hệ chủ yếu nhất

c. Trong những mối liên hệ phức tạp nhất

a --- QN=107 Triết học duy vật biện chứng là sự thống nhất giữa

a. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

b. Nhân sinh quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

c. Thế giới quan duy vật và phương pháp luận siêu hình

a --- QN=108 Theo Mác và Awnghen, vận dụng triết học của hai ông vào thực tế phải

a. Tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể

b. Tuy thuộc vào từng quốc gia khác nhau

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=109 Nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin là

a. Triết học

b. Kinh tế chính trị học

c. Chủ nghĩa xã hội khoa học

a --- QN=110 Phương pháp luận là lý luận chung về

a. Phương pháp

b. Giải pháp

c. Phương châm

b --- QN=111 Khuynh hướng chung của phát triển là

a. Vận động đi lên theo đường thẳng

b. Vận động theo đường xoáy ốc

c. Vận động đi lên theo đường xoáy ốc

a --- QN=112 "Kết quả" là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những thay đổi do nguyên nhân gây ra

b. Những thuộc tính do nguyên nhân gây ra

c. Những vấn đề do nguyên nhân gây ra

c --- QN=113 Quan điểm lịch sử cụ thể đòi hỏi chúng phải quán triệt nguyên tắc nào sau đây

a. Bảo vệ cái mới, ủng hộ cái mới, đấu tranh cho cái mới

b. Bảo vệ cái cũ, đấu tranh cho cái cũ

c. Xem xét sự vật gắn với quá trình hình thành, tồn tại, phát triển và tiêu vong của chúng

a --- QN=114 Theo quan điểm của triết học Mác- Lênin, đứng im là

a. Vận động trong thăng bằng

b. Không phải là vận động

c. Vận động đặc biệt

a --- QN=115 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, trong thực tế chúng ta phải

a. Dựa vào tất nhiên, đề phòng ngẫu nhiên

b. Dựa vào ngẫu nhiên, đề phòng tất nhiên

c. Dựa vào cả tất nhiên và ngẫu nhiên

a --- QN=116 "Nguyên nhân" là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những tác động giữa các mặt các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật kia gây ra những biến đổi nhất định.

b. Những tác động chủ yếu trong thế giới vật chất

c. Những tác nhân cơ bản trong thế giới vật chất

b --- QN=117 Bản chất của triết học duy tâm như thế nào

a. Đi ngược lại với khoa học

b. Không hoàn toàn phản khoa học

c. Rất khoa học

b --- QN=118 Ngẫu nhiên là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những gì đang tồn tại

b. Những gì sẽ xuất hiện do nguyên nhân bên ngoài quyết định

c. Những gì sẽ xuất hiện khi có điều kiện bên trong quyết định

c --- QN=119 Điểm chủ yếu nhất để phân biệt con người với con vật

a. Bằng cách thức kiếm sống

b. Bằng ý thức

c. Các phương án trả lời đều đúng

c --- QN=120 Trong xã hội có giai cấp, tính chất kế thừa của ý thức xã hội có gắn với tính chất giai cấp của nó không

a. Tùy trường hợp cụ thể

b. Không kế thừa

c. Có kế thừa

a --- QN=121 Các quan điểm nào sau đây phản ánh đúng nhất nội dung khái niệm phương thức sản xuất.

a. Phương thức sản xuất là cách thức sản xuất ra của cải vật chất trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định

b. Phương thức sản xuất là cách thức sản xuất ra cơ sở hạ tầng trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định

c. Phương thức sản xuất là cách thức sản xuất ra kiến trúc thượng tầng trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định

a --- QN=122 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự vật vận động và phát triển

mang tính

a. Khách quan

b. Chủ quan

c. Duy vật

a --- QN=123 Khi xác định tính chất của phạm trù "Cái chung", triết học Mác- Lênin khẳng định cái chung là cái

a. Bản chất

b. Hiện tượng

c. Cụ thể

b --- QN=124 Biện chứng là phương pháp xem xét thế giới trong trạng thái

a. Bất động, bất biến

b. Luôn vận động, biến đổi và phát triển không ngừng

c. Đứng im

b --- QN=125 Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định rằng, nguyên nhân sinh ra kết quả phải có

a. Tác động

b. Điều kiện

c. Nguyên cớ

a --- QN=126 Biện chứng là phương pháp của khoa học nào sau đây

a. Triết học

b. Đạo đức học

c. Chính trị học

c --- QN=127 Quan điểm lịch sử cụ thể được rút ra từ nghiên cứu nguyên lý triết học nào sau đây

a. Nguyên lý duy vật lịch sử

b. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến

c. Nguyên lý phát triển

a --- QN=128 Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định trong quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng thì

a. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

b. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

c. Cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng có vai trò như nhau

a --- QN=129 Nguyên nhân sâu xa của việc ra đời của giai cấp thuộc

a. Lĩnh vực kinh tế

b. Lĩnh vực văn hóa

c. Lĩnh vực xã hội

b --- QN=130 Cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những sự vật hiện tượng cụ thể

b. Những thuộc tính tồn tại trong nhiều sự vật hiện tượng

c. Những sự vật hiện tượng khách quan

a --- QN=131 Ở xã hội Việt Nam hiện nay

a. Còn đấu tranh giai cấp

b. Không còn đấu tranh giai cấp

c. Các phương án trả lời đều sai

a --- QN=132 Các định nghĩa sau đây, định nghĩa nào phù hợp nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

a. Nguyên nhân là phạm trù triết học dùng đề chỉ sự tác động qua lại giữa các mặt, các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật khia tạo ra những biến đổi nhất định

b. Nguyên nhân là quan hệ giữa các mặt, các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự

vật này với sự vật khia tạo ra những biến đổi nhất định

c. Nguyễn nhân là sự chuyển hóa giữa các mặt, các yếu tố bên trong sự vật hay giữa sự vật này với sự vật kia tạo ra những biến đổi nhất định

c --- QN=133 Biện chứng là phương pháp có đặc điểm

a. Thấy cái chung mà không thấy cái riêng

b. Thấy cái riêng mà không thấy cái chung

c. Vừa thấy cái chung và cái riêng

a --- QN=134 Vấn đề cơ bản của triết học là

a. Quan hệ giữa vật chất và ý thức

b. Quan hệ giữa khách quan và chủ quan

c. Quan hệ giữa thực tiễn và lí luận

a --- QN=135 Trường phái triết học đề cao lĩnh vực vật chất gọi là

a. Triết học duy vật

b. Triết học duy tâm

c. Triết học nhị nguyên

a --- QN=136 Định nghĩa vật chất của Lênin đã giải quyết đúng đắn vấn đề nào sau đây

a. Vấn đề cơ bản của triết học

b. Vấn đề nguyên lý của triết học

c. Vấn đề xuyên suốt của triết học

c --- QN=137 Đặc điểm của tâm lý xã hội là phản ánh điều kiện sinh sống hàng ngày của con người

a. Không có khả năng vạch ra đầy đủ rõ ràng, sâu sắc, bản chất các mối quan hệ xã hội

b. Một cách trực tiếp và tự phát

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=138 Chủ nghĩa Mác-Lênin gồm ba bộ phận cấu thành đó là

a. Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học

b. Triết học, Kinh tế chính trị học và Chính trị học

c. Triết học, Kinh tế học và Chủ nghĩa xã hội khoa học

c --- QN=139 Cơ sở để phân chia triết học thành các trường phái khác nhau là

a. Vấn đề cơ bản của nhận thức luận

b. Vấn đề cơ bản của phương pháp luận

c. Vấn đề cơ bản của triết học

a --- QN=140 Triết học nhị nguyên cho rằng

a. Vật chất và ý thức đều là nguồn gốc và bản chất của thế giới

b. Ý thức là yếu tố quyết định nguồn gốc, bản chất của thế giới

c. Con người là yếu tố quyết định nguồn gốc, bản chất của thế giới

a --- QN=141 "Cái riêng" là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Những sự vật hiện tượng cụ thể

b. Những dạng vật chất cụ thể

c. Các phương án trả lời đều sai

b --- QN=142 Nhà nước có

a. Hai đặc trưng

b. Ba đặc trưng

c. Bốn đặc trưng

a --- QN=143 Các quan điểm nào sau đây phản ánh đúng nhất nội dung khái niệm cơ sở hạ tầng.

a. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định trong lịch sử

b. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ các quan hệ xã hội hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định trong lịch sử

c. Cơ sở hạ tầng là toàn bộ các quan hệ kinh tế hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế xã hội nhất định trong lịch sử

a --- QN=144 Đấu tranh giai cấp nhằm

a. Bảo vệ lợi ích chung cho tất cả các thành viên trong xã hội

b. Giải quyết xung đột về mặt lợi ích giai cấp.

c. Hòa giải mâu thuẫn giữa các tầng lớp dân cư.

a --- QN=145 "Cái đơn nhất" là phạm trù triết học dùng để chỉ

a. Thuộc tính tồn tại duy nhất ở một sự vật

b. Thuộc tính tồn tại trong nhiều sự vật hiện tượng

c. Những sự vật hiện tượng khách quan

a --- QN=146 Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, sự vật khi mới ra đời chúng tồn tại dưới dạng

a. Cái đơn nhất

b. Cái cụ thể

c. Cái chung

b --- QN=416 Sự thay đổi căn bản, toàn diện và triệt để một hình thái kinh tế - xã hội bằng một

hình thái kinh tế - xã hội khác được gọi là:

a. Đột biến cách mạng.

b. Cách mạng xã hội.

c. Cải cách xã hội.

d. Tiến bộ xã hội.

d --- QN=417 Về bản chất Đảng Cộng sản là chính đảng của:

a. Toàn dân.

b. Nhân dân lao động

c. Giai cấp công nhân

d. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động

d --- QN=418 Lực lượng cơ bản và chủ yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

a. Giai cấp tư sản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân

b. Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức

c. Giai cấp nông dân, giai cấp công nhân, tiểu tư sản

d. Giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức, giai cấp nông dân, tiểu tư sản

b --- QN=419 Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo quần chúng nhân dân lật đổ CNTB xây dựng CNXH vì:

a. Là giai cấp nghèo khổ nhất

b. Có số lượng đông đảo nhất

c. Có hệ tư tưởng tiên tiến nhất

d. Do địa vị kinh tế - xã hội

a --- QN=420 Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của:

a. Một mô hình của CNXH không phù hợp

b. Cả một hệ thống XHCN

c. Cả một hình thái kinh tế - xã hội

d. Tất cả các phương án trên

a --- QN=421 Thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội được bắt đầu từ sau:

a. Cách mạng tháng hai năm 1917

b. Sau Cách mạng tháng Mười năm 1917.

c. Khi Liên Xô thực hiện chính sách kinh tế mới- NEP(1921)

d. Khi Liên Xô thực hiện thời kỳ quá độ

a --- QN=422 Cách mạng xã hội chủ nghĩa theo nghĩa hẹp là gì?

a. Cuộc cách mạng về kinh tế

b. Cuộc cách mạng về chính trị

c. Cuộc cách mạng về văn hóa

d. Cuộc cách mạng về tư tưởng

d --- QN=423 Giai cấp công nhân là gì?

a. Giai cấp lãnh đạo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

b. Động lực trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

c. Lực lượng lực trong cách mạng xã hội chủ nghĩa

d. Tất cả các phương án trên đều đúng

c --- QN=424 Mục tiêu trực tiếp của cách mạng xã hội chủ nghĩa là:

a. Xoá bỏ chế độ tư hữu

b. Giải phóng con người, giải phóng xã hội

c. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân

d. Xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa

d --- QN=425 Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng cách nào?

a. Đường lối chính sách.

b. Hiến pháp, pháp luật.

c. Tuyên truyền giáo dục.

d. Tất cả các phương án đều đúng

d --- QN=426 Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ra đời từ:

a. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất

b. Kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ nhất

c. Mở đầu chiến tranh thế giới lần thứ hai

d. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai

b --- QN=427 Xây dựng xã hội chủ nghĩa tất yếu vì:

a. Vấn đề Nhà nước là vấn đề cơ bản của tất cả các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

b. Do thực tiễn của thời kì quá độ nên chủ nghĩa xã hội yêu cầu

c. Do yêu cầu của xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và công cuộc xay dựng chủ nghĩa xã hội

d --- QN=428 Cách mạng Xã hội chủ nghĩa là:

a. cuộc cách mạng cuối cùng trong xã hội có sự phân chia giai cấp

b. cuộc cách mạng thay đổi về chất so với các cuộc cách mạng trong các xã hội có giai cấp trước đó

c. cuộc cách mạng triệt để nhất trong các xã hội có giai cấp

d. Tất cả các phương án trên

c --- QN=429 Nguồn gốc của sự hình thành và phân chia giai cấp trong xã hội là do?

a. Sắc tộc

b. Tôn giáo

c. Kinh tế

d. Chính trị

d --- QN=430 Giai cấp tư sản không thể ngờ được rằng, việc tạo ra giai cấp công nhân là:

a. Tạo ra của cải vô độ cho mình

b. Tạo ra lực lượng cách mạng cho mình

c. Tạo ra bầu bạn cho mình

d. Tạo ra vũ khí giết chính mình

e --- QN=431 Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa là gì?

a. Trấn áp các thế lực thù địch

b. Quản lý kinh tế -văn hóa, xã hội

c. Tổ chức xây dựng toàn diện một xã hội mới.

d. Bảo vệ độc lập chủ quyền và an ninh quốc gia

e. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=432 Nguyên nhân sâu xa của cách mạng xã hội chủ nghĩa do đâu?

a. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản

b. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất xã hội hóa cao và quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa.

c. Mâu thuẫn giữa chế độ xã hội chủ nghĩa và chế độ tư bản chủ nghĩa.

d. Mâu thuấn giữa các nước đế quốc và các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc

c --- QN=433 Trong tuyên ngôn của những người cộng sản C. Mác viết:

a. Vô sản các nước đoàn kết lại

b. Các dân tộc đoàn kết lại

c. Vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại

d. Tất cả các phương án đều đúng

b --- QN=434 Trong tất cả các mâu thuẫn sau, mâu thuẫn nào buộc phải giải quyết bằng một cuộc cách mạng:

a. Chính trị

b. Kinh tế

c. Văn hóa - tư tưởng

d. Dân tộc hoặc tôn giáo

d --- QN=435 Đảng cộng sản Việt Nam được thành lập là do:

a. Sự chín muồi của phong trào công nhân trong đấu tranh

b. Sự chín muồi trong nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lê nin

c. Phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

d. Tất cả các phương án trên

d --- QN=436 Một trong những đặc điểm của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là:

a. Thực hiện sự chuyển biến từ chế độ tư hữu này sang một chế độ tư hữu khác

b. Do thiểu số thực hiện và mưu lợi ích cho thiểu số

c. Xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và xóa bỏ mọi hình thức người bóc lột người.

d. Lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người

a --- QN=437 Nguyên tắc phân phối cơ bản nhất của chủ nghĩa cộng sản là gì?

a. Phân phối theo lao động

b. Phân phối theo tài sản

c. Phân phối theo nhu cầu.

d. Phân phối qua các quỹ phúc lợi xã hội

d --- QN=438 Cách mạng XHCN là:

a. Cuộc cách mạng cuối cùng trong xã hội có sự phân chia giai cấp

b. Cuộc cách mạng thay đổi về chất so với các cuộc cách mạng trong xã hội có giai cấp trước đó

c. Cuộc cách mạng triệt để nhất trong các xã hội có giai cấp

d. Tất cả các phương án trên đều đúng

b --- QN=439 Mục tiêu giai đoạn thứ nhất của cách mạng XHCN là gì?

a. Giải phóng con người, giải phóng xã hội.

b. Giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

c. Xóa bỏ bóc lột đem lại đời sống ấm no cho nhân dân.

a --- QN=440 Giai cấp vô sản là do cuộc cách mạng nào sinh ra?

a. Cuộc cách mạng công nghiệp

b. Cuộc đấu tranh của nông dân

c. Nhận thức của nhân dân

d. Tất cả các phương án đều đúng

d --- QN=441 Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là gì?

a. Tiêu diệt giai cấp thống trị

b. Xây dựng lực lượng vũ trang

c. Cải cách chính quyền

d. Giành chính quyền

a --- QN=442 Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế cộng sản chủ nghĩa theo quan điểm của Lênin?

a. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội, xã hội cộng sản chủ nghĩa

b. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xã hội cộng sản chủ nghĩa

c. Chủ nghĩa xã hội, xã hội cộng sản chủ nghĩa

d. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội

d --- QN=443 Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên phạm vi cả nước ta bắt đầu từ sau năm naò ?

a. Năm 1945

b. Năm 1954

c. Năm 1956

d. Năm 1975

d --- QN=444 Nội dung cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng văn hóa?

a. Giải phóng về mặt tinh thần cho người lao động

b. Bồi dưỡng và phát triển nhân cách con người xã hội chủ nghĩa

c. Công nhân và quần chúng nhân dân lao động là chủ thể sáng tạo và hưởng thụ giá trị văn hóa, tinh thần của xã hội

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

b --- QN=445 Nhà nước Xã hội chủ nghĩa là kiểu nhà nước như thế nào?

a. Thủ tiêu nhà nước Tư sản

b. Là kiểu nhà nước theo kiểu nửa nhà nước để đi đến xóa bỏ nhà nước

c. Là nhà nước của nhân dân lao động

d --- QN=446 Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mang tính chất gì?

a. Đại chúng

b. Giai cấp

c. Dân tộc

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

d --- QN=447 Nội dung cơ bản về liên minh giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

a. Liên minh chính trị

b. Liên minh kinh tế

c. Liên minh về văn hóa - xã hội

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

d --- QN=448 Khái niệm Văn hóa là gì?

a. Văn hiến

b. Văn vật

c. Văn chỉ

d. Toàn bộ những sáng tạo vật chất và tinh thần của con người

d --- QN=449 Con người trong chủ nghĩa xã hội được phát triển như thế nào?

a. Con người phát triển toàn diện

b. Con người được giải phóng khỏi mọi áp bức bóc lột

c. Thực hiện bình đẳng xã hội

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=450 Đặc điểm về kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

a. Tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần

b. Nền kinh tế chỉ có một thành phần kinh tế

c. Nền kinh tế dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

d --- QN=451 Giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo khác nhau ở điểm nào?

a. Về thế giới quan.

b. Về nhân sinh quan.

c. Ở con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

d. Các phương án trả lời đều đúng

d --- QN=452 Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về vấn đề tôn giáo được quán triệt như thế nào?

a. Thủ tiêu tôn giáo

b. Khuyến khích tôn giáo phát triển

c. Sống tốt đời, đẹp đạo

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=453 Đặc điểm về chính trị, văn hóa- xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

a. Còn tồn tại nhiều giai cấp và tầng lớp khác nhau

b. Còn tồn tại nhiều loại tư tưởng, văn hóa tinh thần khác nhau

c. Còn tồn tại các yếu tố văn hóa cũ và mới

d. Tất cả đáp án trên đều đúng

a --- QN=454 Trong ngôn ngữ Hi Lạp cổ đại, khái niệm dân chủ được hiểu là:

a. Quyền lực của nhân dân

b. Nhân dân được quyền tự quyết

c. Quyền tự do bất khả xâm hại

d. Mọi quyền hành là của dân

b --- QN=455 Chủ nghĩa xã hội phát triển trở thành một hệ thống trên thế giới ở giai đoạn nào?

a. Từ 1917 đến 1945

b. Từ 1945 đến đầu những năm 80

c. Từ những năm 80 đến những năm 90

d. Từ những năm 90 đến nay

d --- QN=456 Nguyên tắc cơ bản trong xây dựng khối liên minh giai cấp trong cách mạng xã hội chủ nghĩa?

a. Phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân

b. Phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện

c. Kết hợp đúng đắn các lợi ích

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

b --- QN=457 Trong lịch sử xã hội loài người đã từng xuất hiện các chế độ dân chủ nào sau đây?

a. Chủ nô, phong kiến, tư sản, vô sản

b. Chủ nô, tư sản, vô sản.

c. Cộng xã nguyên thủy,chủ nô, phong kiến, tư sản, vô sản

d. Chủ nô, phong kiến, tư sản

c --- QN=458 Nguồn gốc cơ bản nào cho sự ra đời của tôn giáo?

a. Nguyên nhân nhận thức, kinh tế, chính trị- xã hội, văn hóa, tình cảm

b. Nguyên nhân nhận thức, tự nhiên, tâm lý, chính trị- xã hội, văn hóa

c. Nguyên nhân nhận thức, kinh tế, tâm lý

d. Nguyên nhân nhận thức, kinh tế, tâm lý, chính trị- xã hội, văn hóa

d --- QN=459 Nền văn hóa Việt Nam có tính chất gì?

a. Nền văn hóa tiên tiến

b. Nền văn hóa đại chúng

c. Nền văn hóa đậm đà tính dân tộc

d. Tất cả các phương án trên

a --- QN=460 Dân chủ được xem xét dưới góc độ nào?

a. Phạm trù chính trị.

b. Phạm trù văn hóa.

c. Phạm trù lịch sử.

d --- QN=461 Đặc trưng của nền văn hóa XHCN là gì?

a. Tính nhân văn

b. Tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc

c. Tính nhân loại

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

b --- QN=462 Hiện nay Đảng và nhân dân Việt Nam đang xây dựng nhà nước theo kiểu nào?

a. Pháp trị

b. Pháp quyền XHCN

c. Đức trị

d. Tất cả các phương án tên

a --- QN=464 Chủ nghĩa Mác- Lênin quan niện dân chủ là :

a. Dân chủ là sản phẩm sự tiến hóa của lịch sử, là nhu cầu của con người; quyền lực thuộc về dân

b. Dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị gắn với Nhà nước, giai cấp được hiểu là quyền lực thuộc về giai cấp thống trị.

c. Dân chủ là một hệ thống chính trị, phản ánh trình độ phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình giải phóng xã hội.

d --- QN=465 Dân tộc được hiểu là gì?

a. Những người cùng chung sống trên một vùng đất

b. Cùng một hình thức sinh hoạt kinh tế

c. Cùng có truyền thống văn hóa

d. Tất cả các phương án trên

a --- QN=466 CNXH hiện thực lần đầu tiên xuất hiện vào năm nào?

a. 1871

b. 1917

c. 1945

d. 1949

c --- QN=467 CNXH bắt đầu rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng trong giai đoạn nào?

a. Từ 1917 đến 1945

b. Từ 1945 đến đầu những năm 70

c. Từ những năm 70 đến cuối những năm 80

d. Từ đầu những năm 90 đến nay

d --- QN=468 Về bản chất của nhà nước CHXHCN Việt Nam được ghi trong điều nào của Hiến Pháp 1992?

a. Điều 1

b. Điều 2

c. Điều 3

d. Điều 4

b --- QN=469 Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu làm cho:

a. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay thay đổi

b. Tính chất và nội dung của thời đại ngày nay không thay đổi

c. Mâu thuẫn của thời đại thay đổi

d. Xu hướng của thời đại thay đổi

d --- QN=470 Sự sụp đô của Liên Xô và Đông Âu được đánh dấu từ mốc lịch sử nào?

a. 1988

b. 1989

c. 1990

d. 1991

a --- QN=471 Hình thức đầu tiên của chuyên chính vô sản là gì?

a. Công xã Pari.

b. Nhà nước Xô Viết.

c. Nhà nước dân chủ nhân dân.

d. Nhà nước XHCN

b --- QN=472 Có mấy hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội?

a. Một

b. Hai

c. Ba

d. Bốn

c --- QN=473 CNXH ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là do những nguyên nhân nào?

a. Bên trong

b. Bên ngoài

c. Chủ quan

d. Tất cả các phương án trả lời đều đúng

c --- QN=474 Liên Xô và Đông Âu đã có thời gian từng được gọi là:

a. Pháo đài bất khả chiến bại

b. Chiếc cối xay thịt

c. Thành trì Xã hội chủ nghĩa

d. Tất cả các phương án trên

e --- QN=475 Cuộc cải tổ của Liên Xô bắt đầu từ năm nào?

a. 1945

b. 1986

c. 1988

d. 1989

e. Không có phương án trả lời nào đúng

d --- QN=463 Dân tộc được hiểu là gì?

a. Những người cùng chung sống trên một vùng đất

b. Cùng một hình thức sinh hoạt kinh tế

c. Cùng có truyền thống văn hóa

d. Tất cả các phương án trên

c --- QN=295 Nền kinh tế tri thức được xem là:

a. Một phương thức sản xuất mới

b. Một hình thái kinh tế - xã hội mới

c. Một nấc thang phát triển của lực lượng sản xuất.

c --- QN=296 Vai trò của máy móc trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư, chọn ý đúng:

a. Máy móc là nguồn gốc của giá trị thặng dư.

b. Máy móc và sức lao động đều tạo ra giá trị thặng dư.

c. Máy móc là tiền đề vật chất cho việc tạo ra giá trị thặng dư.

a --- QN=297 Sự ra đời của CNTB độc quyền nhà nước nhằm mục đích:

a. Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân và cứu nguy cho CNTB

b. Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân

c. Phục vụ lợi ích của nhà nước tư sản

c --- QN=298 Sản xuất và lưu thông hàng hoá chịu sự chi phối của những quy luật kinh tế nào?

a. Quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh và quy luật cung cầu

b. Quy luật lưu thông tiền tệ

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=299 Cơ chế kinh tế của CNTB độc quyền nhà nước gồm:

a. Cơ chế thị trường, độc quyền tư nhân và sự can thiệp của nhà nước

b. Cơ chế thị trường và sự điều tiết của nhà nước

c. Cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân

a --- QN=300 Nhân tố nào là cơ bản thúc đẩy CNTB ra đời nhanh chóng:

a. Tích luỹ nguyên thuỷ

b. Sự phát triển mạnh mẽ của phương tiện giao thông vận tải nhờ đó mở rộng giao lưu buôn bán quốc tế

c. Sự tác động của quy luật giá trị

c --- QN=301 Những nhận xét dưới đây về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, nhận xét nào là không đúng?

a. Chủ yếu áp dụng ở giai đoạn đầu của CNTB khi kỹ thuật còn thủ công lạc hậu.

b. Giá trị sức lao động không thay đổi.

c. Ngày lao động không thay đổi.

a --- QN=302 Chi phí thực tế của xã hội để sản xuất hàng hoá là:

a. Chi phí lao động sống và lao động quá khứ

b. Chi phí tư bản bất biến và tư bản khả biến

c. Chi phí sức lao động của toàn xã hội

c --- QN=303 Sự hoạt động của quy luật giá trị được biểu hiện:

a. Giá cả thị trường xoay quanh giá trị xã hội của hàng hoá, Giá cả thị trường xoay quanh giá cả sản xuất.

b. Giá cả thị trường xoay quanh giá cả độc quyền

c. Các phương án trả lời đều đúng.

a --- QN=304 Địa tô chênh lệch II thu được trên:

a. Ruộng đất đã thâm canh

b. Ruộng đất có độ màu mỡ trung bình

c. Ruộng đất có độ màu mỡ tốt

a --- QN=305 Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản ra thành tư bản cố định và tư bản lưu động.

a. Phương thức chuyển giá trị của các bộ phận tư bản sang sản phẩm

b. Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

c. Sự thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất.

c --- QN=306 Các cặp phạm trù nào thuộc về lý luận tái sản xuất xã hội bao gồm

a. Lực lượng sản xuất và QHSX

b. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội

c. Các phương án trả lời đều đúng

a --- QN=307 Chọn phương án đúng về quy luật kinh tế:

a. Quy luật kinh tế là quy luật xã hội do con người đặt ra, là quy luật khách quan phát sinh tác dụng qua hoạt động kinh tế của con người.

b. Quy luật kinh tế có tính lịch sử

c. Các phương án trả lời đều đúng.

a --- QN=308 Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở:

a. Đều là tăng quy mô tư bản cá biệt

b. Có nguồn gốc trực tiếp giống nhau.

c. Đều là tăng quy mô tư bản xã hội.

a --- QN=309 Sức lao động trở thành hàng hoá một cách phổ biến từ khi nào?

a. Từ khi có CNTB

b. Từ khi có sản xuất hàng hoá

c. Từ khi có kinh tế thị trường

a --- QN=310 Nếu nhà tư bản trả công theo đúng giá trị sức lao động thì có còn bóc lột giá trị thặng dư không?

a. Không còn

b. Tùy trường hợp cụ thể

c. Vẫn còn

a --- QN=311 Vì sao trong CNTB độc quyền cạnh tranh không bị thủ tiêu?

a. Vì cạnh tranh là quy luật khách quan của kinh tế hàng hoá

b. Vì tổ chức độc quyền cạnh tranh với các công ty ngoài độc quyền

c. Vì các xí nghiệp trong nội bộ tổ chức độc quyền cạnh tranh với nhau

c --- QN=312 Việc mua bán sức lao động và mua bán nô lệ khác nhau ở đặc điểm nào?

a. Bán nô lệ là bán con người, còn bán sức lao động là bán khả năng lao động của con người.

b. Bán sức lao động thì người lao động là người bán, còn bán nô lệ thì nô lệ bị người khác bán.

c. Các phương án trả lời đều đúng.

a --- QN=313 Khi nào tiền tệ biến thành tư bản?

a. Sức lao động trở thành hàng hoá

b. Dùng tiền để buôn bán mua rẻ, bán đắt.

c. Có lượng tiền tệ đủ lớn.

a --- QN=314 Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào không thuộc tư bản bất biến?

a. Máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

b. Kết cấu hạ tầng sản xuất.

c. Sức lao động.

a --- QN=315 Bản chất của khủng hoảng kinh tế là:

a. Khủng hoảng sản xuất "thừa" so với sức mua có hạn của quần chúng

b. Khủng hoảng sản xuất "thừa" so với nhu cầu xã hội

c. Là khủng hoảng sản xuất "thiếu hụt" so với sức mua.

a --- QN=316 Tính chất của tư bản bất biến (c) là:

a. Giá trị của nó không thay đổi về lượng và được chuyển nguyên vẹn sang sản phẩm

b. Giá trị của nó không thay đổi và được chuyển ngay sang sản phẩm sau một chu kỳ sản xuất.

c. Giá trị của nó chuyển dần vào sản phẩm qua khấu hao.

a --- QN=317 Về kinh tế, xuất khẩu tư bản nhà nước nhằm mục đích:

a. Tạo môi trường thuận lợi cho xuất khẩu tư bản tư nhân.

b. Tạo điều kiện cho các nước nhập khẩu tư bản phát triển

c. Khống chế kinh tế các nước nhập khẩu tư bản.

a --- QN=318 Chọn ý đúng về quan hệ cung - cầu đối với giá trị, giá cả:

a. Có ảnh hưởng tới giá cả thị trường

b. Quyết định giá trị và giá cả hàng hoá

c. Chỉ quyết định đến giá cả và có ảnh hưởng đến giá trị

a --- QN=319 Các tổ chức độc quyền sử dụng giá cả độc quyền để:

a. Củng cố vai trò tổ chức độc quyền

b. Chiếm đoạt giá trị thặng dư của người khác

c. Gây thiệt hại cho các đối thủ cạnh tranh

c --- QN=320 Mâu thuẫn cơ bản về lao động của sản xuất hàng hoá giản đơn là

a. Giữa lao động giản đơn với lao động phức tạp

b. Giữa lao động cụ thể với lao động trừu tượng

c. Giữa lao động tư nhân với lao động xã hội

a --- QN=321 Tư bản cố định và tư bản lưu động thuộc phạm trù tư bản nào?

a. Tư bản sản xuất.

b. Tư bản tiền tệ.

c. Tư bản bất biến.

a --- QN=322 Các luận điểm dưới đây, luận điểm nào sai?

a. Bóc lột sản phẩm thặng dư chỉ có ở CNTB.

b. Các Phương thức sản xuất trước CNTB bóc lột sản phẩm thặng dư trực tiếp

c. Sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là hình thái chung nhất của sản xuất giá trị thặng dư.

a --- QN=323 Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối có điểm nào giống nhau?

a. Đều làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư.

b. Đều làm cho công nhân tốn sức lao động nhiều hơn.

c. Đều làm giảm giá trị sức lao động của công nhân.

c --- QN=324 Mức độ giàu có của xã hội phụ thuộc chủ yếu vào:

a. Trình độ khoa học công nghệ

b. Tài nguyên thiên nhiên

c. Khối lượng sản phẩm thặng dư

a --- QN=325 Giá cả ruộng đất phụ thuộc các nhân tố nào?

a. Mức địa tô của đất

b. Độ màu mỡ của đất

c. Vị trí của đất

c --- QN=326 Chủ nghĩa tư bản ra đời khi:

a. Sản xuất hàng hoá đã phát triển cao

b. Phân công lao động đã phát triển cao

c. Tư liệu sản xuất tập trung vào một số ít người còn đa số người bị mất hết TLSX.

c --- QN=327 Sự phát triển đại công nghiệp cơ khí ở Anh bắt đầu từ:

a. Các ngành công nghiệp nặng

b. Các ngành công nghiệp chế tạo máy

c. Các ngành công nghiệp nhẹ

c --- QN=328 Lưu thông hàng hoá dựa trên nguyên tắc ngang giá. Điều này được hiểu như thế nào là đúng?

a. Giá cả của từng hàng hoá luôn luôn bằng giá trị của nó

b. Giá trị luôn luôn bằng giá cả

c. Giá cả có thể tách rời giá trị và xoay quanh giá trị của nó

a --- QN=329 Sở hữu độc quyền nhà nước là sự kết hợp của

a. Sở hữu nhà nước và sở hữu độc quyền tư nhân

b. Sở hữu của nhà nước tư sản

c. Sở hữu của nhiều nước tư bản

a --- QN=330 Chế độ tham dự của tư bản tài chính được thiết lập do:

a. Số cổ phiếu khống chế

b. Lợi nhuận

c. Lợi tức

c --- QN=331 Quan hệ giữa giá cả và giá trị. Chọn các ý đúng:

a. Giá trị là cơ sở của giá cả, là yếu tố quyết định giá cả, giá cả là hình thức biểu hiện bằng tiền của giá trị.

b. Giá cả thị trường còn chịu ảnh hưởng của cung - cầu, giá trị của tiền.

c. Các phương án trả lời đều đúng.

a --- QN=332 Sự hình thành các tổ chức độc quyền dựa trên cơ sở:

a. Tích tụ tập trung sản xuất và sự ra đời của các xí nghiệp quy mô lớn

b. Sự xuất hiện các thành tựu mới của khoa học

c. Sản xuất nhỏ phân tán

c --- QN=333 Bản chất tiền tệ là gì? Chọn các ý đúng:

a. Là hàng hoá đặc biệt, làm vật ngang giá cho các hàng hoá khác, thể hiện lao động xã hội kết tinh trong hàng hoá.

b. Phản ánh quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất hàng hoá với nhau.

c. Các phương án trả lời đều đúng.

a --- QN=334 Chọn các ý không đúng về sản phẩm và hàng hoá:

a. Mọi sản phẩm đều là hàng hoá

b. Mọi sản phẩm đều là kết quả của sản xuất

c. Không phải mọi sản phẩm đều là hàng hoá

a --- QN=335 Trên giác độ KTCT, mục tiêu cuối cùng của xuất khẩu tư bản là:

a. Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở nước nhập khẩu tư bản

b. Thực hiện giá trị và chiếm các nguồn lợi khác của nước nhập khẩu tư bản

c. Giúp đỡ các nước nhập khẩu tư bản phát triển.

b --- QN=336 Tư bản cố định có vai trò gì?

a. Là nguồn gốc của giá trị thặng dư.

b. Là điều kiện để tăng năng suất lao động.

c. Các phương án trả lời đều sai.

a --- QN=337 Trong CNTB ngày nay, các trùm tài chính thống trị nền kinh tế thông qua:

a. Kết hợp "chế độ tham dự" với "chế độ uỷ nhiệm"

b. "Chế độ tham dự"

c. "Chế độ uỷ nhiệm"

a --- QN=338 Dựa vào căn cứ nào để chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến.

a. Vai trò các bộ phận tư bản trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

b. Phương thức chuyển giá trị các bộ phận tư bản sang sản phẩm

c. Tốc độ chu chuyển của tư bản

a --- QN=339 Lợi nhuận có nguồn gốc từ:

a. Lao động không được trả công

b. Lao động quá khứ

c. Lao động phức tạp

a --- QN=340 Trong cơ chế của CNTB độc quyền nhà nước thì:

a. Nhà nước phụ thuộc vào tổ chức độc quyền

b. Nhà nước không phụ thuộc vào tổ chức độc quyền

c. Tổ chức độc quyền phụ thuộc vào nhà nước.

a --- QN=341 Quan hệ cung cầu thuộc khâu nào của quá trình tái sản xuất xã hội?

a. Sản xuất và tiêu dùng

b. Phân phối và trao đổi

c. Tiêu dùng

a --- QN=342 Bản chất của CNTB độc quyền nhà nước là:

a. Sự kết hợp tổ chức độc quyền tư nhân và nhà nước tư sản

b. Nhà nước tư sản can thiệp vào kinh tế, chi phối độc quyền

c. Các tổ chức độc quyền phụ thuộc vào nhà nước

a --- QN=343 Khi lạm phát phi mã xảy ra, hình thức sử dụng tiền nào có lợi nhất?

a. Mua hàng hoá hoặc vàng cất giữ

b. Gửi ngân hàng

c. Đầu tư vào sản xuất kinh doanh

a --- QN=344 Hình thức tổ chức và cơ chế thống trị của tư bản tài chính trong CNTB ngày nay thay đổi là do:

a. Lực lượng sản xuất phát triển, nhiều ngành mới xuất hiện

b. Mục đích thu lợi nhuận độc quyền

c. Sự điều tiết của nhà nước

a --- QN=345 Chọn định nghĩa chính xác về tư bản:

a. Tư bản là giá trị đem lại giá trị thặng dư bằng cách bóc lột lao động làm thuê.

b. Tư bản là giá trị mang lại giá trị thặng dư.

c. Tư bản là tiền và TLSX của nhà tư bản để tạo ra giá trị thặng dư.

b --- QN=346 Tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v) thuộc phạm trù tư bản nào?

a. Tư bản tiền tệ.

b. Tư bản sản xuất.

c. Tư bản hàng hoá.

a --- QN=347 Cặp phạm trù nào là phát hiện riêng của C.Mác?

a. Lao động cụ thể và lao động trừu tượng

b. Lao động giản đơn và lao động phức tạp

c. Lao động tư nhân và lao động xã hội

a --- QN=348 Ai là người đầu tiên chia tư bản sản xuất thành tư bản bất biến (c) và tư bản khả biến (v)?

a. Mác

b. A.Smith

c. D.Ricardo

a --- QN=349 Giá trị cá biệt của hàng hoá do:

a. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất quyết định

b. Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất nhiều hàng hoá quyết định

c. Hao phí lao động của ngành quyết định

a --- QN=350 Trên giác độ KTCT, chi phí sản xuất tư bản được quan điểm là:

a. Chi phí tư bản (c) và (v).

b. Tổng số tiền nhà tư bản ứng ra.

c. Số tiền nhà tư bản mua máy móc, nguyên vật liệu.

a --- QN=351 Giá trị xã hội của hàng hoá công nghiệp và nông nghiệp giống nhau ở chỗ dựa trên:

a. Hao phí lao động xã hội cần thiết

b. Hao phí lao động xã hội trong điều kiện sản xuất trung bình

c. Hao phí lao động xã hội trong điều kiện sản xuất khó khăn nhất

a --- QN=352 Về kinh tế, xuất khẩu tư bản nhà nước thường hướng vào:

a. Ngành kết cấu hạ tầng

b. Ngành có vốn chu chuyển nhanh

c. Ngành công nghệ mới

a --- QN=353 Trong cùng một thời gian lao động khi số lượng sản phẩm tăng lên còn giá trị một đơn vị hàng hoá và các điều khác không thay đổi thì đó là kết quả của:

a. Tăng cường độ lao động

b. Của cả tăng NSLĐ và tăng CĐLĐ

c. Các phương án trả lời đều sai.

a --- QN=354 Việc mua bán nô lệ và mua bán sức lao động quan hệ với nhau thế nào? Chọn ý đúng:

a. Hoàn toàn khác nhau

b. Có quan hệ với nhau

c. Giống nhau về bản chất, chỉ khác về hình thức

a --- QN=355 Khi nào sức lao động trở thành hàng hoá một cách phổ biến?

a. Trong nền sản xuất hàng hoá TBCN.

b. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ.

c. Trong nền sản xuất lớn hiện đại.

a --- QN=356 Nguyên nhân của bản chất khủng hoảng kinh tế TBCN là

a. Bắt nguồn từ mâu thuẫn của bản chất của CNTB

b. Do sản xuất không có kế hoạch

c. Do chạy theo lợi nhuận.

a --- QN=357 Mục đích trực tiếp của nền sản xuất TBCN là:

a. Tạo ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư.

b. Làm cho lao động ngày càng lệ thuộc vào tư bản.

c. Sản xuất ra ngày càng nhiều của cải vật chất.

a --- QN=358 Khi tăng cường độ lao động sẽ xảy ra các trường hợp dưới đây. Trường hợp nào

dưới đây là đúng?

a. Số lượng hàng hoá làm ra trong một đơn vị thời gian tăng

b. Năng suất lao động thay đổi

c. Giá trị 1 đơn vị hàng hoá tăng lên

a --- QN=359 Quy luật chung của tích luỹ tư bản là gì? ý nào sau đây không đúng:

a. Giai cấp tư sản ngày càng giàu có, mâu thuẫn trong CNTB tăng lên.

b. Cấu tạo hữu cơ của tư bản tăng lên

c. Quá trình bần cùng hoá giai cấp vô sản

c --- QN=360 Quy luật giá trị hoạt động tự phát có thể dẫn đến sự hình thành QHSX TBCN không? Chọn câu trả lời đúng nhất:

a. Có nhưng rất chậm chạp

b. Có

c. Không

a --- QN=361 Trong phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, người lao động muốn giảm thời gian lao động trong ngày còn nhà tư bản lại muốn kéo dài thời gian lao động trong ngày. Giới hạn tối thiểu của ngày lao động là bao nhiêu?

a. Lớn hơn thời gian lao động cần thiết.

b. Đủ bù đắp giá trị sức lao động của công nhân.

c. Bằng thời gian lao động cần thiết.

a --- QN=362 Các công thức tính tỷ suất giá trị thặng dư dưới đây, công thức nào đúng?

a. m' = m/v \*100%

b. m' = thời gian lao động thặng dư/thời gian lao động cần thiết \*100%

c. m'= thời gian lao động thặng dư/lao động cần thiết

c --- QN=363 Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến là để biết:

a. Đặc điểm chuyển giá trị của từng loại tư bản vào sản phẩm.

b. Vai trò của lao động quá khứ và lao động sống trong việc tạo ra giá trị sử dụng.

c. Nguồn gốc của giá trị thặng dư.

a --- QN=364 Tỷ suất giá trị thặng dư (m') phản ánh điều gì? Chọn ý đúng:

a.Trình độ bóc lột của tư bản đối với công nhân làm thuê.

b. Hiệu quả của tư bản.

c. Chỉ cho nhà tư bản biết nơi đầu tư có lợi.

a --- QN=365 Cạnh tranh giữa các ngành xảy ra khi có sự khác nhau về

a. Tỷ suất lợi nhuận

b. Giá trị thặng dư siêu ngạch

c. Cung cầu các loại hàng hoá

C --- 1. Câu trả lời sau đây, câu nào diễn đạt chưa chuẩn xác:

a) Chủ nghĩa Mác là học thuyết do C.Mác sáng lập

b) Chủ nghĩa Mác là học thuyết về sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động

c) Chủ nghĩa Mác là thế giới quan và phương pháp luận chung của mọi nhận thức và thực tiễn

d) Chủ nghĩa mác là học thuyết được xây dựng trên cơ sở kế thừa những tinh hoa của lịch sử tư tưởng nhân loại và thực tiễn cách mạng

D --- 2. Phát kiến vĩ đại nhất của Các Mác trên lĩnh vực nghiên cứu triết học và kinh tế chính trị là:

a) Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và học thuyết giá trị lao động

b) Sáng tạo ra phép biện chứng duy vật và học thuyết giá trị thặng dư

c) Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng và học thuyết giá trị thặng dư

d) Sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư

D --- 3. Trong tác phẩm kinh điển sau đây, tác phẩm nào được đánh giá là văn kiện đầu tiên có tính cương lĩnh của chủ nghĩa Mác, thể hiện sự chín muồi về mặt thế giới quan mới của C. Mác và Ăngghen:

a) Gia đình thần thánh (1845)

b) Hệ tư tưởng Đức (1845 - 1846)

c) Luận cương về L. Phoiơbắc (1845)

d) Tuyên ngôn của đảng cộng sản (1848)

A --- 4. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, bộ phận lý luận nào có chức năng làm sáng tỏ bản chất và những quy luật chung nhất của mọi sự vận động, phát triển của thế giới là :

a) Triết học Mác - Lênin

b) Kinh tế chính trị Mác - Lênin

c) Chủ nghĩa xã hội khoa học

d) Không có bộ phận nào giữ chức năng đó vì chủ nghĩa Mác - Lênin thuộc khoa học xã hội

B --- 5. Trong các câu hỏi sau đây, câu hỏi nào là biến thể của cách diễn đạt vấn đề cơ bản của triết học:

a) Não người đã phát triển như thế nào?

b) Nội dung của các tư tưởng của con người xuất hiện từ đâu và bằng cách nào?

c) Tư duy được thực hiện trong các hình thức nào và tuân theo các quy luật nào?

d) Mục đích và ý nghĩa của sự tồn tại người là gì?

D --- 6. Khái niệm: "những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin" là chỉ:

a) Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

b) Những quan điểm cơ bản, nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin

c) Những quan điểm mang tính chất chân lý bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin

d) Những quan điểm cơ bản, nền tảng và có tính chất chân lý bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin

D --- 7. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết khoa học:

a) Đã phát triển đến mức hoàn toàn đầy đủ, không cần phát triển gì thêm

b) Trong đó mọi vấn đề được giải quyết triệt để, chỉ cần nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn

c) Có thể thay thế cho mọi khoa học

d) Không ngừng phát triển trên cơ sở tổng kết những thành tựu mới của sự phát triển các khoa học và thực tiễn

C --- 8. Trong tác phẩm kinh điển nào sau đây, tác phẩm nào thể hiện sự tập trung đầy đủ nhất nội dung lý luận kinh tế chính trị học của chủ nghĩa Mác? Tác phẩm đó của ai?

a) Phê phán cương lĩnh Gôta/ C.Mác

b) Phê phán cương lĩnh Gôta/ Ph. Ăngghen

c) Bộ Tư bản/ C. Mác

d) Bộ Tư bản/ Ăngghen

B --- 9. Trong tác phẩm kinh điển nào sau đây, tác phẩm nào thể hiện tập trung việc V.I. Lênin đã kế thừa và phát triển quan niệm của chủ nghĩa Mác về vật chất, về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức , tồn tại xã hội và ý thức xã hội

a) Làm gì?

b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

c) Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác

d) Bút ký triết học

D --- 10. Trong tác phẩm kinh điển nào sau đây, tác phẩm nào thể hiện tập trung việc V.I. Lênin đã kế thừa và phát triển tư tưởng biện chứng trong triết học của G.W.Ph. Hêghen?

a) Làm gì?

b) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

c) Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác

d) Bút ký triết học

C --- 1. Theo Ph. Ăngghen, vấn đề cơ bản lớn của triết học là vấn đề về:

a) Vật chất

b) Ý thức

c) Mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại

d) Quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy con người

B --- 2. Hai khái niệm triết học và thế giới quan...

a) Là trùng nhau vì đều là hệ thống quan điểm chung về thế giới

b) Triết học không phải là toàn bộ thế giới quan mà chỉ là hạt nhân lý luận chung nhất của thế giới quan

c) Không phải mọi triết học đều là hạt nhân lý luận của thế giới quan mà chỉ có triết học Mác - Lênin mới là hạt nhân lý luận của thế giới quan

d) Là hoàn toàn khác nhau

D --- 3. Nội dung mặt thứ nhất của vấn đề cơ bản của triết học là:

a) Quan hệ giữa vật chất với ý thức

b) Quan hệ giữa ý thức với vật chất

c) Khả năng nhận thức thế giới của con người

d) Bản chất của thế giới là vật chất hay ý thức

C --- 4. Hệ thống triết học nào quan niệm sự vật là phức hợp của cảm giác

a) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

b) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

d) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

A --- 5. Hệ thống triết học nào coi cảm giác là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan?

a) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

C --- 6. Các trình độ phát triển của thế giới quan:

a) Thế giới quan tôn giáo - thế giới quan huyền thoại - thế giới quan triết học

b) Thế giới quan tôn giáo - thế giới quan triết học - thế giới quan huyền thoại

c) Thế giới quan huyền thoại - thế giới quan tôn giáo - thế giới quan triết học

d) Thế giới quan huyền thoại - thế giới quan siêu hình - thế giới quan triết học

D --- 7. Thế giới quan là:

a) Quan niệm của con người về thế giới

b) Hệ thống quan niệm của con người về thế giới

c) Hệ thống quan niệm, quan điểm lý luận của con người về thế giới

d) Hệ thống quan niệm, quan điểm chung nhất của con người về thế giới

A --- 8. Trong xã hội có giai cấp, triết học

a) Cũng có tính giai cấp

b) Không có tính giai cấp

c) Chỉ triết học phương Tây mới có tính giai cấp

d) Chỉ có triết học phương Đông mới có tính giai cấp

C --- 9. Chọn luận điểm thể hiện lập trường triết học duy tâm lịch sử:

a) Quan hệ sản xuất mang tính vật chất

b) Yếu tố kinh tế quyết định lịch sử

c) Sự vận động và phát triển của xã hội, suy cho cùng là do tư tưởng của con người quyết định

d) Kiến trúc thương tầng chỉ đóng vai trò thụ động trong lịch sử

D --- 10. Nhận định sau thuộc lập trường triết học nào?

"Nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất trong lịch sử"

a) Chủ nghĩa duy vật biện chứng

b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d) Chủ nghĩa duy vật tầm thường

B --- 11. Phép biện chứng cổ đại là:

a) Biện chứng duy tâm

b) Biện chứng ngây thơ, chất phác

c) Biện chứng duy vật khoa học

d) Biện chứng chủ quan

D --- 12. Phép biện chứng của triết học Hêghen là:

a) Phép biện chứng duy tâm chủ quan

b) Phép biện chứng duy vật hiện đại

c) Phép biện chứng ngây thơ, chất phác

d) Phép biện chứng duy tâm khách quan

C --- 13. Vận động của tự nhiên và lịch sử chỉ là sự tha hóa sự tự vận động của ý niệm tuyệt đối. Quan niệm trên thuộc lập trường triết học nào?

a) Chủ nghĩa duy vật

b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d) Chủ nghĩa nhị nguyên triết học

B --- 14. Chọn phương án đúng để điền vào chỗ trống: " điểm xuất phát ... là sự khẳng định những sự vật hiện tượng của tự nhiên đều bao hàm những mâu thuẫn vốn có của chúng"

a) Phép siêu hình

b) Phép biện chứng

c) Phép biện chứng duy tâm

d) Phép biện chứng duy vật

A --- 15. "Tất cả cái gì đang vận động, đều vận động nhờ một cái khác nào đó"

Nhận định này gắn liền với hệ thống triết học nào? Hãy chọn phương án sai/

a) Triết học duy vật

b) Triết học duy tâm

c) Triết học duy tâm khách quan

d) Triết học duy tâm chủ quan

B --- 16. Nên gắn ý kiến: "nguyên nhân cao hơn, hoàn thiện hơn kết quả của nó" với lập trường triết học nào?

a) Triết học duy tâm chủ quan

b) Triết học duy tâm khách quan

c) Triết học duy vật

d) Triết học duy vật biện chứng

A --- 17. Triết học bao gồm những quan điểm chung nhất, những sự lý giải có luận chứng cho các câu hỏi chung của con người, nên triết học bao gồm toàn bộ tri thức của nhân loại

Kết luận trên ứng với triết học thời kỳ nào?

Chọn câu trả lời đúng:

a) Triết học cổ đại

b) Triết học phục hưng

c) Triết học Trung cổ - Tây âu

d) Triết học Mác - Lênin

C --- 18. Xác định quan điểm duy vật biện chứng trong số những luận điểm sau:

a) Thế giới thống nhất ở tính tồn tại của nó

b) Thế giới thống nhất ở nguồn gốc tinh thần

c) Thế giới thống nhất ở tính vật chất

d) Thế giới thống nhất ở sự suy nghĩ về nó như là nó là cái thống nhất

C --- 19. Khi khoa học tự nhiên phát hiện ra tia X, ra hiện tượng phóng xạ, ra điện tử là một thành phần cấu tạo nên nguyên tử. Theo V.I. Lênin điều đó chứng tỏ gì?

a) Vật chất không tồn tại thật

b) Vật chất tiêu tan mất

c) Giới hạn hiểu biết của chúng ta về vật chất mất đi

d) Vật chất có tồn tại thực sự nhưng không thể nhận thức được

D --- 20. Những phát minh của vật lý học cận đại đã bác bỏ khuynh hướng triết học nào?

a) Duy vật chất phác

b) Duy vật siêu hình

c) Duy vật biện chứng

d) Duy vật chất phác và duy vật siêu hình

B --- 21. Khái niệm trung tâm mà V.I. Lênin sử dụng để định nghĩa về vật chất là?

a) Phạm trù triết học

b) Thực tại khách quan

c) Cảm giác

d) Phản ánh

D --- 22. Trong định nghĩa về vật chất của mình, V.I.Lênin cho thuộc tính chung nhất của vật chất là

a) Tự vận động

b) Cùng tồn tại

c) Đều có khả năng phản ánh

d) Tồn tại khách quan bên ngoài ý thức không lệ thuộc vào cảm giác

A --- 23. Xác định mệnh đề sai?

a) Vật thể không phải là vật chất

b) Vật chất không chỉ có một dạng tồn tại là vật thể

c) Vật thể là một dạng cụ thể của vật chất

d) Vật chất tồn tại thông qua những dạng cụ thể của nó

B --- 24. Xác định mệnh đề đúng theo quan điểm duy vật biện chứng:

a) Phản điện tử, phản hạt nhân là phi vật chất

b) Phản điện tử, phản hạt nhân là thực tại khách quan, là dạng cụ thể của vật chất

c) Phản vật chất là sự tưởng tượng thuần túy của các nhà vật lý học

d) Phản vật chất không phải là vật chất

A --- 25. Sai lầm của các nhà triết học cổ đại trong quan niệm về vật chất?

a) Đồng nhất vật chất với một số dạng vật thể cụ thể, cảm tính

b) Vật chất là tất cả cái tồn tại khách quan

c) Vật chất là có thể nhận thức được

d) Vật chất tự thân vận động

D --- 26. Theo Ph. Ăngghen, tính thống nhất của vật chất được chứng minh bởi:

a) Thực tiễn lịch sử

b) Thực tiễn cách mạng

c) Sự phát triển lâu dài của khoa học

d) Sự phát triển lâu dài và khó khăn của triết học và khoa học tự nhiên

A --- 27. Trung tâm định nghĩa vật chất của V.I. Lênin là cụm từ nào

a) Thực tại khách quan

b) Phạm trù triết học

c) Được đem lại cho con người trong cảm giác

d) Không lệ thuộc vào cảm giác

B --- 28. Thuộc tính cơ bản nhất của vật chất, nhờ đó phân biệt vật chất với ý thức đã được V.I.Lênin xác định trong định nghĩa vật chất là thuộc tính:

a) Tồn tại

b) Tồn tại khách quan

c) Có thể nhận thức được

d) Tính đa dạng

C --- 29. Xác định nội dung cơ bản trong định nghĩa của V.I.Lênin về vật chất:

a) Thực tại khách quan

b) Thực tại khách quan tồn tại độc lập với cảm giác

c) Thực tại khách quan - tồn tại độc lập với ý thức và khi tác động đến giác quan con người thì có thể sinh ra cảm giác

d) Tồn tại khách quan nhưng không thể nhận biết ra nó vì thực tại đó là một sự trừu tượng của tư duy

B --- 30. Nếu không thừa nhận vật chất tự thân vận động thì nhất định dẫn tới quan điểm duy tâm về nguồn gốc của vận động của vật chất, vì:

a) Sẽ phải thừa nhận nguyên nhân của vật chất là từ ý thức

b) Sẽ phải thừa nhận nguyên nhân cuối cùng của mọi vận động của vật chất là từ ý thức

c) Sẽ phải thừa nhận vật chất không vận động

d) Sẽ phải thừa nhận nguyên nhân vận động của vật chất là từ thượng đế

B --- 31. Đứng im là:

a) Tuyệt đối

b) Tương đối

c) Vừa tuyệt đối vừa tương đối

d) Không có đáp án đúng

C --- 32. Không gian và thời gian:

a) Không gian là hình thức tồn tại của vật chất, còn thời gian là phương thức tồn tại của vật chất

b) Không gian là phương thức tồn tại của vật chất, còn thời gian là hình thức tồn tại của vật chất

c) Không gian và thời gian đều là những hình thức cơ bản của tồn tại vật chất

d) Không gian và thời gian đều là những phương thức tồn tại cơ bản của tồn tại vật chất

D --- 33. Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin thuộc tính phản ánh là thuộc tính?

a) Riêng có ở con người

b) Chỉ có ở các cơ thể sống

c) Chỉ có ở các chất vô cơ

d) Phổ biến ở mọi tổ chức vật chất

A --- 34. Nhân tố cơ bản, trực tiếp tạo thành nguồn gốc xã hội của ý thức:

a) Lao động và ngôn ngữ

b) Lao động trí óc và lao động chân tay

c) Thực tiễn kinh tế và lao động

d) Lao động và nghiên cứu khoa học

B --- 35. Nguồn gốc xã hội trực tiếp và quan trọng nhất quyết định sự ra đời và phát triển của ý thức là:

a) Lao động trí óc

b) Thực tiễn

c) Giáo dục

d) Nghiên cứu khoa học

B --- 36. Chọn từ phù hợp điền vào câu sau cho đúng quan điểm duy vật biện chứng: "ý niệm chẳng qua là ... được di chuyển vào bộ óc con người và được cải biến đi ở trong đó"

a) Vật chất

b) Cái vật chất

c) Vật thể

d) Thông tin

D --- 37. Sự thông thái của con người:

a) Được thể hiện nhiều hơn trong hoạt động nghiên cứu lý luận

b) Được thể hiện nhiều hơn trong hoạt động thực tiễn

c) Được thể hiện chắc chắn hơn trong hoạt động lý luận

d) Được thể hiện chắc chắn hơn trong hoạt động thực tiễn

A --- 38. Phương pháp luận chung của chủ nghĩa duy vật là trong nhận thức và thực tiễn cần:

a) Xuất phát từ thực tế khách quan

b) Phát huy năng động chủ quan

c) Xuất phát từ thực tế khách quan đồng thời phát huy năng động chủ quan

d) Phát huy năng động chủ quan trên cơ sở tôn trọng thực tế khách quan

c --- 1) Đặc điểm chủ yếu của phép biện chứng trong triết học hy lạp là:

a) Tính chất duy tâm

b) Tính chất duy vật, chưa triệt để

c) Tính chất tự phát, ngây thơ, mộc mạc

d) Tính chất khoa học

d --- 2) Phép biện chứng nào cho rằng biện chứng ý niệm sinh ra biện chứng của sự vật?

a) Phép biện chứng thời cổ đại

b) Phép biện chứng của các nhà tư tưởng xã hội dân chủ Nga

c) Phép biện chứng duy vật

d) Phép biện chứng duy tâm khách quan

d --- 3) Tại sao C. Mác nói phép biện chứng của G.W.Ph. Hêghen là phép biện chứng lộn đầu xuống đất?

a) Thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất

b) Thừa nhận tinh thần là sản phẩm của thế giới vật chất

c) Thừa nhận sự tồn tại độc lập của tinh thần

d) Thừa nhận tự nhiên, xã hội là sản phẩm của quá trình phát triển của tinh thần, ý niệm

c --- 4) Biện chứng khách quan là gì?

a) Là những quan niệm biện chứng tiên nghiệm, có trước kinh nghiệm

b) Là những quan niệm biện chứng được rút ra từ ý niệm tuyệt đối, độc lập với ý thức con người

c) Là biện chứng của các tồn tại vật chất

d) Là biện chứng không thể nhận thức được nó

b --- 5) Biện chứng chủ quan là gì?

a) Là biện chứng của tư duy tư biện, thuần túy

b) Là biện chứng của ý thức

c) Là biện chứng của thực tiễn xã hội

d) Là biện chứng của lý luận

d --- 6) Biện chứng tự phát là gì?

a) Là biện chứng của bản thân thế giới khách quan

b) Là biện chứng chủ quan thuần túy

c) Là biện chứng của bản thân thế giới khách quan khi con người chưa nhận thức được

d) Là những yếu tố biện chứng con người đạt được trong quá trình tìm hiểu thế giới nhưng chưa có

hệ thống

d --- 7) Đâu là biện chứng với tư cách là khoa học trong số các quan niệm, các hệ thống lý luận dưới

đây?

a) Những quan niệm biện chứng ở thời kỳ cổ đại

b) Những quan niệm biện chứng của các nhà duy vật thế kỷ XVII - XIX

c) Những quan niệm biện chứng của các nhà khoa học tự nhiên thế kỷ XVIII - XIX

d) Phép biện chứng duy vật

c --- 8) Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng giữa biện chứng chủ quan và biện chứng

khách quan quan hệ thế nào với nhau?

a) Biện chứng chủ quan quyết định biện chứng khách quan

b) Biện chứng chủ quan hoàn toàn độc lập với biện chứng khách quan

c) Biện chứng chủ quan phản ánh biện chứng khách quan

d) Biện chứng chủ quan là sự thể hiện của biện chứng chủ quan

d --- 9) Đâu là nội dung nguyên lý của phép biện chứng duy vật về mối liên hệ phổ biến của các sự vật và

hiện tượng

a) Các sự vật và hiện tượng trong thế giới tồn tại tách rời nhau, giữa chúng không có sự phụ thuộc,

ràng buộc lẫn nhau.

b) Các sự vật có sự liên hệ tác động nhau nhưng không có sự chuyển hóa lẫn nhau

c) Sự vật khác nhau ở vẻ bề ngoài, do chủ quan con người quy định, bản chất sự vật không có gì

khác nhau

d) Thế giới là một chỉnh thể thống nhất bao gồm các sự vật, các quá trình vừa tách biệt nhau, vừa

có mối liên hệ qua lại với nhau, vừa thâm nhập và chuyển hóa cho nhau

d --- 10) Đâu là quan niệm của phép biện chứng duy vật về cơ sở các mối liên hệ

a) Cơ sở liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật và hiện tượng ở ý thức, cảm giác con người

b) Cơ sở sự liên hệ, tác động qua lại giữa các sự vật là ở ý niệm về sự thống nhất của thế giới

c) Cơ sở sự liên hệ giữa các sự vật là do các lực bên ngoài có tính chất ngẫu nhiên đối với các sự

vật

d) Sự liên hệ qua lại giữa các sự vật, hiện tượng có cơ sở ở tính thống nhất vật chất của thế giới

c --- 11) Đâu là quan niệm của phép biện chứng duy vật về vai trò của các mối liên hệ đối với sự vận động

và phát triển của các sự vật hiện tượng?

a) Các mối liên hệ có vai trò khác nhau

b) Các mối liên hệ có vai trò như nhau

c) Các mối liên hệ có vai trò khác nhau tùy vào những điều kiện xác định

d) Các mối liên hệ luôn luôn có vai trò khác nhau

b --- 12) V.I.Lênin nói hai quan niệm cơ bản về sự phát triển:

1. "sự phát triển coi như là sự giảm đi và tăng lên, như là lặp lại"

2. "sự phát triển coi như là sự thống nhất của các mặt đối lập"

Câu nói này của V.I.Lênin nói trong tác phẩm nào?

a) Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán

b) Bút ký triết học

c) Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ ra sao?

d) Về vai trò của chủ nghĩa duy vật chiến đấu

d --- 13) Yêu cầu của quan niệm toàn diện phải xem xét tất cả các mối liên hệ của sự vât. Yêu cầu này

không thực hiện được nhưng vẫn phải đề ra để làm gì?

a) Chống quan điểm siêu hình

b) Chống quan điểm duy tâm

c) Chống quan chủ nghĩa triết chung và thuyết ngụy biện

d) Đề phòng cho chúng ta khỏi phạm sai lầm và sự cứng nhắc

b --- 14) Phương pháp siêu hình thống trị triết học vào thời kỳ nào?

a) Thế kỷ XV - XVI

b) Thế kỷ XVII - XVIII

c) Thế kỷ XVIII - XIX

d) Thế kỷ XIX - XX

b --- 15) Có mấy hình thức cơ bản của phép biện chứng?

a) 2

b) 3

c) 4

d) 5

d --- 16) Phép biện chứng duy vật bao gồm những nguyên lý, quy luật cơ bản nào?

a) 1 nguyên lý, 1 quy luật

b) 1 nguyên lý, 2 quy luật

c) 2 nguyên lý, 2 quy luật

d) 2 nguyên lý, 3 quy luật

c --- 17) Phép biện chứng nào được coi là khoa học về những quy luật phổ biến của sự vận động và sự

phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người

a) Phép biện chứng cổ đại

b) Phép biện chứng cổ điển Đức

c) Phép biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin

d) Phép biện chứng của G.W.Ph.Hêghen

d --- 18) Quan niệm nào cho rằng cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là ở tính thống nhất

vật chất của thế giới?

a) Chủ nghĩa duy vật chất phác

b) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

c) Chủ nghĩa duy tâm

d) Phép biện chứng duy vật

c --- 19) Quan niệm nào cho rằng cơ sở của mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng là ở "ý niệm tuyệt

đối"?

a) Chủ nghĩa duy tâm

b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d) Chủ nghĩa duy vật

d --- 20) Quan niệm nào khẳng định giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan luôn tồn tại

trong tính quy định và tương tác, làm biến đổi lẫn nhau?

a) Quan niệm siêu hình

b) Quan niệm duy vật

c) Quan niệm duy vật cận đại Tây - Âu

d) Quan niệm biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin

c --- 21) Nguồn gốc, động lực cơ bản của sự vận động phát triển là do:

a) Sự thống nhất của các mặt đối lập

b) Sự đấu tranh của các mặt đối lập

c) Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

d) Sự mâu thuẫn của các mặt đối lập

d --- 22) Luận điểm "bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội" dựa trên quan điểm nào

a) Quan niệm duy vật

b) Quan niệm duy tâm

c) Quan niệm duy vật siêu hình

d) Quan niệm duy vật biện chứng

b --- 23) Cơ sở trực tiếp và chủ yếu nhất để hình thành khái niệm là gì?

a) Thế giới tự nhiên

b) Thực tiễn

c) Cảm giác

d) Tri gác và biểu tượng

c --- 24) Các phạm trù được hình thành thông qua quá trình...những thuộc tính, những mối liên hệ vốn

có bên trong của bản thân sự vật.

a) Liệt kê và phân tích

b) Chứng minh

c) Khái quát hóa và trừu tượng hóa

d) Khái quát hóa và chứng minh

a --- 25) Nội dung của các phạm trù luôn luôn mang tính...

a) Khách quan

b) Chủ quan

c) Chân thực

d) Khách quan và chủ quan

c --- 26) Phạm trù là những...phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản

nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định.

a) Khái niệm

b) Khái niệm rộng

c) Khái niệm rộng nhất

d) Khái niệm hẹp

b --- 27) "cái riêng - cái chung" , "nguyên nhân - kết quả", "tất nhiên - ngẫu nhiên", "nội dung - hình

thức", "bản chất - hiện tượng", "khả năng - hiện thực" đó là các...của triết học Mác - Lênin.

a) Cặp khái niệm

b) Cặp phạm trù cơ bản

c) Thuật ngữ cơ bản

d) Cặp phạm trù

b --- 28) Có sự khác nhau nào giữa "khái niệm" và "phạm trù"?

a) "Khái niệm" chính là "phạm trù"

b) "Phạm trù" phải là những "khái niệm" rộng nhất

c) "Khái niệm" không bao giờ là một "phạm trù"

d) "Khái niệm" phải là những "phạm trù" rộng nhất

b --- 29) "Phạm trù chỉ là những từ trống rỗng, do con người tưởng tượng ra, đầy tính chủ quan và không

biểu hiện hiện thực". Đây là quan niệm của trường phái nào?

a) Trường phái triết học duy thực

b) Trường phái triết học duy danh

c) Trường phái Cantơ

d) Trường phái triết học Mác - Xít

c --- 30) Hình thức cơ bản, đầu tiên của mọi quá trình tư duy là?

a) Cảm giác

b) Biểu tượng

c) Khái niệm

d) Suy luận

b --- 31) Cái riêng là một phạm trù dùng để chỉ...

a) Những mặt, những thuộc tính chung của nhiều sự vật

b) Một sự vật, một hiện tượng, một quá trình riêng lẻ nhất định

c) Những nét, những thuộc tính chỉ có ở một sự vật

d) Các yếu tố cấu thành một hệ thống

b --- 32) Khái niệm đơn nhất dùng để chỉ cái...

a) Tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tượng

b) Chỉ tồn tại ở một sự vật, một hiện tượng, tuyệt đối không lặp lại ở sự vật, hiện tượng khác

c) Tồn tại ở một sự vật, hiện tượng trong một quan hệ xác định

d) Tồn tại ở một sự vật, một hiện tượng

a --- 33) Cái ...chỉ tồn tại trong cái...thông quan cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình

a) Chung/Riêng

b) Riêng/Chung

c) Chung/Đơn nhất

d) Đơn nhất/Riêng

b --- 34) Cái ...chỉ tồn tại trong mối liên hệ với cái...

a) Chung/Riêng

b) Riêng/Chung

c) Chung/Đơn nhất

d) Đơn nhất/Riêng

b --- 35) Cái ...là cái toàn bộ, phong phú hơn cái...

a) Chung/Riêng

b) Riêng/Chung

c) Chung/Đơn nhất

d) Đơn nhất/Riêng

a --- Cái ...là cái bộ phận, nhưng sâu sắc hơn cái...

a) Chung/Riêng

b) Riêng/Chung

c) Chung/Đơn nhất

d) Đơn nhất/Riêng

c --- 36) Cái... và cái... có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật

a) Chung/Riêng

b) Riêng/Chung

c) Chung/Đơn nhất

d) Đơn nhất/Riêng

d --- 37) Giả sử khái niệm Việt Nam là một "cái riêng" thì yếu tố nào sau đây là cái đơn nhất?

a) Con người

b) Quốc gia

c) Văn hóa

d) Hà Nội

c --- 38) Triết gia nào cho rằng: "Cái chung là những ý niệm tồn tại vĩnh viễn, bên cạnh những cái riêng có

tính chất tạm thời"

a) Đêmôcrit

b) Hêraclit

c) Platôn

d) C.Mác

c --- 39) Khi một sự vật, một hiện tượng mói được nảy sinh thì yếu tố nào sẽ xuất hiện đầu tiên:

a) Cái chung

b) Cái riêng

c) Cái đơn nhất

d) Cái phổ biến

b --- 40) Phạm trù nhằm chỉ những biến đổi xuất hiện do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự

vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra, gọi là gì?

a) Nguyên nhân

b) Kết quả

c) Khả năng

d) Hiện thực

a --- 41) Nguyên nhân và kết quả cái nào có trước?

a) Nguyên nhân

b) Kết quả

c) Cả hai cùng xuất hiện trước

d) Không cái nào xuất hiện trước

b --- 42) Trong các cặp khái niệm dưới đây, cặp nào có quan hệ nhân quả?

a) Đông - Tây

b) Nghèo - Dốt

c) Xuân - Hạ

d) Ngày - Đêm

b --- 43) Có rất nhiều loại nguyên nhân, như: nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân

bên trong, nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân chủ quan, nguyên nhan khách quan...điều đó

chứng tỏ là...

a) Một kết quả chỉ có thể do một loại nguyên nhân gây ra

b) Một kết quả có thể do nhiều loại nguyên nhân gây ra

c) Một kết quả có thể không cần nguyên nhân gây ra

d) Không thể nhận thức được quan hệ nguyên nhân - kết quả

d --- 44) "Đói nghèo" và "dốt nát", hiện tượng nào là nguyên nhân, hiện tượng nào là kết quả?

a) Đói nghèo là nguyên nhân, dốt nát là kết quả

b) Dốt nát là nguyên nhân, đói nghèo là kết quả

c) Cả hai đều là nguyên nhân

d) Hiện tượng này vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của hiện tượng kia

d --- 45) Mối liên hệ nhân quả có các tính chất gì?

a) Tính khách quan và tính phổ biến

b) Tính khách quan và tính tất yéu

c) Tính khách quan, tính chủ quan và tính tất yếu

d) Tính khách quan, tính phổ biến và tính tất yếu

c --- 46) Những sự vật, hiện tượng nếu có cùng nguyên nhân, trong những điều kiện giống nhauthif sẽ

tạo nên kết quả như nhau. Điều này thể hiện tính chất gì trong mối liên hệ nhân quả?

a) Tính khách quan

b) Tính phổ biến

c) Tính tất yếu

d) Tính biện chứng

c --- 47) Ph.Ăngghen cho rằng: đối với ai phủ nhận...thì mọi quy luật tự nhiên đều là giả thuyết.

a) Vấn đề nội dung hình thức

b) Phạm trù khả năng - hiện thực

c) Tính nhân quả

d) Tính biện chứng

c --- 48) Vật trong chân không luôn chuyển động với gia tốc 9,8 m/s2; nước ở áp suất 1 atmôtphe luôn

sôi ở 100oC. Điều này chứng tỏ...

a) Giữa nguyên nhân và kết quả có mối quan hệ sản sinh

b) Nguyên nhân luôn có trước kết quả

c) Một nguyên nhân nhất định, trong những hoàn cảnh giống nhau, sẽ tạo nên những kết quả

giống nhau

d) Không chứng tỏ được điều gì

a --- 49) Cái do nguyên nhân cơ bản bên trong của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện

nhất định nó phải sảy ra như thể chứ không thể khác được gọi là?

a) Tất nhiên

b) Ngẫu nhiên

c) Hệ quả

d) Bản chất

b --- 50) Cái không do mối liên hệ bản chất bên trong kết cấu vật chất, bên trong sự vật quyết định, mà

do các nhân tố bên ngoài , do sự ngẫu hợp của nhiều hoàn cảnh bên ngoài quyết định gọi là gì?

a) Tất nhiên

b) Ngẫu nhiên

c) Khả năng

d) Hiện thực

c --- 51) Cái ngẫu nhiên là cái...

a) Diễn ra hoàn toàn không chịu sự chi phối của quy luật nào

b) Hoàn toàn diễn ra theo quy luật

c) Biểu hiện của quy luật

d) Không biểu hiện của bất cứ quy luật nào

c --- 52) Ném một đồng xu có hai mặt đen và trắng lên trời, đồng xu rơi xuống đất và ngửa mặt đen lên

trên. Đấy là tất nhiên hay ngẫu nhiên?

a) Tất nhiên

b) Ngẫu nhiên

c) Vừa tất nhiên vừa ngẫu nhiên

d) Không phải tất nhiên và cũng không phải ngẫu nhiên

a --- 53) ... tồn tại khách quan, độc lập với ý thức của con người.

a) Tất nhiên và ngẫu nhiên

b) Chỉ mỗi tất nhiên

c) Chỉ mỗi ngẫu nhiên

d) Tất nhiên và ngẫu nhiên đều không

d --- 54) Câu nào dưới đây là câu đúng và đủ:

a) Tất nhiên có thể chuyển hóa thành ngẫu nhiên

b) Ngẫu nhiên có thể chuyển hóa thành tất nhiên

c) Tất nhiên và ngẫu nhiên không thể chuyển hóa cho nhau

d) Tất nhiên và ngẫu nhiên có thể chuyển hóa cho nhau

a --- 55) C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng: cái mà người ta quả quyết cho là...thì lại hoàn toàn do những

cái...cấu thành; và cái được coi là...lại là hình thức trong đó ẩn nấp...

a) Tất yếu/ ngẫu nhiên; ngẫu nhiên/ tất yếu

b) Ngẫu nhiên/ tất yếu; Tất yếu/ ngẫu nhiên

c) Tất yếu/ ngẫu nhiên; Tất yếu/ ngẫu nhiên

d) Ngẫu nhiên/ tất yếu; Ngẫu nhiên/ tất yếu

b --- 56) V.I.Lênin cho rằng: Tính...không thể tách rời tính phổ biến

a) Nhân quả

b) Tất nhiên

c) Đơn nhất

d) Hiện thực

b --- 57) C. Mác cho rằng: nếu như...không có tác dụng gì cả, thì lịch sử sẽ có một tính chất rất thần bí.

a) Tất nhiên

b) Ngẫu nhiên

c) Nguyên nhân

d) Kết quả

d --- 58) ...là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật, là hệ thống các mối liên hệ tương đối bền

vừng giữa các yếu tố của sự vật đó.

a) Nguyên nhân

b) Kết quả

c) Nội dung

d) Hình thức

b --- 59) Trong các cụm từ dưới đây, cụm từ nào được xem là "hình thức" trong cặp phạm trù "nội dung

- hình thức" mà phép biện chứng duy vật nghiên cứu: " truyện kiều là..."

a) Tác phẩm của Nguyễn Du

b) Tác phẩm thơ lục bát

c) Tác phẩm có bìa màu xanh

d) Tác phẩm ra đời vào thế kỷ XVIII

c --- 60) Trong tác phẩm "biện chứng của tự nhiên", Ph.Ăngghen viết: toàn bộ giới tự nhiên hữu cơ là

bằng chứng liên tục nói lên rằng...là đồng nhất và không thể tách rời được.

a) Nguyên nhân và kết quả

b) Khả năng và hiện thực

c) Nội dung và hình thức

d) Bản chất và hiện tượng

a --- 61) Không có ...tồn tại thuần túy không chứa đựng..., ngược lại cũng không có...lại không tồn tại

trong một...xác định

a) Hình thức/nội dung; Nội dung/ hình thức

b) Nội dung/ hình thức; Hình thức/ nội dung

c) Hiện tượng/ bản chất; Bản chất/ hiện tương

d) Bản chất/ hiện tượng; Hiện tượng/ bản chất

b --- 62) Trong quá trình vận động, phát triển của sự vật,...giữ vai trò quyết định...

a) Hình thức/ nội dung

b) Nội dung/ hình thức

c) Hiện tượng/ bản chất

d) Ngẫu nhiên/ tất nhiên

a --- 63) Trong mối quan hệ giữa "lực lượng sản xất và quan hệ sản xuất", yếu tố nào là nội dung, yếu tố

nào là hình thức?

a) Lực lượng sản xuất là nội dung - quan hệ sản xuất là hình thức

b) Quan hệ sản xuất là nội dung- lực lượng sản xuất là hình thức

c) Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đều là nội dung

d) Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đều là hình thức

a --- 64) Tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong sự vật,

quy định sự vận động và phát triển của sự vật gọi là gì?

a) Bản chất

b) Hiện tương

c) Nội dung

d) Hình thức

c --- 65) Hiện tượng là...

a) Một bộ phận của bản chất

b) Luôn đồng nhất với bản chất

c) Biểu hiện bên ngoài của bản chất

d) Kết quả của bản chất

c --- 66) Trong chủ nghĩa tư bản, ... quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân là quan hệ bóc lột.

a) Hình thức

b) Nội dung

c) Bản chất

d) Hiện tượng

c --- 67) " Thế giới những thực thể tinh thần tồn tại vĩnh viễn và bất biến là bản chất chân chính của mọi

sự vật". Đây là quan niệm của ai?

a) Đêmôcrít

b) Hêraclit

c) Platôn

d) Ph. Ăngghen

d --- 68) "Bản chất chỉ là tên gọi trống rỗng mà con người tưởng tượng ra, nó không tồn tại trên thực tế".

Đây là quan niệm của trường phái triết học nào?

a) Duy tâm khách quan

b) Bất khả tri

c) Duy vật biện chứng

d) Duy tâm chủ quan

d --- 69) V.I.Lênin cho rằng: nhận thức đi từ...đến..., từ bản chất ít sâu sắc đến bản chất sâu sắc hơn.

a) Hình thức/ nội dung

b) Nội dung/ hình thức

c) Bản chất/ hiện tượng

d) Hiện tượng/ bản chất

c --- 70) Trong tác phẩm bút ký triết học, V.I.Lênin có ví mối quan hệ giữa "...và..." với sự vận động của

một con sông - bọt ở bên trên và luồng nước sâu ở dưới.

a) Nội dung và hình thức

b) Khả năng và hiện thực

c) Hiện tượng và bản chất

d) Tất yếu và ngẫu nhiên

b --- 71) ... tương đối ổn định, biến đổi chậm. Ngược lại...không ổn định mà luôn biến đổi.

a) Nội dung/ hình thức

b) Bản chất/ hiện tượng

c) Hiện tượng/ bản chất

d) Hình thức/ nội dung

b --- 72) Phạm trù triết học dùng để chỉ những gì hiện có, hiện tồn tại thực sự, gọi là gì?

a) Kết quả

b) Hiện thực

c) Khả năng

d) Hiện thực khách quan

c --- 73) Phạm trù triết học dùng để chỉ những gì chưa có, nhưng sẽ có, sẽ tới khi có điều kiện tương ứng

thích hợp gọi là gì?

a) Nguyên nhân

b) Kết quả

c) Khả năng

d) Hiện thực

b --- 74) Khả năng là cái hiện thực...

a) Đã sảy ra

b) Chưa sảy ra

c) Không bao giờ sảy ra

d) Đang tồn tại

d --- 75) Hạt thóc khi gieo xuống đất có thể nảy mầm thành cây lúa. Vậy hạt thóc là...

a) Khả năng

b) Hiện thực

c) Không phải hiện thực

d) Vừa là khả năng vừa là hiện thực

c --- z

76) Ở trong lĩnh vực...khả năng không thể tự nó biến thành hiện thực nếu không có sự tham gia của

con người.

a) Tự nhiên

b) Tự nhiên và xã hội

c) Xã hội

d) Tự nhiên và tư duy

c --- 77) V.I.Lênin khẳng định: chủ nghĩa Mác dựa vào...chứ không phải dựa vào...để vạch ra đường lối

chính trị của mình.

a) Khả năng/ hiện thực

b) Hiện thực/ ngẫu nhiên

c) Hiện thực/ khả năng

d) Tất yếu/ ngẫu nhiên

a --- 78) "hiện thực chủ quan", khi cần thiết có thể dùng chỉ...

a) Ý thức

b) Vật chất

c) Khả năng

d) Hiện thực khách quan

d --- 79) Thế nào là mâu thuẫn biện chứng?

a) Có hai mặt khác nhau

b) Có hat mặt trái ngược nhau

c) Có hai mặt đối lập nhau

d) Sự thống nhất của các mặt đối lập

c --- 80) Chất của sự vật được nào nên từ...

a) Một thuộc tính

b) Nhiều thuộc tính

c) Thuộc tính cơ bản và không cơ bản

d) Chỉ từ thuộc tính cơ bản

d --- 81) Thế nào là độ của sự vật:

a) Trong một phạm vi, lượng - chất thống nhất với nhau

b) Trong một khoảng, lượng và chất thống nhất với nhau

c) Duy trì mối quan hệ, lương - chất thống nhất với nhau

d) Trong một giới hạn, lượng - chất thống nhất nói lên sự vật là nó

d --- 82) Khái niệm "bước nhảy"?

a) Sự đột biến

b) Chuyển dần về chất

c) Hoàn thiện chất

d) Quá trình biến đổi về chất diễn ra tại điểm nút

c --- 83) Phủ định biện chứng là sự phủ định:

a) Làm cho sự vật thay đổi hình thái

b) Làm xuất hiện sự vật mới

c) Tạo ra điều kiện, tiền đề cho sự phát triển

d) Thủ tiêu sự vật cũ

a --- 84) Bất kỳ sự phủ định nào cũng tạo ra sự ... của sự vật

a) Biến đổi

b) Phát triển

c) Nhân tố mới ở trình độ cao

d) Kế thừa cho sự tiến bộ và phát triển

a --- 85) Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, là sự thống nhất hữu cơ

của các thuộc tính là cho sự vật là nó:

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

d --- 86) Mỗi sự vật trong điều kiện xác định:

a) Chỉ có một thuộc tính

b) Có một số thuộc tính

c) Có vô vàn thuộc tính

d) Có một số thuộc tính xác định

b --- 87) Khái niệm nào dùng để chỉ tính quy định vốn có của các sự vật, hiện tương về mặt số lượng các

yếu tố cấu thành, quy mô tồn tại của sự vật và tốc độ, nhịp điệu của sự vận động, phát triển của

sự vật?

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

c --- 88) Khái niệm nào dùng để chỉ khoảng giới hạn trong đó sự thay đổi về lượng chưa dẫn đến sự thay

đổi căn bản chất của sự vật ấy?

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

d --- 89) Khái niệm nào dùng để chỉ sự chuyển hóa về chất do sự biến đổi trước đó về lượng tới giới hạn

điểm nút?

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Bước nhảy

d --- 90) Khái niệm nào dùng để chỉ thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã đủ làm thay đổi về chất

của sự vật?

a) Chất

b) Lượng

c) Độ

d) Điểm nút

a --- 91) Không phải mọi sự thay đổi về lượng đều:

a) Có khả năng dẫn đến thay đổi về chất

b) Ngay lập thức thay đổi về chất

c) Không thể lập tức làm thay đổi về chất

d) Không làm thay đổi về chất

d --- 92) Chất và lượng:

a) Không có mối quan hệ gì với nhau

b) Chỉ có mối quan hệ giữa chất với lượng

c) Chỉ có mỗi quan hệ giữa lượng với chất

d) Có mối quan hệ biện chứng với nhau

c --- 93) Theo nghĩa biện chứng, mâu thuẫn là:

a) Những gì khách nhau nhưng có mối liên hệ với nhau

b) Những gì trái ngược nhau

c) Những gì vừa đối lập với nhau vừa là điều kiên tiền đề tồn tại của nhau

d) Những gì có xu hướng thủ tiêu lẫn nhau

b --- 94) Trong phép biện chứng, khái niệm nào dùng để chỉ tác động qua lại theo xu hướng bài trừ và

phủ định lẫn nhau giữa các mặt đó?

a) Thống nhất của các mặt đối lập

b) Đấu tranh của các mặt đối lập

c) Khái niệm mâu thuẫn

d) Khái niệm xung đột

b --- 95) Cái gì được xác định là nguồn gốc và động lực của sự phát triển?

a) Mâu thuẫn

b) Mâu thuẫn biện chứng

c) Đấu tranh

d) Thống nhất

d --- 96) Mối quan hệ giữa đấu tranh và thống nhất của các mặt đối lập trong một mâu thuẫn:

a) Đấu tranh là tuyệt đối

b) Thống nhất là tuyệt đối

c) Đấu tranh là tương đối

d) Đấu tranh là tuyệt đối, còn thống nhất là tương đối

c --- 97) V.I.Lênin từn nhận định thực chất của phép biện chứng là gì với tư cách là phép biện chứng của

nhận thức?

a) Đồng nhất các mặt đối lập

b) Phân đôi cái thống nhất thành các mặt đối lập

c) Phân đôi cái thống nhất và nhận thức các bộ phân mâu thuẫn của nó

d) Phân tách sự vật thành các bộ phận cụ thể

a --- 98) Hoàn thiện luận điểm sau:

"sự phân đôi của cái thống nhất và sự nhận thức các bộ phận mâu thuẫn của nó, đó là...của phép biện

chứng"

a) Thực chất

b) Nội dung

c) Nội dung cơ bản

d) Hình thức

a --- 99) Quá trình thay đổi các hình thái tồn tại của sự vật được gọi là:

a) Phủ định

b) Phủ định biện chứng

c) Sự thay thế

d) Sự hủy diệt

d --- 100) Phủ định biện chứng có đặc trưng cơ bản nào?

a) Tính khách quan và tính mâu thuẫn

b) Tính mâu thuẫn và tính kế thừa

c) Tính kế thừa và tính phát triển

d) Tính khách quan và tính kế thừa

d --- 101) Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mục đích của nhận thức?

a) Nhận thức để thỏa mãn sự hiểu biết của con người

b) Nhận thức vì ý chí của thượng đế

c) Nhận tức vì sự thực hiện quá trình phát triển của ý niệm tuyệt đối

d) Nhận thức nhằm phục vụ nhu cầu của thực tiễn

d --- 102) Tiêu chuẩn của chân lý là gì?

a) Tính chính xác

b) Là tiện lợi cho tư duy

c) Là được nhiều người thừa nhận

d) Là thực tiễn

a --- 103) Những hình thức nhận thức: cảm giác, tri giác, biểu tượng, thuộc giai đoạn nhận thức

nào?

a) Nhận thức cảm tính

b) Nhận thức lý tính

c) Nhận thức thông thường

d) Nhận thức khoa học

b --- 104) Những hình thức nhận thức: khái niệm, phán đoán, suy luận thuộc giai đoạn nhận thức

nào?

a) Nhận thức cảm tính

b) Nhận thức lý tính

c) Trực quan sinh động

d) Nhận thức kinh nghiệm

a --- 105) Hình thức nhận thức nào cần có sự tác động trực tiếp của vật vào cơ quan giác quan của

con người?

a) Cảm giác

b) Khái niệm

c) Suy luận

d) Phán đoán

d --- 106) Hình thức nhận thức nào không cần có sự tác động của vật vào cơ quan giác quan của

con người:

a) Cảm giác

b) Tri giác

c) Biểu tượng

d) Khái niệm

a --- 107) Tri thức nào nảy sinh một cách trực tiếp từ thực tiễn lao động sản xuất?

a) Tri thức kinh nghiệm

b) Tri thức lý luận

c) Tri thức lý luận khoa học

d) Tri thức lý luận thực tiễn

a --- 108) Điều khẳng định nào sau đây đúng về mối quan hệ giữa lý luận và kinh nghiệm:

a) Lý luận được hình thành từ kinh nghiệm trên cở sở kinh nghiệm

b) Kinh nghiệm nhiều tự phát dẫn đến sự ra đời của lý luận

c) Mọi lý luận đều được xuất phát từ kinh nghiệm

d) Lý luận đi trước kinh nghiệm

d --- 109) Chân lý là:

a) Sự thật mà ai cũng biết

b) Lẽ phải ai cũng thừa nhận

c) Tri thức phù hợp với logic suy luận

d) Tri thức có nội dung chân thực và đã được thực tiễn kiểm nghiệm

c --- 110) Điều khẳng định nào sau đây là đúng:

a) Thuyết không thể biết không thừa nhận chân lý khách quan

b) Chủ nghĩa duy tâm chủ quan không thừa nhận chân lý khách quan

c) Chủ nghĩa duy tâm khách quan thừa nhận chân lý khách quan

d) Chỉ có chủ nghĩa duy vật biện chứng mới thừa nhận chân lý khách quan.

b --- 111) Theo C. Mác con người phải chứng minh chân lý trong:

a) Hoạt động lý luận

b) Hoạt động thực tiễn

c) Thực tế

d) Hiện thực

c --- 112) Theo C. Mác: vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có thể đạt được chân lý khách

quan hay không hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận mà là vấn đề...

a) Thực tế

b) Hiện thực

c) Thực tiễn

d) Khoa học

c --- 113) Theo V.I.Lênin: quan điểm về đời sống, về thực tiễn phải là...của lý luận nhận thức:

a) Đầu tiên

b) Điểm thứ nhất

c) Quan điểm thứ nhất và cơ bản

d) Điều quan trọng

d --- 114) Trong quá trình nhận thức và hoạt động thực tiễn, chúng ta cần...

a) Phủ nhận, gạt bỏ cái ngẫu nhiên

b) Phủ nhận, gạt bỏ cái tất nhiên

c) Căn cứ vào cái tất nhiên và ngẫu nhiên

d) Cơ bản là phải căn cứ vào cái tất nhiên nhưng đồng thời phải tính tới cái ngẫu nhiên

c --- 115) ...là tổng hợp những mặt, những yếu tố trong quá trình tạo nên sự vật

a) Khả năng

b) Hiện thực

c) Nội dung

d) Hình thức

c --- 116) Có những sự vật, hiện tương sảy ra...

a) Không có nguyên nhân nào

b) Có nguyên nhân nhưng không thể nhận thức được

c) Có nguyên nhân nhưng chưa nhận thức được

d) Có nguyên nhân và luôn luôn nhận thức được

a --- 117) Quá trình thay đổi hình thái tồn tại của sự vật đồng thời qua đó tạo ra cá điều kiện phát

triển được gọi là:

a) Phủ định

b) Phủ định biện chứng

c) Phát triển

d) Tiến hóa

c --- 1) Chọn câu trả lời đúng và đầy đủ:

Sự ra đời của quan điểm duy vật về lịch sử do C. Mác sáng lập ra đã khắc phục được những sai lầm căn bản trong việc lý giải xã hội theo:

a) Quan điểm tôn giáo và duy tâm

b) Quan điểm duy vật siêu hình và tôn giáo

c) Quan điểm duy tâm và siêu hình

d) Quan điểm duy vật tự nhiên và tầm thường

d --- 2) Điền thêm từ đề hoàn thiện nhận định sau đây của V.I. Lênin:

"Chủ nghĩa Mác đã mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển

và suy tàn của..."

a) Hệ thống vật chất trong giới tự nhiên

b) Các quá trình kinh tế và chính trị - xã hội

c) Các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy

d) Các hình thái kinh tế - xã hội

d --- 3) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Xã hội có các loại hình cơ bản là:

a) Sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần và văn hóa

b) Sản xuất ra văn hóa, con người và đời sống tinh thần

c) Sản xuất ra của cải vật chất, đời sống tinh thần và nghệ thuật

d) Sản xuất ra của cải vật chất, tinh thần và con người

b --- 4) Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây và xác định đó là nhận định của ai?

"Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vật may mắn chỉ hái lượm

trong khi con người lại ... (2)..."

a) Biết sáng tạo/ Ph. Ăngghen

b) Sản xuất/ Ph. Ăngghen

c) Tiến hành lao động/ C. Mác

d) Tư duy/ V.I.Lênin

c --- 5) Chọn câu trả lời đúng và đầy đủ:

Sản xuất vật chất là hoạt động có:

a) Tính khách quan, tính tất yếu, tính xã hội, tính văn hóa và tính mục đích

b) Tính tất yếu, tính tư duy, tính cộng động, tính văn hóa và tính mục đích

c) Tính khách quan, tính mục đích, tính xã hội, tính lịch sử và tính sáng tạo

d) Tính xã hội, tính lịch sử, tính sáng tạo, tính văn hóa và tính mục đích dự thân

a --- 6) Chọn câu trả lời đúng:

Trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, khái niệm "phương thức sản xuất" dùng để chỉ:

a) Cách thức tiến hành quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định

b) Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định

c) Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện cụ thể của xã hội

d) Quá trình sản xuất ra của cải vật chất với một cơ chế kinh tế nhất định

b --- 7) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Sản xuất ra của cải vật chất giữ vai trò là:

a) Nền tảng của xã hội

b) Nền tảng vật chất của xã hội

c) Nền tảng tinh thần của xã hội

d) Nền tảng kỹ thuật, công nghệ của xã hội

d --- 8) Chọn câu trả lời đúng:

Trình độ phát triển của phương thức sản xuất ra của cải vật chất là nhân tố giữ vai trò quyết định:

a) Đời sống tinh thần của xã hội

b) Đời sống văn hóa của xã hội

c) Đời sống chín trị, đạo đức của xã hội

d) Trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội

a --- 9) Chọn câu trả lời đúng:

Theo C.Mác, các nền kinh tế căn bản phân biệt với nhau bởi:

a) Phương thức sản xuất ra của cải vật chất

b) Mục đích của quá trình sản xuất ra của cải vật chất

c) Mục đích tự nhiên của quá trình sản xuất ra của cải vật chất.

d) Mục đích xã hội của quá trình sản xuất ra của cải vật chất

c --- 10) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Suy đến cùng, trình độ phát triển của nền sản xuất ra của cải vật chất của xã hội được quyết định bởi trình độ:

a) Phát triển của phương thức sử dụng lao động

b) Phát triển của các nguồn lực sử dụng trong quá trình sản xuất

c) Phát triển của lực lượng sản xuất

d) Phát triển của quan hệ sản xuất

c --- 11) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Mỗi phương thức sản xuất đều được tạo nên bởi hai mặt:

a) Kỹ thuật và công nghệ

b) Kỹ thuật và lao động

c) Kỹ thuật và kinh tế

d) Kỹ thuật và tổ chức

a --- 12) Chọn câu trả lời đúng

Tiền đề xuất phát của chủ nghĩa duy vật lịch sử là :

a) Con người hiện thực

b) Con người trừu tượng

c) Con người hành động

d) Con người tư duy

c --- 13) Chọn câu trả lời đúng

Theo Ph. Ăngghen, sự khác nhau căn bản giữa con người và con vật là ở chỗ:

a) Con người biết sáng tạo và tư duy

b) Con người có nhận thức và giao tiếp xã hôi

c) Con người biết lao động sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình

d) Con người có văn hóa và tri thức

a --- 14) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Thực chất của quá trình sản xuất vật chất là quá trình:

a) Con người thực hiện sự cải biến giới tự nhiên

b) Con người nhận thức thế giới và bản thân mình

c) Con người thực hiện sáng tạo trong tư duy

d) Con người thực hiện lợi ích của mình

a --- 15) Chọn câu trả lời đúng:

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, để giải thích đúng và triệt để các hiện tượng trong đời sống xã hội, cần phải xuất phát trừ:

a) Nền sản xuất vật chất của xã hội

b) Quan điểm chính trị của giai cấp nắm quyền lực nhà nước

c) Truyền thống văn hóa xã hội

d) Ý trí của mọi thành viên trong cộng đồng xã hội

c --- 16) Chọn câu trả lời đúng:

Theo C. Mác, về đại thể quá trình phát triển tuần tự của xã hội loài người đã lần lượt trải qua các phương thức sản xuất:

a) Nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư sản và cộng sản chủ nghĩa

b) Nô lệ, phong kiến, tư sản và xã hội chủ nghĩa

c) Á châu, cổ đại, phong kiến, tư sản hiện đại

d) Nguyên thủy, á châu, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại

b --- 17) Chọn câu trả lời đúng:

Lực lượng sản xuất bao gồm:

a) Tư liệu sản xuất và các nguồn lực tự nhiên

b) Tư liệu sản xuất và người lao động

c) Người lai động và trình độ lao động của họ

d) Người lao động và công cụ lao động

b --- 18) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Nhân tố quyết định trong lực lượng sản xuât là nhân tố:

a) Tư liệu sản xuất

b) Người lao động

c) Công cụ lao động

d) Tri thức

c --- 19) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất:

a) Là trình độ phát triển của con người

b) Là trình độ phát triển của con người và xã hội

c) Phản ánh trình độ con người chinh phục giới tự nhiên

d) Phản ánh trình độ con người chinh phục và cải tạo xã hội

d --- 20) Chọn câu trả lời đúng nhất theo phương thức định nghĩa khái niệm:

Khái niệm quan hệ sản xuất dùng để chỉ:

a) Mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên

b) Mối quan hệ giữa con người với con người

c) Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình lao động

d) Mối quan hệ kinh tế trong quá trình sản xuất và tái sản xuất của xã hội

c --- 21) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Quan hệ cơ bản nhất trong hệ thống quan hệ sản xuất là quan hệ:

a) Sở hữu

b) Sở hữu về trí tuệ

c) Sở hữu về tư liệu sản xuất

d) Sở hữu về công cụ lao động

b --- 22) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

a) Lực lượng sản xuất phụ thuộc vào quan hệ sản xuất

b) Quan hệ sản xuất phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

c) Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất tồn tại độc lập với nhau

d) Quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất đều phụ thuộc vào quyền lực nhà nước

c --- 23) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ:

a) Luôn luôn thống nhất với nhau

b) Luôn luôn đối lập loại trừ nhau

c) Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

d) Có lúc hoàn toàn đối lập nhau, có khi hoàn toàn thống nhất với nhau

d --- 24) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Quy luật cơ bản nhất, chi phối quyết định toàn bộ quá trình vận động và phát triển của lịch sử xã hội loài người là quy luật:

a) Đấu tranh giai cấp

b) Phát triển khoa học và công nghệ

c) Phát triển kinh tế thị trường

d) Quan hệ sản xuất phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

c --- 25) Chọn câu trả lời đúng:

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nguồn gốc, động lực cơ bản nhất của mọi quá trình phát triển xã hội là:

a) Sự phát triển của khoa học

b) Sự phát triển của khoa học công nghệ

c) Sự vận động của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

d) Đấu tranh giai cấp

c --- 26) Chọn câu trả lời đúng:

Theo quan điểm duy vật lịch sử:

a) Quan hệ sản xuất có thể vượt trước trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

b) Quan hệ sản xuất có thể lạc hậu hơn trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

c) Quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

d) Tùy từng điều kiện cụ thể, quan hệ sản xuất có thể vượt trước lực lượng sản xuất

a --- 27) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất:

a) Lực lượng sản xuất là yếu tố thường xuyên biến đổi, phát triển

b) Quan hệ sản xuất là yếu tố thường xuyên biến đổi, phát triển

c) Cả hai đều là những yếu tố thường xuyên biến đổi, phát triển

d) Không có yếu tố nào thường xuyên biến đổi, phát triển

d --- 28) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Khái niệm cơ sở hạ tầng là dùng để chỉ:

a) Quan hệ kinh kế của xã hội

b) Kết cấu vật chất - kỹ thuật làm cơ sở để phát triển kinh tế

c) Quan hệ sản xuất của xã hội

d) Quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội

c --- 29) (8727)Chọn câu trả lời đúng:

Theo quan điểm duy vật lịch sử, quan hệ cơ bản nhất, quyết định mọi mối quan hệ xã hội là:

a) Quan hệ quyền lực nhà nước

b) Quan hệ văn hóa

c) Quan hệ kinh tế

d) Quan hệ tôn giáo

d --- 30) Chọn câu trả lời đúng:

Theo quan điểm duy vật lịch sử, khái niệm kiến trúc thượng tầng là để chỉ:

a) Toàn bộ thiết chế chính trị của xã hội

b) Toàn bộ thiết ché chính trị và pháp luật của xã hội

c) Toàn bộ thiết chế chính trị - xã hội

d) Toàn bộ hệ thống kết cấu các hình thái ý thức xã hội cùng với các thiết chế chính trị - xã hội tương ứng.

b --- 31) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Trong kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, yếu tố cơ bản nhất, có tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất tới cơ sở hạ tầng là yếu tố:

a) Tổ chức chính đảng

b) Tổ chức nhà nước

c) Tổ chức tôn giáo

d) Các tổ chức văn hóa - xã hội

d --- 32) Chọn câu trả lời đúng:

Thông thường, trong kiến trúc thượng tầng các nhà nước tư bản hiện nay:

a) Đều thực hiện chế độ nhất nguyên chính trị

b) Không thực hiện chế độ đa nguyên chính trị

c) Tùy từng nước mà có thể thực hiện chế độ đa nguyên chính trị hay không

d) Thực hiện chế độ đa đảng nhưng nhất nguyên chính trị

c --- 33) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Nhà nước là:

a) Tổ chức phi chính phủ

b) Tổ chúc quyền lực phi giai cấp

c) Tổ chức quyền lực mang bản chất của giai cấp sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội

d) Tổ chức quyền lực mang bản chất của mọi giai cấp trong xã hội

c --- 34) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là mối quan hệ:

a) Luôn luôn thống nhất với nhau

b) Luôn luôn đối lập nhau

c) Thống nhất và đấu tranh giữa hai mặt đối lập

d) Thống nhất là căn bản, còn đấu tranh giữa chúng chỉ là tạm thời

c --- 35) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Trong mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội:

a) Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

b) Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

c) Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng

d) Chúng có quan hệ biện chứng với nhau, trong đó kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

d --- 36) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Khi xuất hiện mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì:

a) Quan hệ sản xuất sẽ tự động thay đổi cho phù hợp với lực lượng sản xuất

b) Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước

c) Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất

d) Quan hệ sản xuất được thay đổi thông qua những cuộc cải cách và các cuộc cách mạng xã hội

c --- 37) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng là sự tác động:

a) Luôn luôn diễn ra theo chiều hướng tích cực

b) Luôn luôn diễn ra theo chiều hướng tiêu cực

c) Có thể diễn ra theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực

d) Tiêu cực là cơ bản còn đôi khi là chiều hướng tích cực

c --- 38) Chọn câu trả lời đúng:

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, yếu tố cơ bản nhất tạo thành điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội là các yếu tố thuộc về:

a) Điều kiện tự nhiên

b) Điều kiện dân cư

c) Phương thức sản xuất ra của cải vật chất

d) Không có yếu tố nào là cơ bản nhất mà tùy thuộc các điều kiện lịch sử cụ thể khác nhau

b --- 39) Chọn phương án đúng theo quan điểm duy tâm về lịch sử:

Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội:

a) Suy đến cùng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

b) Suy đến cùng, ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội

c) Tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc vào nhau, không cái nào quyết định cái nào

d) Tùy từng điều mà xem xét cái nào quyết định cái nào

d --- 40) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

a) Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

b) Chúng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau, không cái nào quyết định cái nào

c) Ý thức xã hội quyết đinh tồn tại xã hội

d) Chúng tồn tại trong mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

c --- 41) Chọn câu trả lời đúng:

Quan niệm cho rằng: "ý thức xã hội luôn luôn là yếu tố phụ thuộc vào tồn tại xã hội, nó không có tính độc lập tượng đối" là quan điểm của:

a) Chủ nghĩa duy vật

b) Chủ nghĩa duy tâm

c) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d) Chủ nghĩa duy vật lịch sử

d --- 42) Chọn câu trả lời đúng:

Quan điểm cho rằng: "tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương đối của nó" là quan điểm của:

a) Chủ nghĩa duy vật

b) Chủ nghĩa duy tâm

c) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d) Chủ nghĩa duy vật lịch sử

d --- 43) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan niệm duy vật lịch sử:

Mỗi hình thái hinh tế- xã hội đều được cấu thành từ các nhân tố:

a) Lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng

b) Quan hệ kinh tế, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng

c) Quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng

d) Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và kiến trúc thượng tầng

c --- 44) Chọn câu trả lời đúng:

Quan niệm cho rằng: "suy nghĩ của những người sống trong túp lều tranh luôn luôn khác với suy nghĩ của những kẻ sống trong cung điện" là quan điểm của:

a) Chủ nghĩa duy vật

b) Chủ nghĩa duy tâm

c) Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d) Chủ nghĩa duy vật lịch sử

d --- 45) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử:

Mỗi hình thái kinh tế xã hội đều được cấu thành từ các nhân tố:

a) Lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng

b) Quan hệ kinh tế, lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng

c) Quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng

d) Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và kiến trúc thượng tầng

d --- 46) Chọn câu trả lời đúng:

C.Mác đã xuất phát từ quan hệ nào, coi đó là quan hệ cơ bản nhất để phân tích kết cấu của xã hội:

a) Quan hệ chính trị

b) Quan hệ pháp luật

c) Quan hệ giữa con người với giới tự nhiên

d) Quan hệ sản xuất

c --- 47) Điền thêm vào câu sau đây và xác định đó là luận điểm của ai?

"sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình..."

a) Lịch sử tất yếu theo quy luật tự nhiên/ V.I.Lênin

b) Lịch sử đi lên/ Ph. Ăngghen

c) Lịch sử - tự nhiên/ C. Mác

d) Lịch sử của các dân tộc/ Hồ Chí Minh

d --- 48) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Quá trình "lịch sử tự nhiên" của sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội là quá trình phát triển theo:

a) Quy luật của tự nhiên

b) Ý muốn chủ quan của con người

c) Ý niệm tuyệt đối

d) Quy luật khách quan của xã hội

d --- 49) Chọn câu trả lời đúng và đầy đủ nhất theo quan điểm duy vật lịch sử:

Theo V.I.Lênin, để có quan niệm đúng, vững chắc về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên thì cần phải:

a) Quy những mối quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất

b) Quy những quan hệ sản xuất vào các quan hệ chính trị, pháp luật

c) Quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất và quy những quan hệ sản xuất vào trình độ phát triển của kỹ thuật, công nghệ hiện thời

d) Quy những quan hệ xã hội vào những quan hệ sản xuất và quy những quan hệ sản xuất vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

d --- 50) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử:

Khẳng định tính lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội, tức là khẳng định sự phát triển của xã hội:

a) Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của giới tự nhiên

b) Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của xã hội

c) Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của tự nhiên và xã hội

d) Tuân theo quy luật khách quan nhưng đồng thời chịu sự tác động của các nhân tố khác, trong đó có nhân tố thuộc về hoạt động của con người

c --- 51) Chọn câu trả lời đúng theo quan niệm duy vật lịch sử:

Nhân tố quyết định xu hướng phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là:

a) Ý thức của gia cấp nắm quyền lực nhà nước

b) Ý trí của nhân dân

c) Quy luật khách quan

d) Điều kiện khách quan và chủ quan của mỗi xã hội

c --- 52) Chọn câu trả lời đúng nhất và đầy đủ từ góc độ thế giới quan, phương pháp luận nhận thức về xã hội:

Lý luận hình thái kinh tế xã hội do C.Mác sáng lập ra đã khắc phục được những hạn chế cơ bản nào trong các quan niệm về xã hội đã có trước đây?

a) Quan niệm duy tâm và tôn giáo

b) Quan niệm duy vật tầm thường và tôn giáo

c) Quan niệm siêu hình và duy tâm, tôn giáo

d) Quan niệm duy tâm khách quan và tôn giáo, huyền thoại

c --- 53) Chọn câu trả lời đúng theo tinh thần khoa học:

Lý luận hình thái kinh tế - xã hội là cơ sở khoa học để:

a) Giải thích đầy đủ mọi hiện tượng xã hội

b) Giải thích chính xác và đầy đủ mọi hiện tượng xã hội

c) Xác lập phương pháp luận khoa học chung nhất để giải thích các hiện tượng xã hội

d) Xác lập phương pháp luận chung nhất ở tầm "duy nhất khoa học" cho mọi quá trình nghiên cứu

d --- 54) Chọn câu trả lời đúng theo định nghĩa của V.I.Lênin về giai cấp:

Sự khác biệt cơ bản nhất giữa các giai cấp là địa vị của họ trong:

a) Quyền lực chính trị

b) Quyền lực nhà nước

c) Quyền lực quản lý kinh tế

d) Quyền lực sở hữu tư liệu sản xuất

a --- 55) Chọn câu trả lời đúng nhất theo định nghĩa của V.I.Lênin về giai cấp:

Giai cấp là những tập đoàn người to lớn có sự phân biệt về:

a) Địa vị của họ trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử

b) Địa vị của họ trong quá trình quản lý và phân phối của cải xã hội

c) Địa vị của họ trong quản lý chính trị, văn hóa và xã hội

d) Địa vị của họ trong việc nắm quyền lực nhà nước

d --- 56) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Đấu tranh giai cấp giữ vai trò là:

a) Động lực cơ bản nhất của sự phát triển xã hội

b) Một trong những phương thức và động lực của sự phát triển xã hội ngày nay

c) Một trong những nguồn gốc và động lực quan trọng của mọi xã hội

d) Một trong những phương thức, động lực của sự tiến bộ, phát triển xã hội trong điều kiện xã hội có sự phân hóa thành đối kháng giai cấp

d --- 57) Chọn câu trả lời đúng nhất theo khái niệm cách mạng xã hội của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Khái niệm "cách mạng xã hội" dùng để chỉ:

a) Sự tiến bộ, tiến hóa mọi lĩnh vực trong một xã hội nhất định

b) Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác

c) Sự thay thế thể chế kinh tế này bằng một thể chế kinh tế khác

d) Sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn

d --- 58) Chọn câu trả lời đúng, đầy đủ nhất theo quan niệm duy vật lịch sử:

Cách mạng xã hội giữa vai trò là:

a) Động lực phát triển của mọi xã hội

b) Nguồn gốc và động lực tiến bộ của xã hội

c) Phương thức, động lực cơ bản nhất của sự phát triển xã hội trong điều kiện xã họi có sự phân hóa thành đối kháng giai cấp

d) Một trong những phương thức, động lực phát triển xã hội

d --- 59) Chọn quan niệm đúng về con người theo quan điểm toàn diện của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Con người là:

a) Thực thể vật chất tự nhiên

b) Thực thể chính trị và đạo đức

c) Thực thể chính trị, có tư duy và văn hóa

d) Thực thể tự nhiên và xã hội

d --- 60) Chọn quan niệm đúng về con người theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Bản chất con người là:

a) Thiện

b) Ác

c) Không thiện, không ác ( mang bản chất tự nhiên)

d) Tổng hòa các quan hệ xã hội

c --- 61) Điền thêm từ để có câu trả lời đúng theo quan niệm duy vật lịch sử và xác định đó là nhận định của ai?

"trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là..."

a) Tổng hòa các quan hệ kinh tế /V.I.Lênin

b) Toàn bộ các quan hệ xã hội /Ph.Ăngghen

c) Tổng hòa những quan hệ xã hội /C.Mác

d) Tổng hòa các quan hệ tự nhiên và xã hội /C.Mác

d --- 62) Chọn câu trả lời đúng theo định nghĩa của Ph.Ăngghen:

Con người là động vật:

a) Biết tư duy

b) Biết ứng xử theo các quy phạm đạo đức

c) Chính trị

d) Biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động

d --- 63) Chọn mệnh đề đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

a) Con người là chủ thể tùy ý sáng tạo ra lịch sử

b) Lịch sử sáng tạo ra con người; con người không thể sáng tạo ra lịch sử

c) Con người không thể sáng tạo ra lịch sử mà chỉ có thể thích ứng với những điều kiện có sẵn

d) Con người sáng tạo ra lịch sử trong phạm vi những điều kiện khách quan mà chính lịch sử trước đó đã tạo nên cho nó

c --- 64) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Lực lượng cơ bản nhất trong quần chúng nhân dân là:

a) Giai cấp thống trị xã hội

b) Tầng lớp tri thức

c) Người lao động

d) Công nhân và nông dân

a --- 65) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử là:

a) Quần chúng nhân dân

b) Các cá nhân kiệt xuất, các vĩ nhân

c) Giai cấp thống trị

d) Tầng lớp tri thức trong xã hội

b --- 66) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy tâm xã hội:

Lực lượng sáng tạo ra lịch sử là :

a) Quần chúng nhân dân lao động

b) Các vĩ nhân, những cá nhân kiệt xuất

c) Giai cấp thống trị xã hội

d) Các lực lượng siêu tự nhiên

d --- 67) Chọn câu trả lời đúng theo văn kiện của Đảng:

Bài học lớn thứ nhất trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam là bài học nào?

a) Tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan

b) Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

c) Nâng cao sức chiến đầu của Đảng

d) Lấy dân làm gốc

b --- 68) Chọn câu trả lời đúng theo nghiên cứu tư liệu lịch sử:

Luận điểm "dĩ dân vi bản" (lấy dân làm gốc) là của ai:

a) Tuân Tử

b) Mạnh Tử

c) Hồ Chí Minh

d) Đảng Cộng sản Việt Nam

d --- 69) Chọn câu trả lời đúng theo nghiên cứu lịch sử:

Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân là của ai?

a) C. Mác

b) Ph.Ăngghen

c) V.I.Lênin

d) Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam

c --- 70) Chọn câu trả lời đúng theo vận dụng phương pháp luận duy vật lịch sử :

Tâm lý, tính cách tiểu nông của người Việt nam truyền thống căn bản là do:

a) Bản tính cố hữu của người Việt Nam

b) Bị phong kiến, đế quốc nhiều thế kỷ áp bức thống trị

c) Phương thức sản xuất tiểu nông, lạc hậu tồn tại lâu dài trong lịch sử

d) Điều kiện tổ chức dân cư khép kín của các làng xã

d --- 71) Chọn câu trả lời đúng nhất theo vận dụng phương pháp duy vật lịch sử:

Tại sao trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tất yếu phải xây dựng một nền kinh tế nhiều thành phần dựa trên cơ sở nhiều loại hình sở hữu khác nhau?

a) Vì các thành phần đều cần cho sự phát triển kinh tế

b) Vì không thể lập tức xóa bỏ ngay được các thành phần kinh tế ngoài công hữu

c) Vì kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần là tất yếu

d) Vì thực tế phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta đang còn đang ở nhiều trình độ khác nhau

d --- 72) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Nhân tố đảm bảo cho sự thắng lợi cuối cùng của một chế độ xã hội là:

a) Có nền khoa học tiên tiến

b) Có nhân tố chính trị tiến bộ

c) Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

d) Có thể tạo ra năng suất lao động cao hơn

d --- 73) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Một giai cấp chỉ thực sự thực hiện được quyền thống trị của nó đối với toàn thể xã hội khi nó:

a) Nắm được quyền lực nhà nước

b) Là giai cấp tiến bộ và có hệ tư tưởng khoa học

c) Nắm được tư liệu sản xuất chủ yếu

d) Nắm được tự liệu sản xuất chủ yếu và quyền lực nhà nước

c --- 74) Theo quan điểm duy vật lịch sử, ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

"Điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội biến đổi đến đâu thì ngay lập tức tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã

hội cũng lập tức biến đổi đến đó"

a) Đúng. Vì: tồn tại xã hội nào thì ý thức xã hội đó

b) Đúng. Vì: ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh đối tồn tại xã hội

c) Sai. Vì: ý thức xã hội phụ thuộc vào tồn tại xã hội nhưng nó có tính độc lập tương đối của nó

d) Sai. Vì: thực tế lịch sử cho thầy không phải như vậy

c --- 75) Theo quan điểm duy vật lịch sử, ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

"Vì quan hệ sản xuất phải phụ thuộc tất yếu vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; do vậy, với bất cứ một sự biến đổi nào trong lực lượng sản xuất cũng ngay lập tức dẫn tới sự biến đổi trong quan hệ sản xuất"

a) Đúng. Vì: quan hệ sản xuất phụ thuộc vào lực lượng sản xuất

b) Đúng. Vi: quan hệ sản xuất chỉ là hình thức kinh tế của quá trình sản xuất, nó luôn phải biến đổi

cho phù hợp với nột dung vật chất của quá trình đó - tức lực lượng sản xuất

c) Sai. Vì: quan hệ sản xuất phụ thuộc vào lực lượng sản xuất nhưng nó có tính độc lập tương đối

d) Sai. Vì: trong thực tế không đúng như vậy

d --- 76) Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm duy vật lịch sử:

Nguồn gốc sâu xã của các cuộc cách mạng là do:

a) Quần chúng lao động bị áp bức

b) Quần chúng lao động bị áp bức năng nề

c) Giai cấp cầm quyền bị khủng hoảng về đường lối cai trị

d) Mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

c --- 77) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Nhà nước là yếu tố cơ bản trong kiến trúc thượng tầng của xã hội, nó:

a) Luôn luôn có tác động tích cực đối với cơ sở hạ tầng

b) Luôn luôn có tác động tiêu cực đối với cơ sở hạ tầng

c) Có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực, tùy theo từng điều kiện nhất định

d) Không có tác dụng gì tới cơ sở hạ tầng kinh tế mà chỉ có tác dụng tới các yếu tố khác trong bản thân hệ thống kiến trúc thượng tầng

c --- 78) Theo quan điểm duy vật lịch sử, ý kiến sau đây đúng hay sai? Tại sao?

"Sự ra đời của nhà nước là để giải quyết các mâu thuẫn trong xã hội"

a) Đúng. Vì: xã hội có mâu thuẫn thì cần phải có lực lượng đại diện cho xã hội để giải quyết nó

b) Đúng. Vì: kinh nghiệm thực tế cho thấy đúng như vậy

c) Sai. Vì: nếu mâu thuẫn giai cấp có thể giải quyết được thì không cần đến sự ra đời của nhà nước; sự ra đời của nó chỉ chứng tỏ rằng mâu thuẫn đã phát triển tới mức không thể giải quyết được nên cần đến sự ra đời của nhà nước

d) Sai. Vì: kinh nghiệm thực tế cho thấy đúng như vậy

c --- 79) Trả lời theo quan điểm duy vật lịch sử, ý kiến sau đây đúng hay sai? Vì sao?

"nhà nước là hiện tượng vĩnh viễn của lịch sử"

a) Đúng. Vì: bản chất của con người vốn là tham làm, vị kỷ nên xã hội luôn luôn cần đến quyền lực

đặc biệt là nhà nước để điều tiết các quan hệ lợi ích

b) Đúng. Vì: đã là một cộng đồng xã hội thì tất yếu phải có sự quản lý và điều tiết chung

c) Sai. Vì: nguồn gốc ra đời của nhà nước là do mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được mà giai cấp không phải là hiện tượng vĩnh viễn của lịch sử

d) Sai. Vì: thực tế lịch sử thời nguyên thủy không có tổ chức nhà nước trong kiến trúc thượng tầng

của xã hội, còn tương lại của xã hội loài người thế nào thì không thể dự báo chĩnh xác được

d --- 80) Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử:

Người ta:

a) Có thể tự do tùy ý lựa chọn cho mình những quan hệ sản xuất nhất định

b) Không thể lựa chọn những quan hệ sản xuất cho mình được

c) Có thể tự do lựa chọn nhưng không thể tùy ý lựa chọn cho mình những quan hệ sản xuất nhất

định

d) Có thể tự do lựa chọn những quan hệ sản xuất nhất định trong phạm vi tính tất yếu của trình độ phát triển của lực lượng sản xuất hiện thực

d --- Chọn câu trả lời sai:

81.Trong một hình thái kinh tế xã hội, lực lượng sản xuất có các vai trò sau đây:

a) Là nền tảng vật chất - kỹ thuật của xã hội

b) Là nhân tố, xét đến cùng, quyết định sự hình thành và phát triển của mọi xã hội

c) Thể hiện tính liên tục trong sự phát triển của xã hội loài người

d) Tiêu biểu cho bộ mặt xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển

c --- 82.Chọn câu trả lời sai:

Trong một hình thái kinh tế xã hôi, quan hệ sản xuất có các vai trò sau đây:

a) Là quan hệ sản xuất cơ bản, quyết định tất cả các quan hệ xã hội khác

b) Là cơ sở kinh tế của các hiện tượng xã hội

c) Thể hiện tính liên tục trong sự phát triển của xã hội loài người

d) Tiêu biểu cho bộ mặt xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển nhất định

b --- 1. Điều kiện để tiền biến thành tư bản là:

a) Phải tích lũy được một lượng tiền lớn; tiền không được đưa vào kinh doanh với mục đích thu giá

trị thặng dư

b) Phải tích lũy được một lượng tiền lớn; tiền phải được đưa vào kinh doanh tư bản với mục đích

thu giá trị thặng dư

c) Phải tích lũy được một lượng hàng hóa lớn; hàng hóa phải được đưa vào kinh doanh tư bản với

mục đích thu giá trị thặng dư

d) Phải tích lũy được một lượng máy móc lớn; máy móc phải được đưa vào kinh doanh tư bản với

mục đích thu giá trị thặng dư

b --- 2. Công thức chung của tư bản là:

a) H - T - H

b) T - H - T'

c) T - SX - T'

d) H - T - H

a --- 3. Mâu thuẫn chung trong công thức chung của tư bản là:

a) T' > T

b) T' < T

c) T' = T

d) T' > H'

c --- 4. Công thức chung của tư bản phản ánh:

a) Mục đích của sản xuất, lưu thông là giá trị và giá trị thặng dư

b) Phương tiện của lưu thông tư bản là giá trị và giá trị thặng dư

c) Mục đích của sản xuất, lưu thông tư bản là giá trị và giá trị thặng dư

d) Mục đích của sản xuất, lưu thông tư bản là giá trị sử dụng và giá trị thặng dư

b --- 5. Sức lao động là:

a) Toàn bộ sức thể lực tồn tại trong mỗi con người

b) Toàn bộ sức thể lực và trí lực tồn tại trong mỗi con người

c) Toàn bộ sức trí lực tồn tại trong mỗi con người

d) Toàn bộ sức thể lực và trí lực tồn tại không có khả năng đem ra sử dụng

b --- 6. Hàng hóa sức lao động mang yếu tố:

a) Tinh thần và vật chất

b) Tinh thần và lịch sử

c) Vật chất là lịch sử

d) Tinh thần và tự do

b --- 7. Điều kiện để biến sức lao động thành hàng hó:

a) Người lao động không được tự do; người lao động không có tư liệu sản xuất

b) Người lao động phải được tự do; người lao động không có tư liệu sản xuất

c) Người lao động phải được tự do; người lao động có tư liệu sản xuất

d) Người lao động phải được tự do; người lao động không có tư liệu tiêu dùng

b --- 8. Giá trị sức lao động được đo lường gián tiếp bằng:

a) Giá trị những tư liệu sản xuất để nuôi sống người lao động

b) Giá trị những tư liệu tiêu dùng để nuôi sống người lao động

c) Giá trị sử dụng những tư liệu tiêu dùng để nuôi sống người lao động

d) Giá trị những tư liệu tiêu dùng để nuôi sống nhà tư bản

b --- 9. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động khi sử dụng sẽ tạo ra:

a) Giá trị mới bằng giá trị bản thân nó

b) Giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó

c) Giá trị mới nhỏ hơn giá trị bản thân nó

d) Giá trị sử dụng mới lớn hơn giá trị sử dụng bản thân nó

b --- 10. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động được coi là:

a) Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn giữa tư bản và tư bản

b) Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản

c) Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn giữa tư bản và lao động

d) Chìa khóa để giải quyết mâu thuẫn trong lưu thông hàng hóa

b --- 11. Giá trị thặng dư là:

a) Là phần lao động được trả công của công nhân

b) Là phần lao dộng không công của công nhân

c) Là toàn bộ lao động của công nhân

d) Là lao động sáng tạo của công nhân

c --- 12. Ngày lao động của công nhân gồm hai phần:

a) Thời gian lao động giản đơn và thời gian lao động thặng dư

b) Thời gian lao động phức tạp và thời gian lao động thặng dư

c) Thời gian lao động cần thiết và thời gian lao động thặng dư

d) Thời gian lao động giản đơn và thời gian lao động phức tạp

b --- 13. Tư bản bất biến ( C )

a) Là giá trị tư liệu sản xuất, giá trị của nó tăng lên sau quá trình sản xuất

b) Là giá trị tư liệu sản xuất, giá trị của nó không thay đổi sau quá trình sản xuất

c) Là giá trị tư liệu sản xuất, giá trị của nó giảm đi sau quá trình sản xuất

d) Là giá trị tư liệu sản xuất, giá trị sử dụng của nó được bảo tồn và chuyển vào sản phẩm

b --- 14. Tư bản khả biến ( V ):

a) Là giá trị tư liệu sản xuất, giá trị của nó tăng lên sau quá trình sản xuất

b) Là giá trị sức lao đông, giá trị của nó tăng lên sau quá trình sản xuất

c) Là giá trị sức lao động, giá trị của nó giảm đi sau quá trình sản xuất

d) Là giá trị sức lao đông, giá trị của nó không tăng lên sau quá trình sản xuất

b --- 15. Tư bản khả biến ( V) là:

a) Bộ phận trực tiếp tạo ra giá trị sử dung

b) Bộ phận trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư

c) Bộ phận trực tiếp tạo ra sản phẩm

d) Bộ phận gián tiếp tạo ra giá trị thặng dư

d --- 16. Căn cư phân chia tư bản bất biến và tư bản khả biến là:

a) Căn cứ vào vai trò của các bộ phận này trong quá trình sản xuất ra giá trị

b) Căn cứ vào vai trò của các bộ phận này trong quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng

c) Căn cứ vào vai trò của các bộ phận này trong quá trình tạo ra sản phẩm

d) Căn cứ vào vài trò của các bộ phận này trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

d --- 17. Quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản là:

a) Quy luật giá trị

b) Quy luật cạnh tranh

c) Quy luật cung - cầu

d) Quy luật giá trị thặng dư

c --- 18. Tỷ suất giá trị thặng dư ( m' ) là:

a) Tỷ lệ phần trăm giữa lượng giá trị thặng dư và lượng tư bản bất biến

b) Tỷ lệ phần trăm giữa lượng tư bản bất biến và lượng tư bản khả biến

c) Tỷ lệ phần trăm giữa lượng tư bản khả biến và lượng giá trị thặng dư

d) Tỷ lệ phần trăm giữa lượng sản phẩm và lượng tư bản khả biến

d --- 19. Khối lượng giá trị thặng dư (M) được tính bằng công thức

a) M = m'. K

b) M = m'. C

c) M= m'. V

d) M= m'. V'

b --- 20. Giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thăng dư có được do:

a) Kéo dài thời gian lao động hoặc tăng năng suất lao động

b) Kéo dài ngày lao động hoặc tăng cường độ lao động

c) Kéo dài ngày lao động hoặc tăng thời gian lao động

d) Rút ngắn ngày lao động hoặc tăng cường độ lao động

c --- 21. Giá trị thặng dư tương đối có được do:

a) Tăng sản lượng, làm rút ngắn thời gian lao động cần thiết

b) Tăng cường độ lao động, rút ngắn thời gian lao động cần thiết

c) Tăng năng suất lao động, làm rút ngắn thời gian lao động cần thiết

d) Tăng năng suất lao động, làm rút ngắn thời gian lao động cá biệt

d --- 22. Giá trị thăng dư siêu ngạch là giá trị thặng dư có được do:

a) Giá cả cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội

b) Giá trị cá biệt của hàng hóa bằng giá trị xã hội

c) Giá trị xã hội của hàng hóa thấp hơn giá trị cá biệt

d) Giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội

b --- 23. Giá trị thặng dư siêu ngạch còn được gọi là:

a) Hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư tương đối

b) Hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối

c) Hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tuyệt đối

d) Hình thức biến tượng của giá trị tương đối

b --- 24. Bản chất của tiền công trong chủ nghĩa tư bản là:

a) Giá cả của hàng hóa lao động

b) Giá cả của hàng hóa sức lao động

c) Giá cả của lao động

d) Giá cả của hàng hóa

c --- 25. Hai hình thức của tiền công cơ bản:

a) Tiền công theo thời gian và tiền công theo lao động

b) Tiền công theo giờ và tiền công theo sản phẩm

c) Tiền công theo thời gian và tiền công theo sản phẩm

d) Tiền công theo tháng và tiền công theo sản phẩm

b --- 26. Tiền lương tính theo thời gian là:

a) Tiền lương được trả căn cứ vào năng suất làm việc của người công nhân

b) Tiền lương được trả căn cứ vào thời gian làm việc của người công nhân

c) Tiền lương được trả căn cứ vào cường độ làm việc của người công nhân

d) Tiền lương được trả căn cứ vào hiện quả làm việc của người công nhân

c --- 27. Tiền lương tính theo sản phẩm là:

a) Tiền lương được trả căn cứ vào số lượng sản phẩm người công nhân làm ra

b) Tiền lương được trả căn cứ vào chất lượng sản phẩm mà người công nhân làm ra

c) Tiền lương được trả căn cứ vào số lượng và chất lượng sản phẩm mà người công nhân làm ra

d) Tiền lương được trả căn cứ vào sản phẩm mà người công nhân làm ra

b --- 28. Tiền công danh nghĩa:

a) Biểu hiện ở số lượng hàng tiêu dùng mà người công nhân nhận được sau mỗi thời gian làm việc

b) Biểu hiện ở số lượng tiền tệ mà người công nhân nhận được sau một thời gian làm việc

c) Biểu hiện ở chất lượng tiền tệ mà người công nhân nhận được sau một thời gian làm việc

d) Biểu hiện ở số lượng hàng hóa mà người công nhân nhận được sau một thời gian làm việc

d --- 29. Tiền công thực tế:

a) Biểu hiện ở khối lượng hàng tư liệu sản xuất và dịch vụ mà người công nhân mua được bằng tiền

lương danh nghĩa

b) Biểu hiện ở khối lượng hàng tiêu dùng và dịch vụ mà người công nhân bán được bằng tiền lương

danh nghĩa

c) Biểu hiện ở khối lượng hàng tiêu dùng và dịch vụ mà người công nhân mua được bằng tiền

lương thực tế

d) Biểu hiện ở khối lượng hàng tiêu dùng và dịch vụ mà người công nhân mua được bằng tiền

lương danh nghĩa

c --- 30. Nguồn gốc chủ yếu của tích lũy tư bản là:

a) Lợi nhuận bình quân

b) Giá trị lao động

c) Giá trị thặng dư

d) Giá trị trao đổi

a --- 31. Động cơ chủ yếu của tích lũy tư bản là:

a) Quy luật giá trị thặng dư

b) Quy luật giá trị

c) Quy luật cung - cầu

d) Quy luật giá cả sản xuất

b --- 32. Những nhân tố ảnh hưởng đến quy mô tích lũy tư bản:

a) Trình độ bóc lột sức lao động; sự chênh lệch ngày càng lớn giữa tư bản sử dụng và tư bản tiêu

dùng; quy mô tư bản ứng trước

b) Trình độ bóc lột sức lao động; năng suất lao động; sự chênh lệch ngày càng lớn giữa tư bản sử

dụng và tư bản đã tiêu dùng; quy mô tư bản ứng trước

c) Trình độ bóc lột sức lao động; thời gian lao động; sự chênh lệch ngày càng lớn giữa tư bản sử

dụng và tư bản đã tiêu dùng; quy mô tư bản ứng trước

d) Trình độ bóc lột sức lao động; trình độ năng suất lao động; sự chênh lệch ngày càng lớn giữa tư

bản sử dụng và tư bản tiêu dùng; quy mô lợi nhuận bình quân

c --- 33. Nguồn gốc chủ yếu của tích tụ tư bản là:

a) Giá trị

b) Giá trị trao đổi

c) Giá trị thặng dư

d) Vốn của các tư bản trong xã hội

b --- 34. Tích tụ tư bản là:

a) Quá trình tăng giảm quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa một phần giá trị thặng dư

b) Quá trình tăng quy mô của tư bản cá biệt bằng cách tư bản hóa một phần giá trị thặng dư

c) Quá trình tăng quy mô của tư bản xã hội bằng cách tư bản hóa một phần giá trị thặng dư

d) Quá trình giảm quy mô của tư bản xã hội bằng cách tư bản hóa một phần giá trị thặng dư

c --- 35. Tập trung tư bản là:

a) Quá trình liên kết, hợp nhất các tư bản xã hội trong xã hội thành một tư bản lớn hơn

b) Quá trình liên kết, hợp nhất các tư bản tiền tệ trong xã hội thành một tư bản lớn hơn

c) Quá trình liên kết, hợp nhất các tư bản cá biệt trong xã hội thành một tư bản lớn hơn

d) Quá trình liên kết, hợp nhất các tư bản thương nghiệp trong xã hội thành một tư bản lớn hơn

c --- 36. Nguồn gốc của tập trung tư bản là:

a) Các tư bản công nghiệp trong xã hội

b) Các tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội

c) Tư bản cá biệt của các nước

d) Các tư bản thương nghiệp và công nghiệp trong xã hội

b --- 37. Cấu tạo hữu cơ tư bản là:

a) Cấu tạo sản xuất của tư bản, đồng thời phản ánh sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật

b) Cấu tạo giá trị của tư bản, đồng thời phản ánh sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật

c) Cấu tạo giá trị sử dụng của tư bản, đồng thời phản ánh sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật

d) Cấu tạo giá trị thặng dư của tư bản, đồng thời phản ánh sự biến đổi của cấu tạo kỹ thuật

d --- 38. Cấu tạo kỹ thuật của tư bản:

a) Phản ánh mối quan hệ tỷ lệ giữa khối lượng tư liệu tiêu dùng và số lao động sử dụng tư liệu tiêu

dùng đó

b) Phản ánh mối quan hệ tỷ lệ giữa khối lượng tư liệu sản xuất và chất lượng lao động sử dụng tư

liệu sản xuất đó

c) Phản ánh mối quan hệ tỷ lệ giữa khối lượng tư liệu tiêu dùng và chất lượng lao động sử dụng tư

liệu tiêu dùng đó

d) Phản ánh mối quan hệ giữa tỷ lệ khối lượng và tư liệu sản xuất và số lao động sử dụng tư liệu

sản xuất đó

b --- 39. Cấu tạo giá trị phản ánh:

a) Mối quan hệ tỷ lệ giữa giá trị tư bản cố định và giá trị tư bản khả biến

b) Mối quan hệ tỷ lệ giữa giá trị tư bản bất biến và giá trị tư bản khả biến

c) Mối quan hệ tỷ lệ giữa giá trị tư bản bất biến và giá trị tư bản cố định

d) Mối quan hệ tỷ lệ giữa giá trị tư bản cố định và giá trị tư bản lưu động

c --- 40. Tuần hoàn tư bản công nghiệp là sự thống nhất của ba hình thái tuần hoàn:

a) Tư bản lưu thông, tư bản sản xuất và tư bản hàng hóa

b) Tư bản tiền tệ, tư bản sủa xuất và tư bản cho vay

c) Tư bản tiền tệ, tư bản sản xuất và tư bản hàng hóa

d) Tư bản tiền tệ, tư bản trao đổi và tư bản hàng hóa

b --- 41. Tuần hoàn tư bản công nghiệp là:

a) Sự vận động của tư bản trải quan ba giai đoạn, lần lượt mang lấy ba hình thái để rồi quay trở lại

hình thái ban đầu với giá trị được bảo tồn

b) Sự vận động của tư bản trải quan ba giai đoạn, lần lượt mang lấy ba hình thái để rồi quay trở lại

hình thái ban đầu với giá trị được bảo tồn và tăng lên

c) Sự vận động của tư bản trải quan ba giai đoạn, lần lượt mang lấy ba hình thái để rồi quay trở lại

hình thái ban đầu với giá trị sử dụng được bảo tồn và tăng lên

d) Sự vận động của tư bản trải quan ba giai đoạn, lần lượt mang lấy ba hình thái để rồi quay trở lại

hình thái ban đầu với giá trị được bảo tồn và giảm đi

b --- 42. Ba giai đoạn vận động của tuần hoàn tư bản công nghiệp là:

a) Sản xuất - lưu thông - lưu thông

b) Lưu thông - sản xuất - lưu thông

c) Lưu thông - lưu thông - sản xuất

d) Lưu thông - trao đổi - lưu thông

d --- 43. Chu chuyển tư bản là:

a) Sự tuần hoàn của tư bản nếu xét nó là một quá trình định kỳ đổi mới, không lặp đi lặp lại

b) Sự sản xuất của tư bản nếu xét nó là một quá trình định kỳ đổi mới, lặp đi lặp lại không ngừng

c) Sự lưu thông của tư bản nếu xét nó là một quá trình định kỳ đổi mới, lặp đi lặp lại không ngừng

d) Sự tuần hoàn của tư bản nếu xét nó là một quá trình định kỳ đổi mới, lặp đi lặp lại không ngừng

b --- 44. Thời gian chu chuyển của tư bản bằng:

a) Thời gian sản xuất + thời gian dự trữ sản xuất

b) Thời gian sản xuất + thời gian lưu thông

c) Thời gian dự trữ sản xuất + thời gian lưu thông

d) Thời gian sản xuất + thời gian vận chuyển

d --- 45. Tư bản cố định là bộ phận tư bản khi tham gia quá trình sản xuất:

a) Giá trị của nó được chuyển ngay một lần vào sản phẩm mới

b) Giá trị sử dụng của nó được chuyển dần vào sản phẩm mới

c) Giá trị trao đổi của nó được chuyển dần vào sản phẩm mới

d) Giá trị của nó được chuyển dần vào sản phẩm mới

b --- 46. Hao mòn tư bản cố định có hai loại:

a) Hao mòn tự nhiên và hao mòn vô hình

b) Hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình

c) Hao mòn hữu hình và hao mòn vật chất

d) Hao mòn hữu hình và hao mòn do sử dụng

a --- 47. Tốc độ chu chuyển tư bản được đo bằng:

a) Số vòng chu chuyển của tư bản trong một năm

b) Số vòng chu chuyển của tư bản trong hai năm

c) Số vòng chu chuyển của tư bản trong một quý

d) Số vòng chu chuyển của tư bản trong ba quý

c --- 48. Hao mòn hữu hình là:

a) Hao mòn vật chất do quá trình sử dụng hoặc do tác động của con người

b) Hao mòn phi vật chất do quá trình sự dụng hoặc do sự tác động của tự nhiên

c) Hao mòn vật chất do quá trình sử dụng hoặc do tác động của tự nhiên

d) Hao mòn vô hình do quá trình sử dụng hoặc do tác động của tự nhiên

c --- 49. Hao mòn vô hình là:

a) Hao mòn thuần túy về giá trị sử dung do tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật

b) Hao mòn thuần túy về giá trị và giá trị sử do tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật

c) Hao mòn thuần túy về giá trị do tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật

d) Hao mòn thuần túy về giá trị do tác động của việc tăng cường độ lao động

b --- 50. Căn cứ vào đâu để phân chia tư bản cố định và tư bản lưu động?

a) Căn cứ vào tính chất chuyển giá trị sử dụng của nó vào trong sản phẩm mới

b) Căn cứ vào tính chất chuyển giá trị của nó vào trong sản phẩm mới

c) Căn cứ vào tính chất chuyển giá trị của nó vào trong sản phẩm cũ

d) Căn cứ vào tính chất chuyển giá trị thặng dư của nó vào trong sản phẩm mới

b --- 51. Tính chất chuyển giá trị của tư bản cố định là:

a) Chuyển giá trị ngay một lần vào trong sản phẩm mới

b) Chuyển giá trị dần dần, từng phần một vào trong sản phẩm mới

c) Chuyển giá trị sử dụng dần dần, từng phần một vào trong sản phẩm mới

d) Chuyển giá trị dần dần, từng phần một vào trong sản phẩm cũ

c --- 52. Tính chất chuyển giá trị của tư bản lưu động là:

a) Chuyển giá trị dần từng phần vào trong sản phẩm mới sau quá trình sản xuất

b) Chuyển giá trị sử dụng toàn bộ vào trong sản phẩm mới sau quá trình sản xuất

c) Chuyển giá trị toàn bộ vào trong sản phẩm mới sau quá trình sản xuất

d) Chuyển giá trị toàn bộ vào trong sản phẩm cũ sau quá trình sản xuất

d --- 53. Tư bản lưu động là bộ phận tư bản khi tham gia quá trình sản xuất:

a) Giá trị của nó được chuyển dần vào sản phẩm mới, bao gồm: nguyên nhiên vật liệu và tiền công

lao động

b) Giá trị sử dụng của nó được chuyển ngay một lần vào sản phẩm mới, bao gồm: nguyên nhiên vật

liệu và tiền công lao động

c) Giá trị của nó được chuyển ngay một lần vào sản phẩm cũ, bao gồm: nguyên nhiên vật liệu và

tiền công lao động

d) Giá trị của nó được chuyển ngay một lần vào sản phẩm mới, bao gồm: nguyên nhiên vật liệu và

tiền công lao động

c --- 54. Khi nghiên cứu tái sản xuất tư bản xã hội, C.Mác chia nền kinh tế ra thành hai khu vực:

a) KV I: sản xuất công nghiệp; KV II: sản xuất tiêu liệu tiên dùng

b) KV I: sản xuất tư liệu sản xuất; KV II: sản xuất hàng hóa nông nghiệp

c) KV I: sản xuất tư liệu sản xuất; KV II: sản xuất tư liệu tiêu dùng

d) KV I: sản xuất máy móc; KV II: sản xuất tư liệu tiêu dùng

d --- 55. Điều kiện thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất giản đơn:

a) (v +m)I = cI; (c + v + m)I = cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II= (c + v + m)II

b) (v +m)I = cII; (c + v + m)II = cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II= (c + v + m)II

c) (v +m)I = cII; (c + v + m)I = cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II= (c + v + m)I

d) (v +m)I = cII; (c + v + m)I = cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II= (c + v + m)II

c --- 56. Điều kiện để thực hiện tổng sản phẩm xã hội trong tái sản xuất mở rộng là:

a) (v +m)I > cI; (c + v + m)I > cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II > (c + v + m)II

b) (v +m)I > cII; (c + v + m)I > cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II > (c + v + m)I

c) (v +m)I > cII; (c + v + m)I > cI + cII; ( v + m)I + (v + m)II> (c + v + m)I

d) (v +m)I > cII; (c + v + m)II > cI + cII; ( c + m)I + (v + m)II> (c + v + m)II

b --- 57. Chu kỳ khủng hoàng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản bao gồm:

a) Khủng hoảng - suy giảm - phục hồi - hưng thịnh

b) Khủng hoảng - tiêu điều - phục hồi- hưng thịnh

c) Khủng hoảng - tiêu điều - suy giảm - hưng thịnh

d) Suy giảm - tiêu điều - phục hồi - hưng thịnh

c --- 58. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa ( k):

a) Bao gồm m và v ( k = m + v)

b) Bao gồm c và m (k = c + m)

c) Bao gồm c và v (k= c + v)

d) Bao gồm c,v và m (k= c+ v+ m)

c --- 59. Về lượng, chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa (k):

a) Bằng giá trị hàng hóa

b) Lớn hơn giá trị hàng hóa

c) Nhỏ hơn giá trị hàng hóa

d) Nhỏ hơn giá trị thặng dư

b --- 60. Về bản chất lợi nhuận và giá trị thặng dư đều là:

a) Lao động cụ thể của người công nhân

b) Lao động không công của người công nhân

c) Lao động trừu tượng của người công nhân

d) Lao động phức tạp của người công nhân

b --- 61. Khi hàng hóa được bán đúng với giá trị thì:

a) Lợi nhuận lớn hơn giá trị thặng dư

b) Lợi nhuận bằng giá trị thặng dư

c) Lợi nhuận nhỏ hơn giá trị thặng dư

d) Giá trị thặng dư nhỏ hơn lợi nhuận thương nghiệp

c --- 62. Về lợi nhuận (p) có thể:

a) Bằng, hoặc thấp hơn lượng giá trị thặng dư

b) Cao hơn hoặc thấp hơn lượng giá trị thặng dư

c) Bằng hoặc cao hơn hoặc thấp hơn lượng giá trị thặng dư

d) Bằng hoặc cao hơn lượng giá trị thặng dư

d --- 63. Về lượng tỷ suất lợi nhuận (p') là:

a) Luôn luôn nhỏ hơn giá trị thặng dư

b) Luôn luôn lớn hơn tỷ suất giá trị thặng dư

c) Luôn luôn bằng tỷ suất giá trị thặng dư

d) Luôn luôn nhỏ hơn tỷ suất giá trị thặng dư

b --- 64. Tỷ suất lợi nhuận (p') là:

a) Tỷ lệ phần trăm giữa tổng giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản khả biến

b) Tỷ lệ phần trăm giữa tổng giá trị thặng dự và toàn bộ tư bản ứng trước

c) Tỷ lệ phần trăm giũa tổng giá trị thặng dư và toàn bộ tư bản khả biến

d) Tỷ lệ phần trăm giữa tổng giá trị và toàn bộ tư bản ứng trước

b --- 65. Cạnh tranh trong nội bộ ngành sẽ:

a) Hình thành lợi nhuận bình quân

b) Hình thành giá trị thị trường của hàng hóa

c) Hình thành giá cả thị trường của hàng hóa

d) Hình thành giá cả sản xuất

a --- 66. Cạnh tranh trong nội bộ ngành là:

a) Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong cùng một ngành, sản xuất ra cùng một loại hàng hóa

b) Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong cùng một ngành, sản xuất ra cùng các loại hàng hóa

c) Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong các ngành sản xuất ra cùng một loại hàng hóa

d) Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất hàng hóa, dịch vụ

b --- 67. Mục đích của cạnh tranh trong nội bộ ngành là gì?

a) Tìm kiếm lợi nhuân

b) Tìm kiếm lợi nhuận siêu ngạch

c) Tìm kiếm lợi nhuận bình quân

d) Tìm kiếm giá trị siêu ngạch

b --- 68. Sự cạnh tranh giữa các ngành là:

a) Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất trong cùng ngành

b) Sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất ở các ngành khác nhau

c) Sự cạnh trạnh giữa các nhà sản xuất ở các nước khác nhau

d) Sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản ở các nước khác nhau

b --- 69. Mục đích của cạnh tranh giữa các ngành là:

a) Nhằm tìm kiếm ngành đầu tư có giá trị cao

b) Nhằm tìm kiếm ngành đầu tư có lợi nhuận cao

c) Nhằm tìm kiếm ngành đầu tư có giá trị sử dụng cao

d) Nhằm tìm kiếm ngành đầu tư có giá cả cao

c --- 70. Kết quả của cạnh tranh giữa các ngành:

a) Hình thành giá cả sản xuất

b) Hình thành giá trị thị trường

c) Hình thành lợi nhuận bình quân

d) Hình thành chi phí sản xuất

c --- 71. Lợi nhuận bình quân là:

a) Lợi nhuận không bằng nhau của những lượng vốn tư bản đầu tư bằng nhau khi đầu tư vào các

ngành khác nhau

b) Lợi nhuận bằng nhau của những lượng vốn tư bản đầu tư không bằng nhau khi đầu tư vào các

ngành khác nhau

c) Lợi nhuận bằng nhau của những lượng vốn tư bản đầu tư bằng nhau khi đầu tư vào các ngành

khác nhau

d) Lợi nhuận khác nhau của những lượng vốn tư bản đầu tư khác nhau khi đầu tư vào các ngành

khác nhau

b --- 72. Tỷ suất lợi nhuận bình quân là:

a) Tỷ suất lợi nhuận trung bình trong cùng một ngành

b) Tỷ suất lợi nhuận trung bình giữa các ngành

c) Tỷ suất lợi nhuận cao giữa các ngành

d) Tỷ suất lợi nhuận độc quyền giữa các ngành

c --- 73. Khi hình thành lợi nhuận bình quân giá trị hàng hóa sẽ chuyển thành:

a) Giá trị thị trường

b) Chi phí sản xuất

c) Giá cả sản xuất

d) Giá cả thị trường

d --- 74. Giá cả sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng:

a) Chi phí sản xuất cộng tỷ suất lợi nhuận bình quân

b) Chi phí sản xuất cộng giá trị thặng dư

c) Chi phí sản xuất cộng lợi nhuận

d) Chi phí sản xuất cộng lợi nhuận bình quân

b --- 75. Quy luật giá cả sản xuất là:

a) Biểu hiện của quy luật giá trị sử dụng trong giai đoạn tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản

b) Biểu hiện của quy luật giá trị trong giai đoạn tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản

c) Biểu hiện của quy luật giá trị trong giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản

d) Biểu hiện của quy luật giá cạnh tranh trong giai đoạn độc quyền của chủ nghĩa tư bản

b --- 76. Tư bản thương nghiệp trong chủ nghĩa tư bản là:

a) Một bộ phận của tư bản nông nghiệp tách ra phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa

b) Một bộ phận của tư bản công nghiệp tách ra phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa

c) Một bộ phận của tư bản cho vay tách ra phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa

d) Một bộ phận của tư bản độc quyền tách ra phục vụ quá trình lưu thông hàng hóa

b --- 77. Nguồn gốc lợi nhuận của tư bản thương nghiệp là:

a) Một phần lợi nhuận tạo ra trong sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp phải chuyển nhượng cho

tư bản thương nghiệp

b) Một phần giá trị thặng dư mà tư bản công nghiệp phải chuyển nhượng cho tư bản thương

nghiệp

c) Một phần tỷ suất lợi nhuận tạo ra trong sản xuất mà nhà tư bản công nghiệp phải chuyển

nhượng cho tư bản thương nghiệp

d) Một phần giá trị tạo ra trong sản xuất mà nhà tư bản nông nghiệp phải chuyển nhượng cho tư

bản thương nghiệp

b --- 78. Tư bản cho vay là:

a) Tư bản hàng hóa mà người chủ của nó nhường cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất

định để thu về lợi tức

b) Tư bản tiền tệ mà người chủ của nó nhường cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất

định để thu về lợi tức

c) Tư bản tiền tệ mà người chủ của nó nhường cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất

định để thu về lợi nhuận

d) Tư bản sản xuất mà người chủ của nó nhường cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất

định để thu lợi tức

c --- 79. Nguồn gốc của lợi tức (z) là:

a) Một sản phẩm thặng dư do công nhân tạo ra trong sản xuất

b) Một phần lợi nhận do công nhân tạo ra trong sản xuất

c) Một phần giá trị thặng dư do công nhân tạo ra trong sản xuất

d) Một phần ngoài chi phí do công nhân tạo ra trong sản xuất

c --- 80. Một trong những đặc điểm cơ bản của tư bản cho vay là:

a) Quyền sở hữu gắn liền quyền sử dụng

b) Quyền sở hữu tách rời quyền quản lý

c) Quyền sở hữu tách rời quyền sử dung

d) Quyền quản lý tách rời quyền sử dụng

b --- 81. Công thức vận động của tư bản cho vay là:

a) H - T'

b) T - T'

c) T - T

d) H - H'

c --- 82. Giới hạn của tỷ suất lợi tức (z') là:

a) o > z' > p'

b) o < z' > p'

c) o < z' < p'

d) o>z' < p'

b --- 83. tỷ suất lợi tức (z') là:

a) tỷ lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tổng số tư bản cho vay

b) tỷ lệ phần trăm giữa lợi tức và tổng số tư bản cho vay

c) tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận và tổng số tư bản cho vay

d) tỷ lệ phần trăm giữa tỷ suất lợi nhuận và tổng số tư bản cho vay

b --- 84. công ty cổ phần là:

a) một doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của một người thông qua phát hành cổ phiếu

b) một doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của nhiềungười thông qua phát hành cổ

phiếu

c) một doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của một số người thông qua phát hành trái

phiếu

d) một doanh nghiệp được hình thành do sự góp vốn của nhiều người thông qua phát hành trái

phiếu

c --- 85. Giá trị cổ phiếu khi phát hành lần đầu gọi là:

a) Thị giá

b) Giá thị trường

c) Mệnh giá

d) Mệnh giá trái phiếu

a --- 86. Giá trị cổ phiếu khi được mua đi bán lại gọi là:

a) Thị giá

b) Giá thị trường

c) Mệnh giá

d) Mệnh giá trái phiếu

a --- 87. Tư bản giả là tư bản tồn tại dưới hình thức:

a) Chứng khoán có giá

b) Công trái có giá

c) Trái phiếu có giá

d) Mệnh giá trái phiếu

c --- 88. Thị trường chứng khoán là:

a) Thị trường mua bán các loại hàng hóa

b) Thị trường mua bán các loại chứng khoán chưa niêm yết trên sàn

c) Thị trường mua bán các loại chứng khoán

d) Thị trường mua bán các loại công trái

c --- 89. Địa tô tư bản là:

a) Phần lợi nhuận ngoài lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho

chủ đất

b) Phần tỷ suất giá trị thặng dư ngoài lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp

phải nộp cho chủ đất

c) Phần giá trị thặng dư ngoài lợi nhuận bình quân mà nhà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải

nộp cho chủ đất

d) Phần giá trị thặng dư ngoài lợi nhuận mà tư bản kinh doanh nông nghiệp phải nộp cho chủ đất

c --- 90. Các hình thức cơ bản của địa tô tư bản chủ nghĩa

a) Địa tô chênh lệch I; địa tô chênh lệch II

b) Địa tô tuyệt đối; địa tô độc quyền

c) Địa tô chênh lệch; địa tô tuyệt đối

d) Địa tô chênh lệch; địa tô độc quyền

b --- 91. Đia tô tư bản chủ nghĩa là:

a) Phần lợi nhuận ngoài lợi nhuận bình quân của nhà tư bản

b) Phần giá trị thặng dư ngoài lợi nhuận bình quân của nhà tư bản

c) Phần giá trị ngoài lợi nhuận bình quân của nhà tư bản

d) Phần giá trị cá biệt ngoài lợi nhuận bình quân của nhà tư bản

a --- 92. Địa tô chênh lệch I:

a) Là địa tô thu được trên những loại ruộng đất có điều kiện tư nhiên thuận lợi

b) Là địa tô thu được trên những loại ruộng đất có điều kiện tư nhiên không thuận lợi

c) Là địa tô thu được trên những loại ruộng đất có vị trí thuận lợi

d) Là địa tô thu được trên những loại ruộng đất do thâm canh làm tăng năng suất

b --- 93. Đia tô chênh lệch II:

a) Là địa tô có được do chuyên canh, tăng năng suất

b) Là địa tô có được do thâm canh, tăng năng suất

c) Là địa tô có được do chuyên canh, giảm năng suất

d) Là địa tô có được do độc canh, tăng năng suất

a --- 94. Địa tô tuyệt đối là địa tô mà:

a) Nhà tư bản đi thuê đất phải trả cho chủ đất, dù thuê mướn bất kỳ loại ruộng nào

b) Nhà tư bản đi thuê đất phải trả cho chủ đất, khi thuê mướn ruộng đất tốt

c) Nhà tư bản đi thuê đất không phải trả cho chủ đất, dù thuê mướn bất kỳ loại ruộng nào

d) Nhà tư bản đi thuê đất phải trả cho chủ đất, dù thuê mướn ruộng đất xấu

d --- 95. Điểm giống nhau giữa địa tô chênh lệch và địa tô tuyệt đối là:

a) Có nguồn gốc từ giá trị thặng dư

b) Tư bản bất biến

c) Có nguồn gốc từ giá trị trao đổi

d) Có nguồn gốc từ giá trị

c --- 1. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được thiết lập và phát triển qua các giai đoạn nào sau

đây:

a) Chủ nghĩa tư bản độc quyền

b) Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh

c) Chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh và chủ nghĩa tư bản độc quyền

d) Chủ nghĩa tư bản hiện đại

d --- 2. Trong các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, ai là người nghiên cứu chủ nghĩa tư bản độc

quyền:

a) Ph. Ăngghen

b) C. Mác

c) Ph. Ăngghen và C. Mác

d) V.I.Lêinin

c --- QUESTIONS BANK

3. Chủ nghĩa tư bản độc quyền xuất hiện vào thời kỳ lịch sử nào:

a) Thế kỷ XVI - XVII

b) Thế kỷ XVIII - XIX

c) Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

d) Giữa thế kỷ XX

b --- 4. Chủ nghĩa tư bản độc quyền là:

a) Một phương thức sản xuất

b) Giai đoạn phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

c) Một hình thái kinh tế xã hội

d) Thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội

d --- 5. Những nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền:

a) Do đấu tranh của giai cấp

b) Do sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội hóa

c) Sự can thiệp điều chỉnh của nhà nước tư sản

d) Sự tập trung sản xuất dưới tác độc của cách mạng khoa học công nghệ, cạnh tranh, khủng hoảng

kinh tế và tín dụng

d --- 6. Trong các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, ai là người khái quát về nguyên nhân ra đời

của chủ nghĩa tư bản độc quyền bằng câu: "tự do cạnh tranh đẻ ra tập trung sản xuất và sự tập

trung sản xuất này, khi phát triển tới một mức độ nhất định lại dẫn tới độc quyền".

a) Ph. Ăngghen

b) C. Mác

c) Ph. Ăngghen và C. Mác

d) V.I.Lêinin

d --- 7. V.I. Lênin đã phân tích chủ nghĩa tư bản độc quyền bằng các đặc điểm kinh tế cơ bản nào sau

đây:

a) Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền; tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính

b) Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền; tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính; xuất khẩu

tư bản

c) Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền, tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính; xuất khẩu

tư bản; phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền

d) Tập trung sản xuất và các tổ chức độc quyền, tư bản tài chính và bọn đầu sỏ tài chính; xuất khẩu

tư bản; phân chia thế giới về kinh tế giữa các tổ chức độc quyền; sự phân chia thế giới về lãnh

thổ giữa các cường quốc đế quốc

QUESTIONS BANK

b --- 8. Sự hình thành các tổ chức độc quyền dựa trên cơ sở:

a) Sản xuất nhỏ lẻ, phân tán

b) Tích tụ tập trung sản xuất và sự xuất hiện các xí nghiệp quy mô lớn

c) Phát triển khoa học - kỹ thuật

d) Sự hoàn thiện quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa

c --- 9. Các hình thức độc quyền phát triển từ thấp đến cao, từ lưu thông đến sản xuất và tái sản xuất.

Hãy xác định trình tự phát triển của các hình thức độc quyền

a) Cácten - Tơ rớt - Công xoóc xiom - Xanh đi ca

b) Tơ rớt - Cácten - Xanh đi ca - Công xoóc xiom

c) Cácten - Xanh đi ca - Tơ rớt - Công xoóc xiom- Công gơ lô mê rát

d) Xanh đi ca - Cácten - Tơ rớt - Công xoóc xiom -- Công gơ lô mê rát

c --- 10. Sự ra đời và phát triển của độc quyền ngân hàng thông qua quá trình nào sau đây:

a) Cạnh tranh - ngân hàng nhỏ phá sản

b) Ngân hàng nhỏ xát nhập với nhau

c) Còn lại các ngân hàng lớn có xu hướng liên minh

c --- 11. Sự ra đời và phát triển của tư bản tài chính là kết quả phát triển của:

a) Độc quyền ngân hàng

b) Độc quyền công nghiệp

c) Quá trình độc quyền hóa trong công nghiệp và trong ngân hàng xoăn xuýt với nhau

d) Sự phát triển của thị trường tài chính

a --- 12. Vai trò mới của ngân hàng trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản đọc quyền là:

a) Khống chế hoạt động của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa

b) Trung gia thanh toán

c) Trung gian tính dụng

d) Đầu tư tư bản

d --- 13. Chế độ tham dự của tư bản tài chính được thiết lập thông qua:

a) Quyết định hành chính của nhà nước

b) Yêu cầu hành chính của ngân hàng

c) Yêu cầu hành chính của các tổ chức độc quyền công nghiệp

d) Số cố phiếu khống chế để nắm công ty mẹ, công ty con...

QUESTIONS BANK

c --- 14. Xuất khẩu hàng hóa là một trong những đặc điểm của:

a) Sản xuất hàng hóa giản đơn

b) Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

c) Giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh

d) Giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền

d --- 15. Xuất khẩu tư bản là đặc điểm của:

a) Phương thức sản xuất phong kiến

b) Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

c) Chủ nghĩa tư bản giai đoạn tự do cạnh tranh

d) Chủ nghĩa tư bản giai đoạn độc quyền

d --- 16. Xuất khẩu hàng hóa là:

a) Xuất khẩu máy móc ra nước ngoài

b) Xuất khẩu nguyên nhiên, vật liệu ra nước ngoài

c) Xuất khẩu giá trị ra nước ngoài

d) Xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài để thực hiện giá trị

b --- 17. Xuất khẩu tư bản là:

a) Mang hàng hóa ra nước ngoài để thực hiện giá trị

b) Đầu tư tư bản ra nước ngoài nhằm bóc lột giá trị tiêu dùng của nước nhập khẩu

c) Đầu tư tư bản sang các nước kém phát triển và đang phát triển

d) Đâu tư tư bản sang các nước phát triển

c --- 18. Mục đích của xuất khẩu tư bản:

a) Tạo điền kiệu để phát triển cho các nước khác

b) Tạo mối quan hệ tốt đẹp với các nước khác

c) Chiếm đoạt giá trị thặng dư và các nguồn lợi khác ở các nước nhập khẩu tư bản

d) Chiếm đoạt giá trị và các nguồn lợi khác ở các nước nhập khẩu tư bản

c --- 19. Xuất khẩu hàng hóa phát triển vào giai đoạn nào:

a) Cuối thể kỷ XVII

b) Thế kỷ XVIII

c) Cuối thế kỷ XVIII - Thế kỷ XIX

d) Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

QUESTIONS BANK

d --- 20. Mục đích của xuất khẩu tư bản nhà nước:

a) Kinh tế

b) Kinh tế - chính trị

c) Quân sự

d) Kinh tế - chính trị - quân sự

c --- 21. Về kinh tế, xuất khẩu tư bản nhà nước thường hướng vào:

a) Ngành có tốc độ chu chuyển vốn nhanh

b) Ngành thu được lợi nhuận cao

c) Ngành thuộc kết cấu hạ tầng

d) Ngành công nghệ mới

b --- 22. Về kinh tế, mục đích của xuất khẩu tư bản nhà nước là:

a) Thu lợi nhuận

b) Tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư, kinh doanh của tư bản tư nhân

c) Khống chế kinh tế của các nước nhập khẩu tư bản

d) Tạo điều kiện phát triển kinh tế cho các nước nhập khẩu tư bản

a --- 23. Đặc điểm của xuất khẩu tư bản tư nhân thường hướng vào ngành:

a) Ngành có tốc độ chu chuyển vốn nhanh

b) Ngành thu được lợi nhuận cao

c) Ngành thuộc kết cấu hạ tầng

d) Ngành công nghệ mới

d --- 24. Các tổ chức độc quyền của các quốc gia cạnh tranh với nhau trên thị trường quốc tế sẽ dẫn đến:

a) Sự thôn tính nhau

b) Sẽ có các tổ chức độc quyền bị phá sản, còn những tổ chức độc quyền mạnh

c) Đấu tranh không khoan nhượng

d) Thỏa hiệp với nhau để hình thành các tổ chức độc quyền quốc tế

d --- 25. Các cuộc xâm chiếm thuộc địa của các nước đế quốc diễn ra mạnh mẽ vào thời gian nào:

a) Cuối thể kỷ XVII

b) Thế kỷ XVIII

c) Cuối thế kỷ XVIII - Thế kỷ XIX

d) Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

QUESTIONS BANK

b --- 26. Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, các nước đế quốc có thuộc địa nhiều nhất sắp xếp theo thứ

tự sau:

a) Anh - Phap - Nga - Mỹ

b) Anh - Nga - Pháp - Mỹ

c) Nga - Anh Pháp - Mỹ

d) Nga - Mỹ - Php - Anh

b --- 27. Mối quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền được thể hiện:

a) Độc quyền được sinh ra từ cạnh tranh, nó đối lập với cạnh tranh và thủ tiêu cạnh tranh

b) Độc quyền sinh ra từ cạnh tranh, nó đội lập với cạnh tranh nhưng không thủ tiêu cạnh tranh và

làm cạnh tranh đa dạng và gay gắt hơn

c) Độc quyền sinh ra từ cạnh tranh, nó không đối lập với cạnh tranh và làm cạnh tranh ngày càng

đa dạng và gay gắt hơn

d) Độc quyền đối lập với cạnh tranh, không thủ tiêu cạnh tranh và làm cạnh tranh đa dạng và gawy

gắt hơn

a --- 28. Cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền và xí nghiệp ngoài độc quyền nhằm:

a) Thôn tính các xí nghiệp ngoài độc quyền và chèn ép chi phối các xí nghiệp ngoài độc quyền

b) Tạo động lực cho các xí nghiệp ngoài độc quyền

c) Hỗ trợ cho các xí nghiệp ngoài độc quyền phát triển

b --- 29. Biện pháp cạnh tranh mà tổ chức độc quyền áp dụng với các tổ chức ngoài độc quyền:

a) Áp dụng vũ lực

b) Độc chiếm nguồn nguyên liệu, nhân công

c) Thương lượng

d) Chia nguồn nhiên liệu, nhân công theo tỷ lệ nhất định

c --- 30. Kết quả cạnh tranh giữa các tổ chức độc quyền trong cùng một ngành:

a) Một sự thỏa hiệp được hình thành

b) Một bên phá sản

c) Một sự thỏa hiệp được hình thành hoặc một bên phá sản

d) Cả hai cùng lớn mạnh

b --- 31. Kết quả của cạnh tranh nội bộ ngành:

a) Hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân

b) Hình thành giá trị xã hội

c) Hình thành giá cả sản xuất

d) Hình thành giá cả độc quyền

d --- 32. Mục đích của cạnh tranh giữa các nhà tư bản trong nội bộ tổ chức độc quyền:

a) Giành thị trường tiêu thụ

b) Giành tỷ lệ sản xuất cao hơn

c) Thôn tính nhau

d) Giành thị trường tiêu thụ hoặc Giành tỷ lệ sản xuất cao hơn

c --- 33. Khi chủ nghĩa tư bản độc quyền ra đời:

a) Nó phủ định các quy luật trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh

b) Phủ định các quy luật của nền sản xuất hàng hóa

c) Làm cho quy luật của nền sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản có những biểu hiện mới

d) Nó không làm thay đổi quy luật của nền sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa tư bản thay đổi

c --- 34. Do có địa vị độc quyền, các tổ chức độc quyền áp đặt:

a) Giá cả sản xuất

b) Giá trị của hàng hóa

c) Giá cả độc quyền

d) Giá cả chính trị

d --- 35. Do có địa vị độc quyền, các tổ chức độc quyền áp đặt:

a) Giá cả độc quyền thấp khi mua và bán đúng giá trị

b) Mua đúng giá trị và bán với giá cả độc quyền cao

c) Giá cả sản xuất cao

d) Giá cả độc quyền thấp khi mua, cao khi bán

c --- 36. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền:

a) Quy luật giá trị không hoạt động

b) Quy luật giá trị hoạt động kém hiệu quả

c) Quy luật giá trị vẫn hoạt động

d) Quy luật giá trị lúc hoạt động, lúc không

a --- 37. Các tổ chức độc quyền thi hành chính sách giá cả độc quyền để:

a) Chiếm đoạt giá trị thặng dư của những người khác

b) Áp đặt giá cả lên thị trường

c) Gây rồi loạn thị trường

d) Gây thiệt hại cho các nước đối thủ cạnh tranh

b --- 38. Trong toàn bộ nền kinh tế:

a) Tổng giá cả > tổng giá trị

b) Tổng giá cả = tổng giá trị

c) Tổng giá cả < tổng giá trị

d) Tổng giá cả ≥ tổng giá trị

a --- 39. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, quy luật giá trị biểu hiện thành:

a) Quy luật giá cả sản xuất

b) Quy luật giá cả độc quyền

c) Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

d) Quy luật lợi nhuận bình quân

b --- 40. Trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền, quy luật giá trị biểu hiện thành:

a) Quy luật giá cả sản xuất

b) Quy luật giá cả độc quyền

c) Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

d) Quy luật lợi nhuận bình quân

c --- 41. Trong giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, quy luật giá trị thặng dư biểu

hiện thành:

a) Quy luật giá cả sản xuất

b) Quy luật giá cả độc quyền

c) Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

d) Quy luật lợi nhuận độc quyền cao

d --- 42. Trong giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền, quy luật giá trị thặng dư biểu hiện

thành:

a) Quy luật giá cả sản xuất

b) Quy luật giá cả độc quyền

c) Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

d) Quy luật lợi nhuận độc quyền cao

b --- 43. Nguồn gốc hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân:

a) Do cạnh tranh nội bộ ngành

b) Do cạnh tranh giữa các ngành

c) Do địa vị độc quyền

d --- 44. Bản chất lợi nhuận độc quyền hình thành là do:

a) Cạnh tranh nội bộ ngành

b) Cạnh tranh giữa các ngành

c) Cạnh tranh giữa các nước

d) Do địa vị độc quyền đem lại

c --- 45. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước hình thành rõ nét từ:

a) Thế kỷ XIX

b) Cuối thể kỷ XIX - đầu thế kỷ XX

c) Giữa thế kỷ XX

d) Đầu thế kỷ XXI

d --- 46. Sự phát triển của trình độ xã hội hóa lực lượng sản xuất đòi hỏi:

a) Nhà nước can thiệp vào kinh tế với vai trò quản lý chung

b) Nhà nước không can thiệp vào kinh tế

c) Nhà nước chỉ can thiệp vào kinh tế với vai trò người gác cổng

d) Nhà nước can thiệp vào kinh tế ở cấp độ vi mô

d --- 47. Nhà nước tư sản đảm nhận đầu tư kinh doanh vào các ngành:

a) Đầu tư lớn, thu hồi vốn nhanh, ít lợi nhuân

b) Đầu tư lơn, thu hồi vốn chậm, lợi nhuận cao

c) Đầu tư vừa và nhỏ, lợi nhuận cao, thu hồi vốn nhanh

d) Đầu tư lớn, thu hồi vốn chậm, ít lợi nhuận

b --- 48. Chủ nghĩa tư bản độc quyền hình thành và phát triển làm cho:

a) Mâu thuẫn giai cấp vô sản và tư sản ngày càng được xoa dịu

b) Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản ngày càng sâu sắc

c) Không còn mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản

d) Đời sống của nhân dân lao động ngày càng tốt đẹp hơn

b --- 49. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước đã:

a) Mâu thuẫn giai cấp vô sản và tư sản ngày càng được xoa dịu

b) Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản ngày càng sâu sắc

c) Không còn mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản

d) Làm hạn chế các tổ chức độc quyền

a --- 50. Bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước:

a) Sự kết hợp giữa tổ chức độc quyền tư nhân và nhà nước tư sản

b) Sự kết hợp giữa các tổ chức độc quyền xuyên quốc gia

c) Sự kết hợp giữa các nước đế quốc

d) Sự đấu tranh giữa các tổ chức độc quyền tư nhan và nhà nước tư sản

b --- 51. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước nhằm:

a) Phục vụ lợi ích của nhân dân lao động

b) Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân

c) Phục vụ lợi ích của nhà nước tư sản

d) Phục vụ lợi ích của tổ chức độc quyền tư nhân và cứu nguy cho chủ nghĩa tư bản

b --- 52. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là:

a) Một phương thức sản xuất mới

b) Một giai đoạn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa

c) Một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội

d) Giai đoạn đầu của phương thức sản xuất sau công nguyên

b --- 53. Trong cơ chế phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước:

a) Tổ chức độc quyền phụ thuộc và nhà nước

b) Bộ máy nhà nước phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền

c) Bộ máy nha nước không phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền

d) Nhà nước chi phối các tổ chức độc quyền

c --- 54. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự thống nhất của các quá trình:

a) Tăng sức mạnh của tổ chức độc quyền tư nhân

b) Tăng vai trò can thiệp của nhà nước tư sản

c) Kết hợ sức mạnh của tổ chức độc quyền với sức mạnh của nhà nước trong cơ chế thống nhất và

nhà nước phụ thuộc vào các tổ chức độc quyền

a --- 55. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là:

a) Một quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội

b) Một chính sách trong giai đoạn độc quyền

c) Một cơ chế điều tiết của nhà nước tư sản

d) Một kiểu tổ chức kinh tế - xã hội

a --- 56. Hình thức can thiệp bằng bạo lực và phi kinh tế của:

a) Nhà nước chiếm hữu nô lê và nhà nước phong kiến

b) Nhà nước tư bản chủ nghĩa

c) Nhà nước xã hội chủ nghĩa

d --- 57. Ngày nay, sự can thiệp của nhà nước tư sản thể hiện:

a) Vào khâu suất khẩu

b) Vào khâu phân phối - trao đổi

c) Vào khâu sản xuất - tiêu dùng

d) Sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng

d --- 58. Sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước thể hiện ở:

a) Liên minh giữa cá nhân tổ chức độc quyền ngân hàng với tổ chức đọc quyền công nghiệp

b) Liên minh giữa tổ chức độc quyền công nghiệp với chính phủ

c) Liên minh giữa tổ chức độc quyền ngân hàng với chính phủ

d) Liên minh giữa tổ chức độc quyền ngân hàng, tổ chức độc quyền công nghiệp và chính phủ

b --- 59. Sở hữu độc quyền nhà nước là sự kết hợp:

a) Sở hữu nhà nước và sở hữu tư bản tư nhân

b) Sở hữu nhà nước và sở hữu độc quyền tư nhân

c) Sở hữu của nhà nước đế quốc

d) Sở hữu của các tổ chức độc quyền đế quốc

c --- 60. Cơ cấu kinh tế của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự dung hợp:

a) Cơ chế thị trường và độc quyền tư nhân

b) Độc quyền tư nhân và sự điều tiết của nhà nước

c) Cơ chế thị trường, độc quyền tư nhân và sự can thiệp của nhà nước

c --- 1. Giai cấp công nhân hình thành và phát triển mạnh trong xã hội nào:

a) Xã hội chiếm hữu nô lệ

b) Xã hội phong kiến

c) Xã hội tư bản chủ nghĩa

d) Xã hội xã hôi chủ nghĩa

d --- 2. Yếu tố nào giữ vai trò quyết định nhất đối với tính cách mạng triệt để nhất của giai cấp công

nhân:

a) Bị bóc lột nặng nề nhất trong chủ nghĩa tư bản

b) Bị áp bức nặng nề nhất

c) Nghèo khổ nhất trong chủ nghĩa tư bản

d) Đại diện cho xã hội tương lai

d --- 3. Giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa:

a) Không bị bóc lột

b) Vẫn bị bóc lột như trước đây

c) Bị bóc lột ít hơn trước đây

d) Bị bóc lột nặng nề hơn trước đây

b --- 4. Trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân...?

a) Không còn bị bóc lột

b) Còn một phần bị bóc lột

c) Còn bị bóc lột

d) Còn bị bóc lột nhưng mức độ ít hơn trước đây

a --- 5. Trong tác phẩm tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng đinh: " tất cả

các giai cấp khác đều suy tàn, tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp

vô sản lại là... của bản thân nền đại công nghiệp"

a) Sản phẩm

b) Thành tựu

c) Kết quả

d) Con đẻ

d --- 6. Sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân là...?

a) Xóa bỏ chế độ tư hữu

b) Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

c) Xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa

d) Xóa bỏ nhà nước của giai cấp tư sản, xây dựng thanh công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng

sản

c --- 7. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vừa mang tính...vừa mang tính...?

a) Giai cấp...dân tộc

b) Giai cấp...nhân dân

c) Dân tộc...quốc tế

d) Dân tộc...nhân loại

d --- 8. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chuyển từ tự phát sang tự giác khi...?

a) Có biểu tình, bãi công của công nhân

b) Có tổ chức công đoàn

c) Có lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học

d) Có Đảng Cộng sản lãnh đạo

a --- 9. Đảng cộng sản mang bản chất của giai cấp nào...?

a) Giai cấp công nhân

b) Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân

c) Giai cấp công nhân và nhân dân lao động

d) Giai cấp công nhân và dân tộc

a --- 10. Quy luật kinh tế cho sự ra đời của Đảng Cộng sản ở tất cả các nước là sự kết hợp...?

a) Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân

b) Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước

c) Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào nông dân

d) Chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào dân tộc

c --- 11. Đảng Cộng sản đại biểu cho lợi ích của giai cấp nào?

a) Giai cấp công nhân

b) Giai cấp công nhân và giai cấp nông dân

c) Giai cấp công nhân và nhân dân lao động

d) Tất cả các giai cấp, và các tầng lớp nhân dân trong xã hội

c --- 12. Đảng cộng sản tổ chức sinh hoạt theo nguyên tắc:

a) Tự nguyện + tự quản

b) Tự nguyện + bình đẳng + cùng có lợi

c) Tập trung dân chủ + đấu tranh phê và tự phê + tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách

d) Hiệp thương dân chủ + tôn trọng lẫn nhau

d --- 13. Nguyên nhân sâu xa của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là do:

a) Sự nghèo khổ của giai cấp công nhân

b) Chiến tranh thế giới

c) Nội chiến

d) Tính chất xã hội hóa của lực lượng sản xuất

d --- 14. Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là?

a) Giai cấp công nhân đòi tăng lương, giảm giờ làm, đòi dân chủ mở rộng

b) Giai cấp công nhân đòi mở rộng dân chủ, giành lấy chính quyền về tay của giai cấp mình

c) Giai cấp công nhân giành lấy chính quyền và trở thành giai cấp dân tộc

d) Giai cấp công nhân giành lấy chính quyền, tập hợp quần chúng nhân dân xây dựng thành công

xã hôi mới - xã hội chủ nghĩa về mọi mặt

d --- 15. Động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa:

a) Giai cấp tư sản, giai cấp công nhân

b) Giai cấp tư sản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân

c) Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân

d) Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, những người lao động khác

b --- 16. Nội dung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực:

a) Kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ

b) Kinh tế, chính trị - văn hóa tư tưởng

c) Kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ

d) Kinh tế, chính trị, văn học nghệ thuật

b --- 17. Thưc chất của cách mạng xã hội chủ nghĩa có tính chất

a) Chính trị

b) Kinh tế

c) Văn hóa

d) Tư tưởng

d --- 18. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa kết thúc khi:

a) Xóa bỏ chính quyền của giai cấp tư sản

b) Xây dựng được nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động

c) Xóa bỏ được giai cấp bóc lột

d) Xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước

a --- 19. Nội dung nào quan trọng nhất trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp

nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác?

a) Liên minh về kinh tế

b) Liên minh về chính trị

c) Liên minh về văn hóa

d) Liên minh về xã hội

c --- 20. Những nguyên tắc xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân và các

tầng lớp nhân dân lao động khác?

a) Đảm bảo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân

b) Đảm bảo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và nhân dân lao động

c) bảo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân , tự nguyện của các giai cấp tầng lớp, kết hợp đúng đắn

các lợi ích

d) bảo sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, thực hiện sự bình đẳng giai cấp

a --- 21. điều kiện nào quyết định cho sự xuất hiện hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa:

a) sự phát triển mạnh của lực lượng sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản

b) mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản trở nên gay gắt

c) xây dựng được Đảng Cộng sản

d) dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân lật đổ được giai cấp thống trị và giành

được chính quyền

a --- 22. nhận đinh: Cách mạng vô sản phải là bài đồng ca của hai giai cấp công nhân và nông dân, đặc

biệt ở những quốc gia nông dân, nếu không có được bài đồng ca đó, thì bài đơn ca của giai cấp

công nhân sẽ trở thành bài ai điếu... là của ai?

a) C. Mác

b) Ph. Ăngghen

c) V.I.Lênin

d) Hồ Chí Minh

c --- 23. Câu nói: "chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô

sản, đội tiên phong của những người lao động với đông đảo những tầng lớp lao động không phải

là vô sản" là của ai?

a) C. Mác

b) Ph. Ăngghen

c) V.I.Lênin

d) Hồ Chí Minh

a --- 1. Tư tưởng dân chủ đầu tiên xuất hiện khi nào?

a) Thế kỷ thứ VIII trước công nguyên

b) Thế kỷ thứ VII trước công nguyên

c) Thế kỷ thứ VI trước công nguyên

d) Thế kỷ thứ VI trước công nguyên

c --- 2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa đầu tiên xuất hiện ở nước nào?

a) Pháp

b) Đức

c) Nga

d) Liên xô

c --- 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa mang tính...vừa mang tính...vừa mang tính...

a) Dân tộc...giai cấp...nhân loại

b) Dân tộc...nhân loại...giai cấp

c) Giai cấp...dân tộc...nhân loại

d) Giai cấp...dân tộc...nhân dân

d --- 4. Những xã hội nào thừa nhận chế độ dân chủ:

a) Xã hội công xã nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ

b) Xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến

c) Xã hội chiếm hữu nô lệ,xã hội phong kiến, xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội xã hội chủ nghĩa

d) Xã hội chiếm hữu nô lệ , xã hội tư bản chủ nghĩa, xã hội xã hội chủ nghĩa

a --- 5. Dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp...

a) Công nhân

b) Công nhân, nông dân

c) Công nhân, nông dân và tri thức

d) Công nhân, nông dân và nhân dân lao động

a --- 6. Nhà nước pháp trị và nhà nước pháp quyền có điểm gì giống nhau:

a) Dùng pháp luật để quản lý xã hội

b) Khẳng định quyền lực tối cao của pháp luật

c) Quan chức nhà nước do nhân dân bầu ra và bãi nhiệm

d) Khẳng định mối quan hệ trách nhiệm giữa nhà nước và công dân, công dân và nhà nước

d --- 7. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang...

a) Bản chất giai cấp công nhân và nhân dân lao động

b) Bản chất giai cấp công nhân và nông dân

c) Bản chất giai cấp công nhân, tính quần chúng rộng rãi

d) Bản chất giai cấp công nhân, tính quần chúng rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc

d --- 8. Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay bao gồm:

a) Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa

b) Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa, mặt trận tổ quốc Việt Nam

c) Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa các tổ chức xã hội

d) Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức chính trị xã hội

c --- 9. Điền vào chỗ trống: văn hóa là toàn bộ những giá trị....do con người sáng tạo ra bằng lao động

và hoạt động thực tiễn trong quá trình lịch sử của mình; biểu hiện trình độ phát triển xã hội

trong từng thời kỳ lịch sử nhất định

a) Của cải vật chất

b) Tinh thần

c) Vật chất và tinh thần

d) Lịch sử

a --- 10. Điền vào chỗ trống: con người xã hội chủ nghĩa là con người có tinh thần và năng lực xây dựng

thành công chủ nghĩa xã hội; là con người lao động mới; là con người có tinh thần...; là con

người có lối sống tình nghĩa, có tính cộng đồng cao?

a) Yêu chân chính và tinh thần quốc tế trong sáng

b) Yêu nhà nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản

c) Yêu nước nồng nàng vfaf tinh thần quốc tế vô tư

d) Yêu nước vô sản và tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa

a --- 11. Điền vào chỗ trống: gia đình văn hóa mới xã hội chủ nghĩa là gia đình được xây dựng, tồn tại và

phát triển trên cơ sở...đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của nhân loại về gia đình?

a) Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, những tàn

tích của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến, tư bản chủ nghĩa

b) Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những yếu tố lạc hậu, những tàn

tích của chế độ phong kiến, những tàn dư tư sản

c) Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ những tàn dư của xã hội

phong kiến và tư sản

d) Giữ gìn và phát huy truyền thống của dân tộc, xóa bỏ những tàn dư của phong kiến và tư sản

d --- 12. Điền vào chỗ trống: nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa được xây dựng và phát triển

trên nền tảng...do Đảng cộng sản lãnh đạo nhằm thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về đời

sống văn hóa tinh thần của nhân dân, đưa nhân dân lao động thực sự trở thành chủ sáng tạo và

hưởng thụ văn hóa

a) Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân

b) Kinh tế xã hội chủ nghĩa

c) Kinh tế dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

d) Văn hóa dân tộc

b --- 13. Điền vào chỗ trống: dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành

nhân dân một quốc gia...trong quá trình dựng nước và giữ nước.

a) Có lãnh thổ chung, có quốc ngữ chung

b) Có lãnh thổ chung, có nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền

thống đấu tranh chung

c) Có lãnh thổ chung, có nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền

thống đấu tranh chung, có cùng một lịch sử chung

d) Có lãnh thổ chung, có nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền

thống đấu tranh chung, có quốc gia thống nhất

a --- 14. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, những nguyên tắc cơ bản trong việc giải quyết vấn

đề dân tộc là:

a) Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất các

các dân tộc lại

b) Các dân tộc độc lập, có quyền tự quyết, hợp tác

c) Các dân tộc bình đẳng, hữu nghị đoàn kết, tiến bộ

d) Các dân tộc hợp tác, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau

c --- 15. ở các nước phương Tây, dân tộc hình thành từ khi nào?

a) Chế độ cộng sản nguyên thủy

b) Chế độ phong kiến

c) Chế độ tư bản chủ nghĩa

d) Chế độ xã hội chủ nghĩa

c --- 16. Điền vào chỗ trống: Trong xu hướng thứ nhất, do sự thức tỉnh và trường thành của ý thức dân

tộc mà cộng đồng dân cư muốn...để xác lập dân tộc độc lập.

a) Đoàn kết

b) Hợp tác với nhau

c) Tách ra

d) Hợp nhất lại

d --- 17. Điền vào chỗ trống: trong xu hướng thứ hai, các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc, thậm chí

các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn...với nhau

a) Đoàn kết

b) Hợp tác với nhau

c) Tách ra

d) Hợp nhất lại

c --- 18. Điền vào chỗ trống: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là quyền...của các dân tộc

a) Phát triển

b) Sống còn

c) Thiêng liêng

d) Cao cả

b --- 19. Điền vào chỗ trống: Quyền dân tộc tự quyết là quyền...đối với vận mệnh của dân tộc mình

a) Tự quyết định

b) Làm chủ

c) Tự lo liệu

d) Tự do phát triển

c --- 20. Các dân tộc phương đông, yếu tố nào là cơ bản nhất để hình thành dân tộc

a) Do sự phát triển kinh tế

b) Do yếu tố chính trị

c) Do yêu cầu đoàn kết chống lại thiên nhiên khắc nghiệt và chống giặc ngoại xâm

d) Do sự phát triển và giao lưu văn hóa

b --- 21. "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc con người - của

những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hằng ngày của họ; chỉ là sự phản trong đó những

lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế" Luận điểm trên là của

ai?

a) C. Mác

b) Ph. Ăngghen

c) V.I.Lênin

d) Hồ Chí Minh

b --- 22. Dưới chủ nghĩa xã hội tôn giáo vẫn còn tồn tại do các nguyên nhân:

a) Nhận thức, chính trị

b) Nhận thức, kinh tế, tâm lý, chính trị, văn hóa

c) Nhận thức, văn hóa, tư tưởng

d) Nhận thức, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

a --- 23. Phất giáo xuất hiện khi nào?

a) Khoảng thế kỷ VI, thứ VII trước công nguyên

b) Khoảng thế kỷ thứ IV, thứ V trước công nguyên

c) Khoảng thế kỷ thứ II, thứ III trước công nguyên

d) Khoảng thế kỷ thứ II trước công nguyên

d --- 24. Hồi giáo xuất hiện khi nào?

a) Khoảng thế kỷ thứ VI, thứ VII trước công nguyên

b) Khoảng thế kỷ thứ I trước công nguyên

c) Khoảng thế kỷ thứ V sau công nguyên

d) Khoảng thế kỷ thứ VII sau công nguyên

c --- 25. Trong xã hội chủ nghĩa cần phải...

a) Đấu tranh xóa bỏ tôn giáo

b) Tạo điều kiện cho tôn giáo phát triển

c) Đảm bảo tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân

d) Hạn chế sự phát triển của tôn giáo

c --- 1. Chính sách cộng sản thời chiến ở Nga được thực hiện trong thời gian nào?

a) Từ năm 1917 đến năm 1920

b) Từ năm 1917 đến năm 1921

c) Từ năm 1918 đến năm 1921

d) Từ năm 1918 đến năm 1922

d --- 2. Liên xô được thành lập khi nào?

a) Năm 1920

b) Năm 1921

c) Năm 1922

d) Năm 1923

c --- 3. Hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa được hình thành khi nào?

a) Trước chiến tranh thế giới thứ hai

b) Trong chiến tranh thế giới thứ hai

c) Ngay sau chiến tranh thế giới thứ hai

d) Vào những năm 60 của thế kỷ XX

c --- 4. Khi bắt tay vào xây dựng xã hội chủ nghĩa, thu nhập quốc dân tính theo đầu người của Liên Xô bằng bao nhiêu của Mỹ?

a) 1/15

b) 1/20

c) 2/22

d) 1/25

c --- 5. Năm 1985, sản lượng công nghiệp của Liên xô bằng bao nhiêu phần trăm của Mỹ

a) 80%

b) 85%

c) 90%

d) 95%

d --- 6. Vào cuối năm 1980, số người có trình độ trung học và đại học ở Liên xô là bao nhiêu?

a) 150 triệu người

b) 155 triệu người

c) 159 triệu người

d) 164 triệu người

a --- 7. Diện tích và dân số các nước thuộc địa và nửa thuộc địa vào năm 1919 là bao nhiêu:

a) 72% diện tích và 70% dân số

b) 70% diện tích và 72% dân số

c) 72% diện tích và 80% dân số

d) 70% diện tích và 80% dân số

a --- 8. Chủ nghĩa xã hội đã có mấy lần khủng hoảng?

a) 3

b) 4

c) 5

d) 6

c --- 9. Cuộc khủng hoảng chủ nghĩa xã hội lần đầu tiên diễn ra vào năm nào?

a) Năm 1848

b) Năm 1870

c) Năm 1876

d) Năm 1890

b --- 10. Nguyên nhân sâu xa của sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu?

a) Do kinh tế còn thấp kém

b) Do quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội và duy trì quá lâu mô hình chủ nghĩa xã hội bao cấp

c) Do kẻ địch chống phá quyết liệt

d) Do sự lãnh đạo không đúng đắn của Đảng

a --- 11. Mâu thuẫn trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển hiện nay?

a) Có xu hướng dịu đi so với trước đây

b) Như trước đây

c) Như trước đây, nhưng có những biểu hiện mới

d) Gay gắt hơn trước đây và có những biểu hiện mới

a --- 12. Số lượng đói nghèo và thất nghiệp hiện nay trên thế giới?

a) 1,2 tỷ người nghèo đói và 1 tỷ người thất nghiệp

b) 1 tỷ người nghèo đói và 1,2 tỷ người thất nghiệp

c) 1,5 tỷ người nghèo đói và 1,2 tỷ người thất nghiệp

d) 2 tỷ người nghèo đói và 1,5 tỷ người thất nghiệp

c --- 13. GDP của Trung Quốc năm 2007 so với năm 1990 gấp bao nhiêu lần:

a) 8 lần

b) 8,35 lần

c) 8,38 lần

d) 8,4 lần

b --- 14. GDP Việt Nam năm 2007 so với năm 1990 gấp bao nhiêu lần:

a) 10 lần

b) 10, 2 lần

c) 10, 3 lần

d) 10, 4 lần

b --- 15. Hiện nay ở Mỹ La tinh có bao nhiêu nước cánh tả nắm quyền?

a) 10

b) 11

c) 12

d) 13

a --- 1. Thế nào là sản xuất tự cung, tự cấp?

a) Là một kiểu tổ chức kinh tế trong đó những sản phẩm được sản xuất ra nhằm mục đích thỏa

mãn nhu cầu tiêu dùng của bản thân người sản xuất

b) Sản xuất có tính chất khép kín

c) Quá trình sản xuất chỉ có hai khâu: sản xuất và tiên dùng

d) Sản xuất và tái sản xuất

a --- 2. Thế nào là phân công lao động xã hội?

a) Là phân công của xã hội về lao động hình thành những nghành nghề, nghề sản xuất khác nhau.

Là sự chuyên môn hóa nhất định đối với người sản xuất

b) Là phân công diễn ra trong đơn vị sản xuất

c) Là sự chuyên môn hóa nhất định đối với người sản xuất

d) Là chia nhỏ quá trình sản xuất, mỗi người chuyên đảm nhận một công đoạn

a --- 3. Nội dung cuộc đại phân công lao động xã hội lần thứ nhất là:

a) Trồng trọt tách khỏi chăn nuôi

b) Công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

c) Ngành thương nghiệp ra đời

d) Tiểu thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

d --- 4. Nội dung công cuộc đại phân công lao động xã hội lần thứ hai là:

a) Đại công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

b) Trồng trọt tách khỏi chăn nuôi

c) Ngành thương nghiệp ra đời

d) Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

c --- 5. Nội dung công cuộc đại phân công lao động xã hội lần thứ ba là:

a) Đại công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

b) Trồng trọt tách khỏi chăn nuôi

c) Ngành thương nghiệp ra đời

d) Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp

a --- 6. Điều kiện để ra đời và tồn tại của sản xuất hàng hóa:

a) Phân công lao động xã hội và sự tách biệt về kinh tế giữa các chủ thể sản xuất

b) Phân công lao động trong các giai đình xuất hiện

c) Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất

d) Nhu cầu trao đổi trong xã hội tăng lên

b --- 7. Hàng hóa là gì?

a) Là những vật để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của con người

b) Là hết thảy những vật, những thứ thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của con người và chúng được sản

xuất ra để trao đổi, buôn bán

c) Là những vật có giá trị sử dụng cao

d) Là những vật mà trên thị trường luôn khan hiếm

b --- 8. Quan hệ về tỷ lượng trong trao đổi giữa các hàng hóa với nhau do cái gì quy định?

a) Do tính hữu ích của hàng hóa

b) Do giá trị nội tại của hàng hóa

c) Do quan hệ cung - cầu

d) Do ngẫu nhiên

b --- 9. Cơ sở chung của quan hệ trao đổi giữa các hàng hóa là gì?

a) Là công dụng của hàng hóa

b) Là hao phí lao động kết tinh trong hàng hóa

c) Là nhu cầu của sự tiêu dùng

d) Là sự khan hiếm của hàng hóa

b --- 10. Trong các yếu tố sau đây, yếu tố nào là nguồn gốc của giá trị hàng hóa?

a) Nhà xưởng, máy móc

b) Lao động của con người

c) Đất đai

d) Kỹ thuật, công nghệ sản xuất

a --- 11. Trong các yếu tố sau đây, yếu tố nào được xác định là thực thể giá trị của hàng hóa?

a) Lao động trừu tượng

b) Lao động cụ thể

c) Lao động giản đơn

d) Lao động phức tạp

a --- 12. Giá trị hàng hóa được tạo ra từ đâu?

a) Từ sản xuất

b) Từ lưu thông

c) Cả sản xuất và lưu thông

d) Từ những kết quả của sự phát minh

a --- 13. Vì sao hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng?

a) Vì lao động sản xuất hàng hóa có tính hai mặt là : lao động cụ thể và lao động trừu tượng

b) Vì có lao động giản đơn và lao động phức tạp

c) Vì có lao động quá khứ và lao động sống

d) Vì nhu cầu trong trao đổi hàng hóa

d --- 14. Thế nào là lao động cụ thể?

a) Là những lao động có thể quan sát được, nhìn thấy được

b) Là những lao động ngành nghề

c) Là hoạt động có mục đích của con người

d) Là những lao động ngành nghề cụ thể, có mục đích riêng, có đối tượng riêng, thao tác riêng và

kết quả riêng

c --- "lao động là cha, còn đất là mẹ của mọi của cải". Khái niệm lao động trong câu nói này là lao

động nào?

a) Lao động giản đơn

b) Lao động phức tạp

c) Lao động cụ thể

d) Lao động trừu tượng

c --- 16. Thế nào là lao động trừu tượng?

a) Là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người

b) Là những lao động ngành nghề tạo ra của cải

c) Là lao động sản xuất hàng hóa nếu coi đó là sự hao phí sức lao động nói chung của con ngườ

b --- 17. Lao động trừu tượng tạo ra cái gì?

a) Tính hữu ích của sản phẩm hàng hóa

b) Giá trị hàng hóa

c) Tạo ra cả tính hưu ích và giá trị hàng hóa

b --- 18. Ai là người đầu tiên phát minh ra tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa: lao động cụ

thể và lao động trừu tượng?

a) Đ. Ricacđô

b) C. Mác

c) Ph. Ăngghen

d) V.I. Lênin

a --- 19. Mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa là gì?

a) Là mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội

b) Là mâu thuẫn giữa lao động cụ thể và lao động trừu tượng

c) Là mâu thuẫn giữa giá trị sử dụng và giá trị

d) Là mâu thuẫn giữa giá trị và giá cả hàng hóa

c --- 20. Lượng giá trị hàng hóa nhiều hay ít, cao hay thấp, được xác định như thế nào?

a) Xác định bằng thời gian lao động cá biệt

b) Xác định bằng thời gian lao động xã hội cần thiết

c) Xác định bằng thời gian lao động giản đơn, trung bình xã hội cần thiết

b --- 21. Thế nào là thời gian lao động xã hội cần thiết?

a) Là khoảng thời gian sản xuất của tuyệt đại bộ phận hàng hóa

b) Là khoảng thời gian cần thiết để sản xuất ra một loại hàng hóa nhất định trong điều kiện trình

độ kỹ thuật trung bình, trình độ khéo léo trung bình và cường độ lao động trung bình

c) Là khoảng thời gian sản xuất ra vàng, bạc

d) Là khoảng thời gian do người có trình độ chuyên môn cao quyết định

a --- 22. Thế nào là lao động giản đơn?

a) Là lao động không đòi hỏi phải có sự huấn luyện trước về chuyên môn, bất cứ người nào đến tuổi lao

động trong điều kiện bình thường đều tiến hành được

b) Lao động của những người nông dân, thợ thủ công cá thể

c) Lao động trong thời kỳ hợp tác giản đơn

d) Lao động sử dụng những công cụ lao động giản đơn

a --- 23. Điểm giống nhau giữa tăng năng suất lao động và tăng cường độ lao động?

a) Đều làm tăng thêm sản lượng sản phẩm được sản xuất ra trong một đơn vị thời gian

b) Đều làm giảm giá trị của một đơn vị hàng hóa

c) Đều làm tăng lượng lao động hao phí trong một đơn vị thời gian

d) Đều gắn với tiến bộ kỹ thuật

a --- 24. Phương hướng cơ bản, lâu dài để tăng sản phẩm xã hội?

a) Tăng năng suất lao động

b) Tăng cường độ lao động

c) Kéo dài thời gian lao động

d) Mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao trình độ khoa học công nghệ

a --- 25. Tỷ lệ giữa lao động phức tạp và lao động giản đơn tăng lên có ảnh hưởng như thế nào đến

lượng giá trị được tạo ra trong một đơn vị thời gian?

a) Tăng lên

b) Giữ nguyên không thay đổi

c) Giảm xuống

d) Tăng lên nhưng phải gắn với tiến bộ công nghệ

a --- 26. Khi nào tiền tệ ra đời?

a) Khi vật ngang giá chung được cố định ở vàng, bạc

b) Khi sản xuất và trao đổi đã phát triển

c) Khi không còn quan hệ trao đổi trực tiếp, có một thứ hàng làm trung gian trong trao đổi

d) Khi nhu cầu trao đổi vượt quá phạm vi quốc gia

b --- 27. Tiền tệ có mấy chức năng?

a) Ba chức năng

b) Năm chức năng

c) Sáu chức năng

d) Bảy chức năng

a --- Tiền tệ là bánh xe vĩ đại của lưu thông. Câu nói này là của ai và theo anh (chị) nó có đúng

không?

a) A. Smith và là câu nói đúng

b) Đ. Ricacđô và là câu nói đúng

c) C. Mác và là câu nói đúng

d) Đ. Ricacđô và là câu nói sai

d --- 29. Những chức năng nào của tiền tệ đòi hỏi phải có tiền vàng?

a) Tất cả các chức năng của tiền tệ

b) Chỉ có chức năng thước đo giá trị

c) Chức năng thước đo giá trị, chức năng tích lũy và chức năng cất trữ

d) Chức năng thước đo giá trị; chức năng tích lũy, cất trữ và chức năng tiền tệ thế giới

d --- 30. Quy luật căn bản của sản xuất và lưu thông hàng hóa là quy luật nào?

a) Quy luật cạnh tranh

b) Quy luật cung - cầu

c) Quuy luật lưu thông tiền tệ

d) Quy luật giá trị

a --- 31. Trong những trường hợp nào sau đây của hao phí lao động cá biệt, trường hợp nào không

đáp ứng yêu cầu của quy luật giá trị?

a) Hao phí lao động cá biệt > hao phí lao động xã hội cần thiêt

b) Hao phí lao động cá biệt < hao phí lao động xã hội cần thiết

c) Hao phí lao động cá biệt = hao phí lao động xã hội cần thiết

c --- 32. Cơ sở tồn tại của quy luật giá trị?

a) Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa

b) Nền sản xuất của cải vật chất nói chung

c) Nền kinh tế hàng hóa

d) Nền kinh tế thị trường

d --- 33. Phân công lao động xã hội là cơ sở của sản xuất hàng hóa với:

a. Phân công lao động xã hội dẫn tới chuyên môn hóa, hiệp tác hóa. Mỗi người chuyên sản xuất một loại sản phẩm. Họ cần sản phẩm của nhau.

b. Phân công lao động xã hội làm nảy sinh quan hệ trao đổi.

c. Phân công lao động xã hội là cơ sở của thị trường

d. Cả a, b, c

d --- 34. Thế nào là tư hữu về tư liệu sản xuất?

a. Tư liệu sản xuất thuộc quyền sở hữu riêng của từng người, từng chủ thể sản xuất

b. Các chủ sở hữu có quyền chi phối, sử dụng tư liệu sản xuất của mình vì lợi ích kinh tế của mỉnh

c. Các chủ sở hữu tự quyết định những đề kinh tế lớn: các gì, như thế nào, cho ai

d. Cả a, b, c